

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 579 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 22 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung một số nội dung của Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tạm thời tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Gia Lai quản lý;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1281/STC-QLGCS ngày 09/6/3017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung một số nội dung của Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành tạm thời tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

1. Bổ sung danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (phụ lục số 15).

2. Bổ sung Khoản 3, Điều 2: Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng đã ban hành tại Quyết định này, tại thời điểm thực hiện mua sắm nếu trên thị trường không có thì được chọn máy móc, thiết bị mang nhãn hiệu, chủng loại có giá trị tương đương để thay thế.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Tài chính (thay b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Đ/c PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành

TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG

Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố dưới 500 triệu/01 đơn vị tài sản
(Ban hành kèm theo Quyết định số 579 /QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
I	Các đơn vị thuộc ngành y tế				
I.1	Danh mục trang thiết bị y tế tuyến tỉnh				
1	Ấm nhiệt kế treo tường có kiểm định	Cái	10	2.000.000	
2	Băng ghế chờ khám bệnh	Cái	50	2.500.000	
3	Bìa Tăng Sáng 24 x 30	Cái	30	6.000.000	
4	Bìa Tăng Sáng 30 x 40	Cái	30	7.200.000	
5	Bộ dụng cụ phẫu thuật chi 40 chi tiết	Cái	10	186.900.000	
6	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa 35 chi tiết	Cái	10	199.500.000	
7	Bộ hoạt động trị liệu 16 chi tiết	Bộ	10	30.000.000	
8	Cảm biến oxy (Oxy cell)	Cái	10	15.000.000	
9	Cân sơ sinh điện tử	Cái	10	3.300.000	
10	Cáp nối cảm biến oxy	Cái	10	7.000.000	
11	CASSETT 24x30	Cái	10	4.000.000	
12	CASSETT 30x40	Cái	10	5.000.000	
13	Cây truyền dịch Inox	Cái	60	1.000.000	
14	Chén Inox phi 8cm	Cái	50	100.000	
15	Đầu nối oxy tường ra đồng hồ	Cái	50	800.000	
16	Đèn bút khám bệnh	Cái	50	500.000	
17	Đèn cực tím 90cm có đế	Cái	50	2.250.000	
18	Đèn Đặt Nội Khí Quản Khó	Cái	50	48.300.000	
19	Đồng hồ bấm giây dùng cho xét nghiệm	Cái	20	1.000.000	
20	Đồng hồ Oxy (02 đồng hồ)	Cái	50	4.000.000	
21	Đồng hồ oxy tường	Cái	50	1.800.000	
22	Forcep gấp thai	Cái	30	5.000.000	
23	Giường bệnh loại Inox 304 tốt (tùy theo giường bệnh)	Cái		9.000.000	
24	Giường hồi sức cấp cứu chỉnh điện 4 động cơ	Cái	10	200.000.000	
25	Hệ thống đầu đọc x-quang kỹ thuật số CR (USA)	HT	5	495.000.000	
26	Hệ thống kéo giãn cột sống lưng cổ giường nâng hạ điện	HT	10	200.000.000	
27	Hệ thống soi cổ tử cung	Cái	10	150.000.000	
28	Kéo các loại từ 22cm đến 30cm	Cái	50	100.000	
29	Kéo các loại từ 8cm đến 20cm	Cái	50	70.000	
30	Kẹp mạch máu	Cái	50	120.000	
31	Kẹp phẫu tích	Cái	50	90.000	
32	Kẹp tam giác	Cái	50	500.000	
33	Khay Cidex ngâm dụng cụ	Cái	50	9.000.000	
34	Khay đếm thuốc	Cái	30	120.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
35	Kim sinh thiết hút	Cái	100	30.000.000	
36	Kính soi cổ tử cung	Cái	30	60.000.000	
37	Máy điện xung điện phân, máy giao thoa, máy điều trị trung tần và thấp tần	Cái	10	180.000.000	
38	Máy điều trị điện xung, điện phân	Cái	10	200.000.000	
39	Máy định vị chóp	Cái	10	80.000.000	
40	Máy đo điện não 16 kênh đơn giản	Cái	10	100.000.000	
41	Máy đo độ đông máu cầm tay	Cái	10	300.000.000	
42	Máy đốt điện cao tần	Cái	10	200.000.000	
43	Máy khoan xương	Cái	10	30.000.000	
44	Máy lau sàn nhà liên hợp chạy bình hoặc điện	Cái	10	150.000.000	
45	Máy phun dung dịch khử trùng phòng mổ	Cái	5	220.000.000	
46	Máy siêu âm đa tần, điều trị bằng sóng siêu âm, máy siêu âm tĩnh	Cái	10	120.000.000	
47	Máy Xquang nha cầm tay	Cái	5	150.000.000	
48	Nệm giường các loại (tùy theo qui mô giường bệnh)	Cái		1.500.000	
49	Ống nghe bệnh	Cái	60	500.000	
50	Thau inox ngâm dụng cụ	Cái	50	1.500.000	
51	Tủ bảo quản Vaccin chuyên dùng	Cái	10	120.000.000	
52	Tủ đầu giường bệnh nhân (tùy theo qui mô giường bệnh)	Cái		3.000.000	
53	Tủ đựng thuốc sản nghiêng có ngăn độc AB	Cái	50	9.000.000	
54	Tua vis lục giác	Cái	20	5.000.000	
I.2	Danh mục trang thiết bị y tế tuyến huyện				
1	Máy kích thích liên xương	Cái	2	83.000.000	
2	Nhiệt kế y học 42 ⁰ c	Cái	50	30.000	
3	Ấm nhiệt kế treo tường có kiểm định	Cái	5	2.000.000	
4	Băng ghế chờ khám bệnh	Cái	30	2.500.000	
5	Bìa Tãng Sáng 24 x 30	Cái	10	6.000.000	
6	Bìa Tãng Sáng 30 x 40	Cái	104	7.200.000	
7	Bộ dụng cụ phẫu thuật chi 40 chi tiết	Cái	4	186.900.000	
8	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa 35 chi tiết	Cái	4	199.500.000	
9	Bộ hoạt động trị liệu 16 chi tiết	Bộ	4	30.000.000	
10	Cảm biến oxy (Oxy cell)	Cái	4	15.000.000	
11	Cân sơ sinh điện tử	Cái	4	3.300.000	
12	Cáp nối cảm biến oxy	Cái	4	7.000.000	
13	CASSETT 24x30	Cái	5	4.000.000	
14	CASSETT 30x40	Cái	5	5.000.000	
15	Cây truyền dịch Inox	Cái	5	1.000.000	
16	Chén Inox phi 8cm	Cái	20	100.000	
17	Đầu nối oxy tường ra đồng hồ	Cái	30	800.000	
18	Đèn bút khám bệnh	Cái	10	500.000	
19	Đèn cực tím 90cm có đế	Cái	10	2.250.000	
20	Đèn đặt nội khí quản khó	Cái	5	48.300.000	
21	Đồng hồ bấm giây dùng cho xét nghiệm	Cái	5	1.000.000	

STT	 Chung loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
22	Đồng hồ Oxy (02 đồng hồ)	Cái	10	4.000.000	
23	Đồng hồ oxy tường	Cái	10	1.800.000	
24	Forcep gấp thai	Cái	5	5.000.000	
25	Giường bệnh loại Inox 304 tốt (tùy theo qui mô giường bệnh)	Cái		9.000.000	
26	Giường hồi sức cấp cứu chỉnh điện 4 động cơ	Cái	5	200.000.000	
27	Hệ thống đầu đọc x-quang kỹ thuật số CR (USA)	HT	2	495.000.000	
28	Hệ thống kéo giãn cột sống lưng cổ giường nâng hạ điện	HT	2	200.000.000	
29	Hệ thống soi cổ tử cung	Cái	2	150.000.000	
30	Kéo các loại từ 22cm đến 30cm	Cái	20	100.000	
31	Kéo các loại từ 8cm đến 20cm	Cái	20	70.000	
32	Kẹp mạch máu	Cái	10	120.000	
33	Kẹp phẫu tích	Cái	10	90.000	
34	Kẹp tam giác	Cái	10	500.000	
35	Khay Cidex ngâm dụng cụ	Cái	10	9.000.000	
36	Khay đếm thuốc	Cái	10	120.000	
37	Kim sinh thiết hút	Cái	5	30.000.000	
38	Kính soi cổ tử cung	Cái	5	60.000.000	
39	Máy điện xung điện phân, máy giao thoa, máy điều trị trung tần và thấp tần	Cái	2	180.000.000	
40	Máy điều trị điện xung, điện phân	Cái	2	200.000.000	
41	Máy định vị chóp	Cái	2	80.000.000	
42	Máy đo điện não 16 Kênh đơn giản	Cái	2	100.000.000	
43	Máy đo độ đông máu cầm tay	Cái	2	300.000.000	
44	Máy đốt điện cao tần	Cái	2	200.000.000	
45	Máy Khoan xương	Cái	2	30.000.000	
46	Máy lau sàn nhà liên hợp chạy bình hoặc điện	Cái	2	150.000.000	
47	Máy phun dung dịch khử trùng phòng mổ	Cái	2	220.000.000	
48	Máy siêu âm đa tần, điều trị bằng sóng siêu âm, máy siêu âm tĩnh	Cái	2	120.000.000	
49	Máy Xquang nha cầm tay	Cái	2	150.000.000	
50	Nệm giường các loại (tùy theo qui mô giường bệnh)	Cái		1.500.000	
51	Ống nghe bệnh	Cái	30	500.000	
52	Thau inox ngâm dụng cụ	Cái	20	1.500.000	
53	Thùng nhựa giữ nhiệt đựng Vaccin	Cái	5	5.000.000	
54	Tủ bảo quản Vaccin chuyên dùng	Cái	2	120.000.000	
55	Tủ đầu giường bệnh nhân (tùy theo qui mô giường bệnh)	Cái		3.000.000	
56	Tủ đựng thuốc sát khuẩn có ngăn độc AB	Cái	10	9.000.000	
57	Tua vis lục giác	Cái	5	5.000.000	
I.3	Bệnh viện nhi				
1	Hệ thống xếp hàng tự động	Hệ thống	1	98.910.000	
2	Hệ thống âm thanh và hệ thống đèn Led hiển thị (phục vụ công tác khám chữa bệnh)	Hệ thống	1	99.800.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
I.4	Trung tâm Y tế Phú Thiện				
	Hệ thống xếp hàng tự động Technology (Việt Nam)	Hệ thống	1	67.578.000	
I.5	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ayun Pa				
	Hệ thống gọi y tá: Gồm				
	Trung tâm hiển thị số gọi phục vụ KW-CSI	Hệ thống	2	7.000.000	
	Nút nhấn khẩn không dây KW-EB02	Cái	10	550.000	
II	Các đơn vị thuộc ngành giáo dục				
II.1	Sở Giáo dục và Đào tạo				
1	Máy photocopy siêu tốc chuyên dùng sử dụng sao in đề thi toàn tỉnh	Cái	3	272.000.000	
2	Máy phô trang chuyên dùng sử dụng chia bộ đề thi toàn tỉnh	Cái	1	195.000.000	
3	Máy scan dùng để quét phiếu trả lời chấm trắc nghiệm	Cái	2	160.000.000	
4	Máy in khổ giấy A3	Cái	2	75.000.000	
II.2	Các đơn vị trực thuộc (49 đơn vị trực thuộc)				
1	Máy Photocopy siêu tốc chuyên sử dụng sao in đề thi sử dụng tại các đơn vị trực thuộc	Cái	01 Bộ/01 đơn vị	185.000.000	
2	Máy chấm trắc nghiệm: (gồm máy quét Scan và phần mềm chấm trắc nghiệm)	Bộ	01 Bộ/01 đơn vị	85.000.000	
II.3	Thiết bị phòng học tin học trung học phổ thông				
	Bảng tương tác	Cái	01 cái/01 Trường THPT	85.000.000	
	Bảng trượt bao gồm khung treo bảng tương tác	Cái	01 cái/01 Trường THPT	18.500.000	
	Máy chiếu cự ly gần dùng cho giáo viên	Cái	01 cái/01 Trường THPT	36.000.000	
	Máy vi tính giáo viên	Bộ	01 Bộ/Trường THPT	17.500.000	
	Máy in giáo viên	Cái	01 cái/01 Trường THPT	3.500.000	
	Máy vi tính học sinh	Bộ	45 Bộ/Trường THPT	12.600.000	
	Máy in học sinh	Cái	01 cái/01 Trường THPT	3.500.000	
	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01 Bộ/Trường THPT	3.600.000	
	Bàn vi tính đôi	Cái	23 Bộ/Trường THPT	2.655.000	
	Ghế học sinh	Cái	45 cái/01 Trường THPT	495.000	
	Thiết bị chuyển mạch	Cái	02 cái/01 Trường THPT	17.500.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Ôn áp LIOA	Cái	01 cái/01 Trường THPT	10.000.000	
II.4	Thiết bị khác				
	Bàn ghế phòng họp hội đồng	Bộ	01 Bộ/01 trường THPT	130.000.000	
	Giường phục vụ khu nội trú học sinh	Cái	200 Cái/01 trường phổ thông DTNT	7.000.000	
	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	45 Bộ/01 trường THPT	4.000.000	
	Thiết bị âm thanh	Bộ	01 Bộ/01 trường THPT	130.000.000	
	Máy tính xách tay dùng cho việc dạy học theo phương pháp mới	Cái	01 cái/01 trường THPT	17.000.000	
	Máy quay phim phục vụ hoạt động ngoại khóa	Cái	01 Cái/01 trường THPT	30.000.000	
	Máy in A3	Cái	01 Cái/01 trường THPT	40.000.000	
II.5	Thiết bị phòng thư viện			0	
	Giá để báo chí	Cái	02 Cái/01 trường THPT	1.000.000	
	Giá để sách thư viện (5 tầng, 3 ngăn)	Cái	05 Cái/01 trường THPT	15.000.000	
	Tủ trưng bày thư viện (tủ hộp đựng mục lục)	Cái	02 Cái/01 trường THPT	3.000.000	
	Bàn đọc sách thư viện cho giáo viên (8 chỗ ngồi/ 1 bàn)	Cái	03 Cái/01 trường THPT	15.000.000	
	Bàn đọc sách thư viện cho học sinh (6 chỗ ngồi (3 vách ngăn)/ 1 bàn)	Cái	05 Cái/01 trường THPT	13.000.000	
	Ghế dựa gỗ	Cái	50 Cái/01 trường THPT	1.500.000	
	Bàn máy vi tính	Cái	04 Cái/01 trường THPT	3.000.000	
	Máy vi tính	Bộ	04 Bộ/01 trường THPT	13.000.000	
	Tủ đựng hồ sơ	Cái	02 Cái/01 trường THPT	3.000.000	
	Các thiết bị khác (Bảng hoạt động, pano....)			2.000.000	
III	các đơn vị thuộc ngành thông tin và truyền thông				
	Sở Thông tin và Truyền thông				
III.1	Danh mục thiết bị điện tử chuyên dùng, thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị khác tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp tỉnh				

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
1	Máy chủ	Bộ	1	130.000.000	
2	Thiết bị lưu trữ	Cái	1	38.000.000	
3	Máy vi tính và lưu điện 500VA	Bộ	4	13.000.000	
4	Máy in A4	Bộ	4	7.000.000	
5	Lưu điện cho máy chủ (tối thiểu 1.500VA)	Cái	1	30.000.000	
6	Máy scanner 2 mặt tốc độ cao A4	Cái	1	27.000.000	
7	Máy scanner 2 mặt tốc độ cao A3	Cái	1	120.000.000	
8	Máy tính màn hình cảm ứng tra cứu hướng dẫn Thủ tục hành chính (tối thiểu 23 inches kèm theo kiosk tra cứu).	Hệ thống	1	30.000.000	
9	Hệ thống máy quét mã vạch (gồm màn hình Tivi, case máy tính và đầu đọc mã vạch).	Hệ thống	1	24.000.000	
10	Hệ thống xếp hàng tự động (tối đa 04 quầy).	Hệ thống	1	46.000.000	
11	Hệ thống màn hình thông báo tình hình giải quyết thủ tục hành chính (gồm 01 màn hình tối thiểu 50 inches và case máy tính)	Hệ thống	1	35.000.000	
12	Hệ thống Camera giám sát.	Hệ thống	1	40.000.000	
13	Màn hình cảm ứng (máy tính bảng tối thiểu 7 inches) để khảo sát sự hài lòng của cá nhân, tổ chức.	Cái	4	13.000.000	
14	Tủ rack chứa thiết bị	Cái	1	25.000.000	
15	Máy photo copy	Bộ	1	90.000.000	
16	Máy điều hòa	Bộ	1	20.000.000	
17	Hệ thống chống sét lan truyền	Bộ	1	220.000.000	
18	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách, làm việc	Chiếc	1	25.000.000	
19	Tủ đựng tài liệu	Bộ	1	5.000.000	
20	Quầy làm việc, bàn, ghế...			40.000.000	
III.2	Danh mục thiết bị điện tử chuyên dùng, thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị khác tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp huyện				
1	Máy chủ (dùng cho cấp huyện và xã)	Bộ	2	130.000.000	
2	Thiết bị lưu trữ	Cái	1	38.000.000	
3	Máy vi tính và lưu điện 500VA	Bộ	6	13.000.000	
4	Máy in A4	Bộ	6	7.000.000	
5	Lưu điện cho máy chủ (tối thiểu 1.500VA)	Cái	1	30.000.000	
6	Máy scanner 2 mặt tốc độ cao A4	Cái	1	27.000.000	
7	Máy scanner 2 mặt tốc độ cao A3	Cái	1	120.000.000	



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
8	Máy tính màn hình cảm ứng tra cứu hướng dẫn Thủ tục hành chính (tối thiểu 23 inches; kèm theo kiosk tra cứu).	Hệ thống	1	30.000.000	
9	Hệ thống máy quét mã vạch (gồm màn hình Tivi, case máy tính và đầu đọc mã vạch).	Hệ thống	1	24.000.000	
10	Hệ thống xếp hàng tự động (tối đa 06 quầy)	Hệ thống	1	55.000.000	
11	Hệ thống màn hình thông báo tình hình giải quyết thủ tục hành chính (gồm 01 màn hình tối thiểu 50 inches và case máy tính)	Hệ thống	1	35.000.000	
12	Hệ thống Camera giám sát.	Hệ thống	1	40.000.000	
13	Màn hình cảm ứng (máy tính bảng tối thiểu 7 inches) để khảo sát sự hài lòng của cá nhân, tổ chức.	Cái	6	13.000.000	
14	Tủ rack chứa thiết bị	Cái	1	25.000.000	
15	Máy photo copy	Cái	1	90.000.000	
16	Máy điều hòa	Bộ	1	20.000.000	
17	Hệ thống chống sét lan truyền	Bộ	1	220.000.000	
18	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách, làm việc	Bộ	1	20.000.000	
19	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	1	5.000.000	
20	Quầy làm việc, bàn, ghế...	Bộ	1	30.000.000	
III.3	Danh mục thiết bị điện tử chuyên dùng, thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị khác tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã				
1	Máy vi tính và lưu điện 500VA	Bộ	4	13.000.000	
2	Máy in A4	Bộ	4	7.000.000	
3	Máy scanner 2 mặt tốc độ cao A4	Cái	1	27.000.000	
4	Máy scanner 2 mặt tốc độ cao A3	Cái	1	120.000.000	
5	Máy tính màn hình cảm ứng tra cứu hướng dẫn Thủ tục hành chính (tối thiểu 23 inches kèm theo kiosk tra cứu).	Hệ thống	1	30.000.000	
6	Hệ thống máy quét mã vạch (gồm màn hình Tivi, case máy tính và đầu đọc mã vạch).	Hệ thống	1	24.000.000	
7	Hệ thống xếp hàng tự động (tối đa 04 quầy).	Hệ thống	1	46.000.000	
8	Hệ thống màn hình thông báo tình hình giải quyết thủ tục hành chính (gồm 01 màn hình tối thiểu 50 inches và case máy tính)	Hệ thống	1	35.000.000	
9	Hệ thống Camera giám sát.(Kèm màn hình hiển thị chuyên dụng.)	Hệ thống	1	40.000.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
10	Màn hình cảm ứng (máy tính bảng tối thiểu 7 inches) để khảo sát sự hài lòng của cá nhân, tổ chức.	Cái	4	13.000.000	
11	Máy photo copy	Cái	1	90.000.000	
12	Hệ thống chống sét lan truyền	Bộ	1	150.000.000	
13	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách, làm việc	Bộ	1	15.000.000	
14	Quầy làm việc, bàn, ghế...	Bộ	1	20.000.000	
III.4	Danh mục thiết bị họp trực tuyến				
1	Thiết bị đầu cuối hội nghị truyền hình độ phân giải Full HD1080 tại phòng họp trung tâm	Bộ	1	380.200.000	
2	Camera hội nghị truyền hình	Bộ	1	160.000.000	
3	Thiết bị chuyển mạch camera	Cái	1	16.000.000	
4	Thiết bị chuyển mạch (switch)	Cái	2	12.000.000	
5	Tivi hiển thị hình ảnh (tối thiểu 50 inch)	Cái	2	25.000.000	
6	Máy tính xách tay vận hành hệ thống	Cái	1	20.000.000	
7	Tủ kệ đặt thiết bị Codec	Cái	1	15.000.000	
8	Amplify Mixer 120W	Cái	1	6.000.000	
9	Loa 500W	Cái	1	20.000.000	
10	Ampli	Cái	5	19.948.000	
11	Mic chủ tọa	Gói	1	5.000.000	
12	Gói vật tư phụ kiện	Bộ	1	5.000.000	
13	Thiết bị đầu cuối hội nghị truyền hình độ phân giải Full HD1080.	Cái	1	380.200.000	
14	Tivi hiển thị hình ảnh (tối thiểu 50 inch)	Cái	1	25.000.000	
15	Tủ kệ đặt thiết bị Codec	Cái	1	15.000.000	
16	Amplify Mixer	Cái	1	6.000.000	
17	Loa 500W	Cái	1	20.000.000	
18	Ampli	Cái	3	19.948.000	
19	Mic chủ tọa	Cái	1	5.000.000	
III.5	Danh mục thiết bị phục vụ công tác thanh tra chuyên ngành TT&TT				
1	Máy đếm tần số vô tuyến điện	Cái	1	12.500.000	
2	Máy in	Cái	2	6.000.000	
3	Máy tính xách tay Laptop	Cái	1	13.500.000	
4	Máy hủy tài liệu	Cái	1	6.000.000	
5	Máy ảnh (Có chức năng camera)	cái	1	14.000.000	
III.6	Danh mục thiết bị phục vụ công tác tại Trung tâm công nghệ Thông tin và Truyền thông				

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
1	Máy in nhận cầm tay	cái	1	15.000.000	
2	Đồng hồ đo điện trở đất	Bộ	1	13.000.000	
3	Bộ dụng cụ làm mạng	Cái	2	10.000.000	
4	Tivi hiển thị theo dõi hệ thống	Cái	1	25.000.000	
5	Máy chiếu (đào tạo)	Cái	1	25.000.000	
6	Màn chiếu di động	Cái	2	8.000.000	
7	Máy tính xách tay	Cái	1	20.000.000	
8	Máy hủy tài liệu			6.000.000	
III.7	Danh mục Thiết bị phục vụ hoạt động cho hệ thống thông tin địa lý GIS				
1	Máy chủ Web	Chiếc	3	220.000.000	
2	Máy chủ ảo hóa	Chiếc	3	297.000.000	
3	Máy chủ ứng dụng	Chiếc	4	220.000.000	
4	Máy chủ dịch vụ	Chiếc	6	63.800.000	
5	Tủ đĩa NAS cho hệ thống GIS & Backup dữ liệu	Chiếc	1	337.700.000	
6	Thiết bị định tuyến Internet	Chiếc	2	330.000.000	
7	Thiết bị bảo mật Internet (Firewall vùng Internet)	Chiếc	2	385.000.000	
8	Thiết bị bảo mật vùng máy chủ ứng dụng	Chiếc	2	462.000.000	
9	Switch Gigabit cho vùng Database	Chiếc	2	62.700.000	
10	Switch Gigabit cho vùng DMZ/Internet	Chiếc	4	62.700.000	
11	Chuyển mạch lưu trữ SAN Switch	Chiếc	2	198.000.000	
12	Thiết bị NVR (network video recoder) 6TB cho camera	Chiếc	1	47.300.000	
13	Tủ rack 42U	Chiếc	2	132.000.000	
III.8	Danh mục thiết bị phục vụ hoạt động của Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai				
1	Tủ điện MDB Việt Nam	Chiếc	1	110.121.000	
2	Tủ điện UDB Việt Nam	Chiếc	1	71.126.000	
3	Cáp điện cho hệ thống điện	Hệ thống	1	112.348.000	
4	Hệ thống chiếu sáng, công tắc, ổ cắm	Hệ thống	1	12.474.000	
5	Vật tư phụ hệ thống điều hoà	Hệ thống	1	132.000.000	
6	Hệ thống tủ rack 42U: 3C electric/ Planet KVM switch tích hợp màn hình	Bộ	2	88.000.000	
7	Network rack 42U: 3C electric	Cái	2	33.000.000	
8	Cáp quang nối các switch, máy chủ	Hệ thống	1	255.640.000	
9	Đầu đọc vân tay, kiểm trung tâm kiểm soát cửa ra vào phòng máy chủ	Chiếc	1	29.920.000	
10	Vật tư khóa chốt, giá đỡ, nút thoát cửa vào ra phòng	Bộ	1	24.200.000	
11	Hệ thống Camera giám sát an ninh	Hệ thống	1	99.000.000	
12	Hệ thống sân nâng	Hệ thống	1	298.540.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
13	Trần thả, kính, cửa chống cháy	Hệ thống	1	70.950.000	
14	Hệ thống chống sét	Hệ thống	1	198.000.000	
15	Thiết bị phòng NOC	Hệ thống	1	144.210.000	
16	Card HBA	Chiếc	1	37.950.000	
17	Máy chủ ảo hóa - cloud	Chiếc	4	407.220.000	
18	SAN Switch	Chiếc	1	363.000.000	
19	Thiết bị Tape Library backup	Chiếc	1	401.610.000	
20	Router Module (router WAN, router Internet)	Chiếc	1	111.100.000	
21	Switch cho các máy chủ	Chiếc	2	429.000.000	
22	Trạm biến áp	Hệ thống	1	400.000.000	
IV	Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai				
	Văn phòng Ủy ban nhân dân				
	Máy tính xách tay HP pavilion x360u103TU	Bộ	30	13.000.000	
	Linh kiện, phụ kiện lắp đặt hệ thống máy tính	Bộ	30	500.000	
V	Các đơn vị thuộc ngành tài nguyên và môi trường				
	Sở Tài nguyên & Môi trường				
1	Thiết bị lấy mẫu bụi, khí lưu lượng lớn	cái	2	465.000.000	
2	Thiết bị đo độ rung	cái	2	258.000.000	
3	Máy đo độ ồn tích phân kèm theo bộ chuẩn ồn	cái	1	198.000.000	
4	Máy đo pH, nhiệt độ cầm tay	cái	1	38.500.000	
5	Máy đo EC/TDS/Salt cầm tay	cái	1	61.500.000	
6	Máy đo DO cầm tay	cái	1	79.800.000	
7	Máy đo độ đục cầm tay	cái	1	91.500.000	
8	Thiết bị phân tích kim loại nặng hiện trường	cái	1	168.970.000	
9	Dụng cụ lấy mẫu bùn trầm tích thông thường (kiểu Ekman grab)	cái	1	64.490.000	
10	Thiết bị khoan lấy mẫu đất theo tầng	cái	1	179.800.000	
11	Thiết bị đo độ sâu	cái	1	13.500.000	
12	Máy phân tích hàm lượng dầu trong nước tự động (Bộ thu hồi và tái chế dung môi)	cái	1	408.000.000	
13	Bộ phân tích TSS (Bình lọc TSS)	bộ	4	41.360.000	
14	Máy lắc mẫu (kiểu votex)	cái	1	105.000.000	
15	Máy lắc ngang	cái	1	110.000.000	
16	Lò nung	cái	1	183.500.000	
17	Bể điều nhiệt	cái	1	56.600.000	
18	Máy lọc nước cất 2 lần	cái	1	131.000.000	
19	Tủ bảo quản mẫu	cái	2	156.000.000	
20	Tủ lạnh âm sâu	cái	2	172.800.000	

STT	 Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
21	Tủ hút phòng thí nghiệm chịu hóa chất, axit	cái	1	120.000.000	
22	Bệ rửa siêu âm	cái	1	88.500.000	
23	Nồi hấp tiệt trùng	cái	1	308.000.000	
24	Tủ âm vi sinh	cái	1	128.970.000	
25	Tủ cấy vi sinh	cái	1	345.000.000	
26	Bàn cân chống rung	cái	1	48.500.000	
27	Hệ thống bàn phòng thí nghiệm (chịu hóa chất, nhiệt độ cao) đạt chuẩn GLP. Kích thước (Dx Rx C): 3600 x 1500 x 830 mm	hệ thống	3	148.000.000	
28	Hệ thống tủ đựng hóa chất có khử mùi	hệ thống	2	68.500.000	
29	Đèn cồn	chiếc	5	63.000	
30	Ống nghiệm 16x16 hoặc 18x18, không nút	chiếc	50	8.000	
31	Giá đựng ống nghiệm hai hàng lỗ phi 18	chiếc	5	75.000	
32	Đĩa petri TT 100x20mm	chiếc	40	130.000	
33	Chổi rửa dụng cụ	chiếc	5	64.000	
34	Bình tam giác, cổ hẹp 100ml KT:22x105mm	chiếc	50	270.000	
35	Bình tam giác, cổ hẹp 250ml KT:34x145mm	chiếc	80	270.000	
36	Bình tam giác, cổ hẹp 500ml KT:34x180mm	chiếc	30	350.000	
37	Bình tam giác, cổ hẹp 1000ml KT:42x220mm	chiếc	20	515.000	
38	Bình tam giác cổ mài, 29/32 100ml chưa có nút	chiếc	20	2.100.000	
39	Cốc đốt thấp thành 50ml	chiếc	20	220.000	
40	Cốc đốt thấp thành 100ml	chiếc	20	210.000	
41	Cốc đốt thấp thành 250ml	chiếc	20	230.000	
42	Cốc đốt thấp thành 600ml	chiếc	20	270.000	
43	Cốc đốt thấp thành 1000ml	chiếc	20	460.000	
44	DURAN® Phễu thủy tinh 70mm	chiếc	30	952.000	
45	Ống đong thủy tinh 10ml, class A	chiếc	20	600.000	
46	Ống đong thủy tinh 25ml, class A	chiếc	20	600.000	
47	Ống đong thủy tinh 50ml, class A	chiếc	20	625.000	
48	Ống đong thủy tinh 100ml, class A	chiếc	20	645.000	
49	Ống đong thủy tinh 250ml, class A	chiếc	10	952.000	
50	Ống đong thủy tinh 500ml, class A	chiếc	10	1.380.000	
51	Đũa thủy tinh 6mm , 40cm	chiếc	20	110.000	
52	Phễu thủy tinh 80mm	chiếc	20	700.000	
53	Quả bóp cao su thường	chiếc	30	100.000	
54	Quả bóp cao su 3 valve	chiếc	20	685.000	
55	Găng tay cao su	hộp	20	200.000	
56	Lam kính không mài mờ 26x76mm	chiếc	5	370.000	
57	Lamnen 22x22 hoặc 20x20	chiếc	5	300.000	
58	Giấy pH	hộp	5	1.520.000	
59	Thìa xúc hóa chất thủy tinh	chiếc	5	36.000	
60	Thìa xúc hóa chất inox	chiếc	5	300.000	
61	Giấy lọc định lượng	chiếc	10	1.100.000	
62	Ổng duhan	gam	1000	20.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
63	AZLON Bình tia nhựa MR, LDPE 250ml, nắp xanh	chiếc	10	400.000	
64	Chén nung bằng sứ có nắp đk 45mm 30ml	chiếc	20	770.000	
65	Bát sứ có mỏ đĩa. 112mm , 200ml	chiếc	5	1.680.000	
66	Lưới amiang	chiếc	5	170.000	
67	Bộ giá đỡ buret(cọc chân đế,noa,kẹp)	chiếc	5	935.000	
68	Nhiệt kế thủy ngân, 1oC -10-->110oC	chiếc	5	1.485.000	
69	Bình định mức, 5ml	chiếc	10	515.000	
70	Bình định mức, 10/19 25ml 0.04 A, nút nhựa	chiếc	10	515.000	
71	Bình định mức, 12/21 50ml 0.06 A, nút nhựa	chiếc	30	790.000	
72	Bình định mức, MR 14/23 100ml A, nút nhựa	chiếc	30	854.000	
73	Bình định mức, 14/23 250ml 0.15 A, nút nhựa	chiếc	10	952.000	
74	Bình định mức 19/26 500ml 0.25 A, nút nhựa	chiếc	10	1.155.000	
75	Bình định mức 24/29 1000ml 0.4 A, nút nhựa	chiếc	10	1.815.000	
76	Phễu chiết quả lê khoá TT 100ml không chia vạch 14/23	chiếc	5	6.255.000	
77	Phễu chiết quả lê khoá TT 250ml không chia vạch	chiếc	5	6.985.000	
78	Phễu chiết quả lê khoá TT 500ml không chia vạch	chiếc	5	7.975.000	
79	Pipet TT bầu vạch chia 1ml - Wertlab	chiếc	5	258.000	
80	Pipet TT bầu vạch chia 2ml - Wertlab	chiếc	5	250.000	
81	Pipet TT bầu vạch chia 3ml - Wertlab	chiếc	5	260.000	
82	Pipet TT bầu vạch chia 5ml - Wertlab	chiếc	5	290.000	
83	Pipet TT bầu vạch chia 10ml - Wertlab	chiếc	5	295.000	
84	Pipet TT bầu vạch chia 25ml - Wertlab	chiếc	5	460.000	
85	Pipet TT bầu vạch chia 50ml - Wertlab	chiếc	5	675.000	
86	Pipet TT thẳng 5ml - Wertlab	chiếc	5	170.000	
87	Pipet TT thẳng 10ml - Wertlab	chiếc	5	190.000	
88	Buret thủy tinh khóa PTFE 10ml - Glassco	chiếc	3	1.330.000	
89	Buret thủy tinh khóa PTFE 25ml - Glassco	chiếc	2	5.320.000	
90	Buret thủy tinh khóa PTFE 50ml - Glassco	chiếc	2	7.980.000	
91	Chai đựng hóa chất (thủy tinh, chai nâu, 500ml)	chiếc	50	1.815.000	
92	AZLON Bình tia nhựa MR, LDPE 500ml, nắp đỏ	chiếc	10	4.040.000	
93	AZLON Bình tia nhựa MH, vai nghiêng, LDPE 500ml , nắp trắng	chiếc	10	237.000	
94	Chai nhựa đựng mẫu PP MR 100ml	chiếc	10	182.000	
95	Chai nhựa đựng mẫu PP MR 250ml	chiếc	20	215.000	
96	Chai nhựa đựng mẫu PP MR 500ml 4cm	chiếc	20	250.000	
97	Chai nhựa đựng mẫu PP MR 1000ml 6cm	chiếc	20	525.000	
98	Bình nhỏ giọt trắng 50ml	chiếc	10	900.000	
99	Bình nhỏ giọt nâu 50ml	chiếc	10	935.000	
100	Xô chứa dung dịch sục khí	chiếc	5	135.000	
101	Chai bảo quan dung dịch 1000ml	chiếc	10	2.185.000	
102	Ống nghiệm có nắp vặn đen 16x100mm 12ml	chiếc	20	30.000	
103	Chai thủy tinh tối màu 500ml	chiếc	50	550.000	
VI	Ngành giao thông vận tải, Thanh tra Sở GTVT				
	Thanh tra Sở GTVT				

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
1	Cân tải trọng xe (hiệu CAS) -USA	chiếc	3	290.000.000	
2	Máy tính bảng Samsung	cái	3	12.000.000	
3	Súng lục RG88	khẩu	8	8.500.000	
4	Súng bắn đạn hơi cay (Đức)	khẩu	1	10.500.000	
5	Súng điện TITAN 86 - Đà Loan	khẩu	4	11.000.000	
6	Bao da súng	cái	16	200.000	
7	Đạn (dùng cho súng bắn đạn hơi cay)	viên	50	105.000	
8	Đạn dùng cho súng điện TITAN 86-Đà Loan	viên	30	550.000	
9	Đạn RG88 cao su	viên	20	105.000	
10	Đạn RG88 hơi cay	viên	20	105.000	
11	Đạn RG88 uy hiếp	viên	20	105.000	
12	Băng tiếp đạn súng RG88	băng	8	1.100.000	
13	Bộ Camera	bộ	3	120.000.000	
14	Máy đo nồng độ cồn MMPro ATAMT 8100	cái	2	25.500.000	
15	Máy ảnh	cái	4	8.500.000	
16	Máy ảnh	cái	4	8.500.000	
17	Máy quay kỹ thuật số	cái	4	19.000.000	
18	Đèn pha xách tay +bộ sạc	bộ	8	1.900.000	
19	Đèn Pin sạc LED	chiếc	20	700.000	
20	Dùi cui điện TITAN KXS	cái	8	3.700.000	
21	Dùi cui điện PS(hình khẩu súng)	cái	8	3.800.000	
22	Gậy điện tử có còi K200	cái	8	2.500.000	
23	Gậy điều khiển GT SM 6011 + dù	cái	8	3.500.000	
24	Máy in dữ liệu từ hộp đen	cái	8	4.000.000	
25	Còi (có la bàn, nhiệt kế)	cái	16	35.000	
26	Chóp nón	cái	20	140.000	
27	Đèn màu vàng gắn trên xe ô tô chuyên dùng	cái	3	7.700.000	
28	Đèn màu vàng bằng điện gắn trên chóp nón	cái	20	650.000	
29	Ống nhôm ban ngày	cái	4	5.500.000	
30	Ống nhôm ban đêm 2 mắt	cái	4	30.000.000	
31	Gậy điều khiển giao thông 3 màu	cái	16	950.000	
32	Áo phản quang	cái	26	350.000	
VI	Sở Ngoại vụ				
1	Máy in HP MEP M227 SDN-G3Q74AA (thay thế M225DN)Lazer đa chức năng, In 2 mặt tự động, Coppy, Scan khổ A4/ A5/ A6/ B5. Màn hình: LED.	cái	1	7.500.000	
2	Máy định vị cầm tay GPS Garmin GPSMAP 78S (thay thế 76 CSx)	cái	1	8.715.000	
3	Máy ghi âm SONY ICD-TX650 (thay thế TX50)	Cái	1	4.750.000	
4	Ổ cứng di động WD Element 500GB - 2,5 " 3,0	Cái	1	1.600.000	
5	Máy hủy giấy tài liệu SILICON PS -812C (thay thế 915C)	cái	1	2.800.000	
6	Thuốc dây cuộn chuyên dụng 30m trong đo đặc HQ 6099	cái	1	500.000	
VII	Các đơn vị thuộc ngành văn hóa thể thao và du lịch				

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
VII.1	Bảo tàng tỉnh				
1	Camera cầm tay	Cái	2	15.000.000	
2	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	2	20.000.000	
3	Máy định vị cầm tay GPS Garmin	Cái	2	15.000.000	
4	Camera giám sát	Cái	2	20.000.000	
5	Thang nhôm rút đa năng	Cái	1	3.500.000	
6	Móc treo đồ (có xốp hoặc bọc vải nhung)	Cái	50	200.000	
7	Xe đẩy có bánh lăn (phục vụ chờ hàng hóa)	Cái	4	4.750.000	
8	Tủ, kệ đựng hiện vật	Cái	8	7.500.000	
VII.2	Thư viện tỉnh			-	
1	Máy đèn chiếu + màn hình	cái	2	31.550.000	
2	Máy phát điện Hữu Toàn	cái	1	319.000.000	
3	Máy ảnh kỹ thuật số	cái	1	19.500.000	
4	Máy điều hòa	cái	2	18.500.000	
5	Hệ thống báo cháy	cái	1	96.000.000	
6	Bình chữa cháy MT3	cái	3	1.100.000	
7	Trang thiết bị PCCC (loa, đèn, thang, quần áo, nón, khẩu trang, ủng, câu liêm, nón, găng tay...)	Bộ	7	6.000.000	
8	Modern thu phát wifi cho xe lưu động	cái	1	1.600.000	
9	Khung trưng bày sách báo	cái	30	450.000	
10	Kệ chắn sách	cái	50	75.000	
11	Giá sách 6 tầng (giá sắt đựng sách)	cái	5	6.000.000	
12	Máy nổ	cái	1	20.500.000	
13	Thiết bị phòng cháy chữa cháy	Bộ	1	36.460.000	
VII.3	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh & Du lịch			-	
1	Máy chiếu EIKI moded PLC - L 8000x	Cái	1	161.600.000	
2	Ống kính AHCD 20302 khoảng cách chiếu từ 16,5m - màn hình 150 inches	Cái	1	58.000.000	
VII.4	Trung tâm Huấn luyện & Thi đấu TDTT				
1	Bộ trụ lưới cầu lông	Bộ	4	7.500.000	
2	Bộ trụ lưới bóng chuyền	Bộ	2	9.000.000	
3	Ghế trọng tài môn cầu lông	Cái	4	3.500.000	
4	Ghế trọng tài môn bóng chuyền	Cái	2	5.000.000	
5	Bộ trụ lưới sân tennis	Bộ	2	6.000.000	
6	Bộ trụ bóng rổ	Bộ	1	10.000.000	
7	Bộ thảm bóng chuyền thi đấu trong Nhà Thi đấu	Bộ	1	385.000.000	
8	Thảm trải bể bơi để thoát nước và chống trơn	Bộ	2	25.000.000	
9	01 dàn đèn chiếu sáng sân thi đấu trong nhà (KT sân 50 m x 100m)	Bộ	1	264.000.000	
10	01 dàn đèn chiếu sáng sân tennis ngoài trời	Bộ	1	246.400.000	
VII.5	BQL quảng trường Đại đoàn kết				
1	Máy Bơm 5.5hp 3 pha	Cái	7	9.000.000	
2	Máy Bơm 7.5hp 3 pha	Cái	12	12.000.000	
3	Máy bơm 2hp 1 pha	Cái	3	4.000.000	
4	Máy bơm 3 hp 1 pha	Cái	3	6.000.000	
5	Máy bơm 15hp 3 pha	Cái	1	30.000.000	



6	Máy bơm 2,5hp 1 pha	Cái	1	3.000.000	
7	Máy bơm 20hp Icream	Cái	2	41.500.000	
8	Máy bơm 10hp 3 pha	Cái	3	20.000.000	
9	Máy cắt (đá, sắt)	Cái	2	4.000.000	
10	Giàn giáo (Phục vụ lau Phù điêu)	Cái	2	9.000.000	
11	Máy phát điện (khu phù điêu và tượng Bác)	Cái	2	25.000.000	
12	Máy hàn	Cái	2	4.000.000	
VII.6 Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật					
1	Đàn gui ta	Cái	5	37.000.000	
2	Đàn Organ	Cái	3	82.000.000	
3	Giá nhạc	Cái	10	3.000.000	
4	Gác chân	Cái	10	2.500.000	
5	Sàn học múa (phòng học múa)	Sàn	1	448.000.000	
VII.7 Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San					
1	Loa line array Q08-2	Cái	12	36.095.510	
2	Amplife Strereo Dú L4-400	Cái	1	21.818.120	
3	Khung treo loa	Bộ	2	16.500.000	
4	Mâm treo line array	Cái	2	5.500.000	
5	Jack speakon	Cái	30	203.500	
VIII Các đơn vị thuộc Tỉnh Đoàn					
Tỉnh Đoàn					
1	Máy quay phim Sony kỹ thuật số	Cái	1	99.500.000	
2	Máy in đen trắng A3	Cái	1	29.750.000	
IX Các đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy					
Tỉnh ủy					
	Máy in màu	Cái	1	18.000.000	
X Báo Gia Lai					
Thiết bị phục vụ công tác xuất bản báo Gia Lai					
1	Bộ lưu điện cho máy chủ	Bộ	1	29.500.000	
2	Máy điều hòa nhiệt độ LG S24ENA, 2.5HP	Bộ	1	29.000.000	
3	Thiết bị nhắn tin báo công việc khẩn hoặc thông báo khẩn qua điện thoại	Bộ	1	2.500.000	
4	Thiết bị lưu điện UPS Maruson POW-500AGMV	Bộ	10	1.100.000	
5	Máy Scan HP ScanJet Enterprise Flow 7000S3 Sheet-feed Scanner	Cái	1	33.000.000	
6	Máy vi tính xách tay Asus X541UA-GO508D	Cái	6	13.500.000	
7	Máy vi tính để bàn CMS X-Media	Cái	10	13.000.000	
8	Máy in laser	Cái	2	3.500.000	
XI Các đơn vị thuộc ngành nông nghiệp và PTNT					
XI.1 Chi cục Kiểm lâm					
1	Ca nô trang bị Hạt Kiểm lâm huyện Krông Pa	Chiếc	1	473.000.000	
2	Ca nô trang bị Hạt Kiểm lâm huyện Ia Grai	Chiếc	1	473.000.000	
XI.2 BQL Rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn					
	Máy định vị	Cái	6	8.000.000	
XI.3 BQL Rừng phòng hộ Hà Ra					
1	Máy định vị GPS Gar min	Cái	6	11.500.000	
2	Bình xịt hơi cay	Cái	10	1.400.000	
3	Đạn cao su	Viên	50	100.000	
4	Súng bắn đạn cao su	Cái	6	3.600.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
5	Còng số 8	Cái	4	700.000	
6	Bình ắc quy tích điện hệ thống điện mặt trời	Cái	2	3.600.000	
7	Dùi cui điện	Cái	4	3.500.000	
8	Đèn pin led siêu sáng	Cái	15	500.000	
9	Dùi cui cao su	Cái	5	250.000	
10	Ống nhôm	Cái	1	8.000.000	
11	Hệ thống năng lượng mặt trời	HT	3	64.000.000	
12	Máy cắt thực bì	Cái	1	12.000.000	
XI.4	BQL Rừng phòng hộ Nam Sông Ba				
1	Đạn cao su	Viên	300	140.000	
2	Bao da súng	Cái	3	350.000	
3	Ống nhôm đêm NOXB3	Cái	1	20.350.000	
4	Ống nhôm ngày	Cái	3	8.000.000	
5	Bình xịt 500ml	Cái	22	1.935.000	
6	Còng số 8	Cái	8	550.000	
7	Roi điện Titan M5	Cái	2	4.870.000	
8	Hệ thống điện năng lượng mặt trời	Hệ thống	3	78.000.000	
XI.5	BQL Rừng phòng hộ Đắk Đoa				
1	Súng RG88 – Đức	Cái	5	8.400.000	
2	Máy Bơm cứu hỏa	Bộ	1	55.500.000	
3	Ống nhôm ngày	Cái	3	8.000.000	
4	Máy ảnh	Cái	4	8.500.000	
5	Bình xịt hơi cay	Bình	10	1.400.000	
6	Còng số 8	Cái	10	700.000	
7	Đạn cao su	Viên	100	100.000	
8	Dùi cui điện	Cái	5	3.500.000	
9	Dùi cui cao su	Cái	5	250.000	
10	Dùi cui kim loại	Cái	5	1.000.000	
11	Đèn pin led siêu sáng	Cái	20	500.000	
12	La bàn cao cấp - USA	Cái	5	500.000	
13	Máy cắt thực bì	Máy	4	12.000.000	
14	Máy cưa động cơ xăng	Máy	2	18.000.000	
15	Dây đeo công cụ hỗ trợ	Dây	4	460.000	
XI.6	BQL Rừng phòng hộ Ia Ly				
1	Máy định vị GPS	Cái	5	15.000.000	
2	Ống nhôm ngày	Cái	5	7.500.000	
3	Ống nhôm đêm	Cái	2	23.500.000	
4	Đèn Pin Led	Cái	20	500.000	
5	Dùi cui điện	Cái	10	3.500.000	
6	Bình xịt hơi cay	Cái	5	1.500.000	
7	Súng bắn đạn cao su, đạn hơi cay	Cái	5	8.000.000	
8	Máy chữa cháy rừng cầm tay quạt bằng sức gió	Cái	2	50.000.000	
9	Máy chụp hình Canon	Cái	1	30.000.000	
XI.7	BQL Rừng phòng hộ IA PUCH				
1	Máy định vị	Cái	3	10.000.000	
XI.8	Trung tâm Giống thủy sản				

STT	 Chung loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
1	Máy bơm nước	cái	4	9.000.000	
2	Bình oxy	cái	3	1.500.000	
3	Máy tạo oxy cho cá trong ao nuôi	Bộ	4	22.000.000	
4	Máy cắt cỏ	cái	1	7.000.000	
XL9	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng				
1	La bàn cao cấp - USA	Cái	8	500.000	
2	Máy định vị Garmin GPS map 62sc	Cái	6	18.000.000	
3	Dùi cui kim loại 3 khúc	Cái	6	1.056.000	
4	Dùi cui điện Super titan KXL	Cái	8	3.500.000	
5	Dùi cui cao su	Cái	6	250.000	
6	Bình xịt hơi cay BX4	Bình	10	1.600.000	
7	Còng số 8	Cái	10	400.000	
8	Dây đeo công cụ hỗ trợ	Cái	18	528.000	
9	Ống nhôm ban ngày	Cái	4	5.900.000	
10	Ống nhôm đêm	Cái	4	24.200.000	
11	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	1	14.800.000	
12	Máy chiếu đa năng	Cái	1	39.000.000	
13	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	5	8.500.000	
14	Máy cưa động cơ xăng	Cái	2	18.000.000	
15	Máy bơm cứu hỏa	Cái	2	55.500.000	
16	Đèn pin Led siêu sáng	Cái	40	500.000	
17	Bình chữa cháy đeo vai có động cơ Zenoah	Cái	2	30.000.000	
19	Máy định vị	Cái	3	19.000.000	
20	Camera	Cái	2	20.000.000	
21	Máy cắt cỏ	Cái	2	18.000.000	
22	Máy đo độ PH cầm tay	Cái	1	40.000.000	
23	Tủ sấy điện	Cái	2	35.000.000	
24	Tủ định ôn	Cái	1	37.000.000	
25	Máy đo nhiệt độ, độ ẩm	Cái	4	10.000.000	
26	Tủ đựng dụng cụ hóa chất	Cái	1	5.000.000	
27	Tủ lạnh	Cái	2	15.000.000	
28	Bộ giải phẫu côn trùng	Bộ	2	5.000.000	
29	Dụng cụ lấy mẫu	Cái	2	10.000.000	
30	Máy hút ẩm	Cái	4	17.000.000	
31	Máy điều hòa treo tường	Cái	4	12.000.000	
32	Cân 200g	Cái	1	580.000	
33	Máy bẫy ảnh	Cái	10	14.000.000	
34	Bẫy ảnh KTS	Cái	2	23.590.000	
35	Hệ thống năng lượng mặt trời	Bộ	2	64.000.000	
36	Máy bơm chữa cháy chạy bằng xăng	Cái	1	264.000.000	
37	Bộ dây và ống máy bơm	Bộ	1	60.000.000	
38	Máy chữa cháy rừng cầm tay quạt bằng sức gió	Cái	1	50.000.000	
XII	Trường Cao đẳng nghề Gia Lai				
	Nghề công nghệ sinh học				
	Thiết bị chuyên ngành				
1	Bể ổn nhiệt	Cái	02	63.000.000	
2	Bộ bình định mức (25-500ml)	Bộ	01	16.830.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
3	Bộ bình đựng hóa chất (100-500ml)	Bộ	01	10.530.000	
4	Bộ bình đựng nitơ lỏng (3l, 10l)	Bộ	01	66.600.000	
5	Máy định vị GPS	Cái	01	21.300.000	
6	Bộ bình tam giác (100-250ml)	Bộ	01	11.340.000	
7	Bộ bình nuôi cấy (tam giác, trụ, tia)	Bộ	01	15.120.000	
8	Bộ ống đong (50-1000ml)	Bộ	01	11.200.000	
9	Bộ chưng cất Kjeldahl (chưng cất, phá mẫu)	Bộ	01	480.000.000	
10	Bộ Micropipet	Bộ	01	28.000.000	
11	Bộ Soxhlet	Bộ	01	96.000.000	
12	Bộ dụng cụ trồng cây trong dung dịch	Bộ	01	73.440.000	
13	Bộ dụng cụ giâm, chiết, ghép	Bộ	01	35.280.000	
14	Bộ điện di	Bộ	01	135.000.000	
15	Cân phân tích	Cái	01	50.400.000	
16	Cân kỹ thuật	Cái	01	20.000.000	
17	Bộ dụng cụ nuôi cấy	Bộ	01	15.000.000	
18	Kính hiển vi	Cái	01	36.250.000	
19	Hệ thống tưới	Bộ	01	75.000.000	
20	Dụng cụ đào hồ trồng cây	Bộ	06	38.900.000	
21	Dụng cụ đo diện tích lá	Bộ	01	46.800.000	
22	Máy đo pH	Cái	01	18.900.000	
23	Máy đo cường độ ánh sáng (Lux kế)	Cái	01	13.500.000	
24	Máy lắc ngang	Cái	01	75.000.000	
25	Máy ly tâm	Cái	01	16.500.000	
26	Máy cất nước	Cái	01	25.000.000	
27	Dụng cụ sàng đất	Bộ	01	15.000.000	
28	Máy quang phổ (UV -VIS)	Cái	01	294.000.000	
29	Nồi hấp khử trùng	Cái	01	125.000.000	
30	Tủ cấy vô trùng	Cái	01	135.000.000	
31	Tủ lạnh	Cái	02	13.400.000	
32	Tủ sấy	Cái	01	65.000.000	
33	Máy PCR	Cái	04	260.000.000	
34	Bộ dụng cụ cấy nấm	Bộ	04	18.300.000	
35	Tủ cấy nấm	Cái	04	270.000.000	
36	Hệ thống phun sương	Bộ	04	75.000.000	
37	Lò hấp	Cái	04	435.000.000	
38	Lò sấy	Cái	04	133.500.000	
	Thiết bị hỗ trợ đào tạo				
1	Máy ảnh	Cái	01	29.920.000	
2	Điều hòa nhiệt độ	Cái	01	30.000.000	
3	Máy chiếu (projector)	Cái	01	24.500.000	
4	Máy vi tính	Cái	01	36.498.000	
XIII	Các đơn vị trực thuộc huyện Mang Yang				
XIII.1	UBMT huyện Mang Yang				
	Dàn âm thanh loa đài không dây loại tốt	Bộ	01	70.000.000	
XIII.2	Trung tâm GDNN - GDTX				
	Thùng xe ô tô bán tải Toyota Hilux	Cái	1	42.000.000	



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Hệ thống camera	Bộ	1	130.000.000	
XIII.3	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị				
	Bộ âm ly loa đài	Bộ	2	39.000.000	
	Máy chiếu	Bộ	2	49.000.000	
XIII.4	UBND xã Ayun				
	Máy bấm tọa GPS	Cái	1	12.000.000	
	Hệ thống Camera	Bộ	1	120.000.000	
	Máy chiếu	Bộ	1	49.000.000	
	Âm Ly	Cái	1	39.000.000	
XIII.5	UBND xã Đak Djrăng				
	Hệ thống Camera giám sát	Bộ	1	125.000.000	
XIII.6	UBND xã Đê Ar				
	Máy bấm tọa độ GPS	Cái	1	15.000.000	
	Hệ thống Camera	Bộ	1	130.000.000	
	Máy chiếu	Bộ	1	49.000.000	
XIII.7	Trường TH & THCS Đăk Trôi				
	Bộ loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Tivi (40in)	Cái	1	12.000.000	
	Máy chiếu	Cái	1	49.000.000	
XIII.8	Trường Mẫu giáo Đăk Trôi				
	Tivi (40in)	Cái	5	12.000.000	
	Máy chiếu	Cái	1	49.000.000	
XIII.9	Trường Tiểu học số 2 Ayun				
	Máy chiếu	Cái	1	49.000.000	
	Tivi (40in)	Cái	2	12.000.000	
	Bộ máy lọc nước lớn	Bộ	3	45.000.000	
XIII.10	Trường TH thị trấn số 1 Kon Dơng				
	Hệ thống camera	Bộ	1	160.000.000	
	Bộ Bàn ghế học sinh	Bộ	100	1.900.000	
	Đàn học sinh và giáo viên	Cái	36	4.200.000	
	Bảng thông minh	Bộ	1	140.000.000	
	Ti vi 55 in	Cái	8	13.000.000	
XIII.11	Trường TH Ayun số 1				
	Hệ thống camera	Bộ	1	145.000.000	
	Bộ Bàn ghế học sinh	Bộ	40	1.900.000	
	Ti vi 55 in	Cái	4	13.000.000	
XIII.12	Trường Mẫu giáo Ayun				
	Hệ thống camera	Bộ	1	110.000.000	
	Bộ Bàn ghế học sinh	Bộ	80	1.900.000	
	Bàn làm việc	Cái	3	5.000.000	
	Ti vi 55 in	Cái	4	13.000.000	
XIII.13	Trường Mẫu giáo 17/3				
	Bộ âm ly loa đài	Bộ	1	39.000.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Hệ thống Camera	Bộ	1	120.000.000	
	Đồ chơi ngoài trời (bộ liên hoàn)	bộ	1	60.000.000	
	Bàn ghế học sinh	bộ	30	1.900.000	
XIII.14	Trường Mẫu giáo Đăk Djrăng				
	Hệ thống Camera	Bộ	1	140.000.000	
	Bàn ghế học sinh	Bộ	60	1.900.000	
	Đồ chơi ngoài trời (1 bộ liên hoàn, 01 xích đu thuyền rồng, xích đu quả táo)	Bộ	1	97.000.000	
XIII.15	Trường THCS Lê Quý Đôn	Bộ			
	Bàn ghế học sinh	Bộ	40	2.200.000	
XIII.16	Trường Tiểu học H'ra số 2				
	Hệ thống Camera	Bộ	1	150.000.000	
	Máy chiếu	Cái	5	49.000.000	
	Màn chiếu treo tường	Cái	5	1.500.000	
	Phòng Lap	phòng	1	420.000.000	
XIII.17	Trường TH&THCS Kông Chiêng				
	Bộ bàn ghế học sinh	Bộ	30	1.900.000	
XIII.18	Trường Tiểu Học Kông Chiêng				
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	3	5.000.000	
XIII.19	Trường THCS DT Nội trú				
	Hệ thống Camera	Bộ	1	160.000.000	
XIII.20	Trường PTDTBT THCS Lơ Pang				
	Bàn ghế học sinh	Bộ	60	1.900.000	
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	3	5.000.000	
	Giường đôi học sinh	Cái	6	4.000.000	
	Nồi hấp cơm học sinh bán trú	Cái	1	60.000.000	
	Bàn ăn học sinh bán trú	Bộ	5	2.500.000	
XIII.21	Trường Tiểu học H'ra số 1				
	Bộ âm li, loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Phòng lab	Phòng	1	420.000.000	
	Hệ thống camera	Bộ	1	150.000.000	
	Kệ sắt thư viện đựng sách giáo khoa (1m6)	Cái	7	4.800.000	
XIII.22	Trường Tiểu Học Đăk Djrăng				
	Phòng máy tính học tin	Bộ	41	13.000.000	
	Bộ Bàn ghế học sinh	Bộ	54	1.900.000	
	Kệ sắt thư viện đựng sách giáo khoa (1m6)	Cái	7	4.800.000	
	Bàn ghế đọc học sinh(gỗ)	Bộ	2	1.900.000	
	Hệ thống camera màn hình	Bộ	1	150.000.000	
	Đàn giáo viên, học sinh	Cái	2	6.800.000	
XIII.23	Trường Tiểu học Đăk Yă				
	Hệ thống camera	Bộ	1	165.000.000	
XIII.24	Trường THCS Đak Ta Ley				
	Hệ thống camera	Bộ	1	145.000.000	
	Dàn âm ly, loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Máy chiếu	Bộ	1	49.000.000	



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Sách, trang thiết bị dạy và học (sách, đồ dùng thực hành, hóa chất ...)	Bộ	1	110.363.200	
XIII.25	Trường Mẫu giáo Đak Ta Ley				
	Kệ góc	Cái	15	3.000.000	
	Tủ học học sinh	Cái	10	5.500.000	
	Cầu trượt	Bộ	1	4.900.000	
	Đu quay	Bộ	1	3.700.000	
	Xích đu	Bộ	1	3.500.000	
XIII.26	Trường Mẫu giáo Kon Thup				
	Bàn ghế học sinh mẫu giáo	Bộ	30	950.000	
	Nhà banh	Bộ	01	45.000.000	
	Đồ chơi liên hoàn ngoài trời	Bộ	01	145.000.000	
	Đồ chơi các con vật	Con	07	6.500.000	
XIII.27	Trường Tiểu học Kon Thup				
	Hệ thống camera	Bộ	1	160.000.000	
	Bộ trống đội	Cái	1	6.300.000	
XIII.28	Trường THCS H'ra				
	Bàn ghế học sinh cấp 2	Bộ	72	1.900.000	
XIII.29	Trường Tiểu học Đak Jơ Ta				
	Bộ Âm ly loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Hệ thống Camera	Bộ	1	150.000.000	
	Ti vi	Cái	7	14.000.000	
XIII.30	Trường THCS Đak Jơ Ta				
	Hệ thống Camera	Bộ	1	9.000.000	
	Sách, trang thiết bị dạy và học (sách, đồ dùng thực hành, hóa chất ...)	Bộ	1	213.363.200	
XIII.31	Trường Mẫu Giáo Đak Jơ Ta				
	Hệ thống Camera	Bộ	1	120.000.000	
	Ti vi	Cái	2	14.000.000	
	Đàn Nhạc	Cái	5	11.000.000	
	Kệ để đồ dùng học sinh	Cái	10	5.500.000	
	Đồ chơi ngoài trời	Bộ	3	13.500.000	
XIII.32	Trường Tiểu Học Đê Ar				
	Tivi (40 in)	Cái	1	12.000.000	
XIII.33	Trường Mẫu giáo Đê Ar				
	Ti vi	cái	5	8.000.000	
	Nhà chơi lục giác	bộ	6	20.000.000	
	Thang leo vận động TL-06	bộ	6	15.000.000	
	Xích đu 2-4 chỗ	bộ	6	12.000.000	
	Thú nhún	con	12	5.000.000	
	Đàn organ	cái	4	8.000.000	
	Máy chiếu	bộ	1	49.000.000	
	Bộ đồ dùng tối thiểu lớp 5 tuổi	bộ	4	40.000.000	
XIII.34	Trường Mẫu giáo ĐăkYă				

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Bộ âm ly loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Hệ thống Camera	Bộ	1	50.000.000	
	Kệ đựng đồ dùng, đồ chơi	Bộ	20	4.000.000	
	Bộ học Kismats	Bộ	10	5.000.000	
	Ti vi loại lớn cho các lớp học	cái	05	7.000.000	
XIII.35	Trường THCS Chu Văn An				
	Bộ âm ly loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Hệ thống Camera	Bộ	1	160.000.000	
	Máy chiếu	bộ	1	49.000.000	
	Màn hình thông minh	bộ	1	40.000.000	
	Bàn ghế học sinh	bộ	100	1.900.000	
XIII.36	Trường THCS Quang Trung				
	Máy Chiếu	cái	1	49.000.000	
	Bộ bàn ghế giáo viên	bộ	4	5.000.000	
	Bàn ghế học sinh	bộ	20	1.900.000	
	Trụ bóng chuyên thi đấu	cái	1	9.600.000	
XIII.37	Trường Tiểu học thị trấn Kon Dơng số 2				
	Máy chiếu	Bộ	1	49.000.000	
	Hệ thống Camera	Bộ	1	165.000.000	
	Ti vi 55 inch	Cái	3	15.000.000	
	Bàn ghế học sinh	Bộ	50	1.900.000	
XIII.38	Trường Tiểu học Lơ Pang				
	Âm li loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Tivi 55 inch	Cái	3	15.000.000	
	Bàn ghế học sinh	Bộ	100	1.900.000	
XIII.39	Trường Mẫu Giáo Lơ Pang				
	Âm li loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Thang leo liên hoàn cầu trượt	Cái	1	30.000.000	
	Đu quay quả cầu	Cái	1	15.000.000	
	Xích đu 3 con giống	Cái	1	13.000.000	
	Nhún máy bay	Cái	1	10.000.000	
	Nhún cá heo	Cái	1	5.000.000	
	Ngựa khớp đơn loại nhỏ	Cái	1	5.000.000	
	Thang chui con cá	Bộ	1	13.000.000	
	Nhà banh	Cái	1	25.000.000	
XIII.40	Trường Mầm non Thị trấn Kon Dơng				
	Âm ly loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Hệ thống Camera	Bộ	1	165.895.000	
	Ti vi (55 ịch)	Cái	2	13.500.000	
	Bàn ghế học sinh (Mẫu giáo)	Bộ	60	1.900.000	
XIII.41	Trường THCS Ayun				
	Bộ thực hành Hóa học lớp 8,9	Bộ	2	17.554.000	
	Bộ tranh sinh vật từ lớp 6->lớp 9	Bộ	4	1.399.500	
	Bộ tranh vật lý 6,7,8,9	Bộ	4	1.178.250	

STT	 Chung loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Bộ thực hành thí nghiệm vật lý từ lớp 6->9	Bộ	4	98.285.000	
	Ti vi (55 inch)	Cái	2	13.500.000	
XIII.42	Trường Mẫu giáo H'ra				
	Xích đu đôi	Cái	10	2.200.000	
	Cầu trượt	Cái	2	3.700.000	
	Bập bênh	Cái	10	18.000.000	
	Kệ góc dài	Cái	10	3.000.000	
	Thú nhún	Cái	10	2.000.000	
	Kệ góc	Cái	13	743.600	
	Tủ sắt	Cái	10	4.950.000	
	Thang leo xích đu chữ A	Cái	13	5.300.000	
	Thang leo vận động	Cái	13	5.300.000	
	Thang leo tứ diện	Cái	13	5.300.000	
	Thang leo vòng cung	Cái	13	5.300.000	
	Thang leo 2 mặt	Cái	13	5.300.000	
	Ti vi	Cái	10	6.000.000	
	Hệ thống Camera	Bộ	1	120.000.000	
XIII.43	Trường Tiểu học ĐakTaLey				
	Máy chiếu	Bộ	1	49.000.000	
	Thiết bị phòng Lap	Phòng	1	420.000.000	
	Hệ thống Camera	Bộ	1	120.000.000	
	Ti vi 55 inch	Cái	3	15.000.000	
	Âm li loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Bàn ghế học sinh	Bộ	40	1.900.000	
XIII.44	Trường THCS Kông Chiêng				
	Âm li loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Thiết bị phòng Lap	Phòng	1	420.000.000	
	Giường tầng sắt cho học sinh	Cái	10	2.500.000	
	Giá thiết bị	Cái	4	4.500.000	
	Tivi 55 inch	Cái	3	15.000.000	
	Sách, trang thiết bị dạy và học (sách, đồ dùng thực hành, hóa chất ...)	Bộ	1	183.000.000	
XIII.45	Trường Mẫu Giáo Kông Chiêng				
	Xích đu thuyền rồng	Cái	1	13.000.000	
	Cầu trượt liên hoàn	Cái	1	5.000.000	
	Bập bênh	Cái	1	7.000.000	
	Kệ đựng đồ	Cái	15	3.500.000	
	Thang leo vận động	Cái	1	30.000.000	
	Tivi 55 inch	Cái	4	15.000.000	
	Âm li loa đài	Bộ	1	39.000.000	
	Tủ đựng đồ cho học sinh	Cái	10	5.000.000	
XIV	Các đơn vị trực thuộc thị xã An Khê				
	Phòng Văn hóa Thông tin-Thể Thao				

	Máy đo tiếng ồn	Máy	1	7.790.000	
	Máy đo ánh sáng	Máy	1	5.780.000	
	Máy quay phim	Máy	1	9.990.000	
	Máy ảnh	Máy	1	3.050.000	
	Trung tâm Văn hóa thông tin-Thể thao				
	Thiết bị âm thanh, loa full đôi 4200W, power ampli 4200 W của hội trường 23/3	Bộ	1	422.913.000	
	Đàn organ+chân+bao da	Bộ	1	28.481.000	
	Ban quản lý nhà máy rác				
	Máy cưa lóc	Máy	1	10.750.000	
XV	Các đơn vị trực thuộc huyện Ia Pa				
XV.1	Văn phòng Huyện ủy				
	Hệ thống camera an ninh	Hệ thống	2	120.000.000	
	Máy chủ dùng cho nội bộ Đảng	Cái	2	200.000.000	
	Máy chiếu	Bộ	2	50.000.000	
XV.2	Văn phòng HĐND-UBND huyện				
	Hệ thống camera an ninh	Hệ thống	2	120.000.000	
	Máy phát điện dự phòng	Cái	2	150.000.000	
	Máy chữa cháy	Cái	2	50.000.000	
	Máy phát điện	Cái	2	150.000.000	
	Máy Scan	Cái	2	150.000.000	
XV.3	Ủy ban Mặt trận TQ				
	Hệ thống camera an ninh	Hệ thống	2	120.000.000	
XV.4	Phòng Kinh tế - Hạ tầng				
	Máy khoan rút lõi bê tông	Cái	2	40.000.000	
	Máy định vị tọa độ	Cái	2	350.000.000	
	Camera phục vụ công tác an toàn giao thông	Cái	2	100.000.000	
XV.5	Phòng Tài chính-KH				
	Máy quay phim	cái	2	50.000.000	
	Máy chụp hình	cái	2	30.000.000	
	Hệ thống camera an ninh	Hệ thống	2	120.000.000	
XV.6	Thanh Tra huyện				
	Máy ghi âm	Cái	2	20.000.000	
	Máy chụp hình	Cái	2	30.000.000	
	Camera chuyên dùng	Cái	2	30.000.000	

STT	 Chung loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
XV.7	Đài truyền thanh - TH huyện				
	Bộ chuyển mạch hình tiếng	Bộ	3	40.000.000	
	Bộ dịch tần	Bộ	2	35.000.000	
	Bàn trộn âm thanh	Cái	4	20.000.000	
	Máy quay (Camera)	Cái	3	250.000.000	
	Đầu thu vệ tinh	Cái	2	20.100.000	
	Đầu thu tín hiệu	Cái	2	60.000.000	
	Hệ thống anten phát hình	Hệ thống	2	135.000.000	
	Mát phát sóng FM	Cái	2	420.000.000	
	Trạm truyền thanh không dây		6	480.000.000	
	Máy phát truyền hình	Cái	2	495.000.000	
	Bộ ghim mức âm lượng	Bộ	2	16.500.000	
	Bộ dựng hình phi tuyến	Bộ	2	150.000.000	
	Hệ thống phát sóng FM và cáp dẫn	Hệ thống	2	160.000.000	
	Hệ thống chống sét	Hệ thống	2	90.000.000	
	Hệ thống dây FEEDER	Hệ thống	2	30.000.000	
	Trụ anten phát sóng	Cái	2	190.000.000	
	Pin	Cái	3	15.000.000	
	Micro	Cái	10	9.000.000	
	Thẻ nhớ	Cái	6	6.000.000	
	Chân máy quay	Cái	3	23.000.000	
	Bộ sạc pin	Cái	3	7.000.000	
	Đèn Luxmen	Cái	3	8.500.000	
	Loa phóng thanh	Cái	152	1.200.000	
	Cụm thu FM	Cái	76	12.000.000	
	Máy chụp hình	Cái	2	70.000.000	
	Máy bơm chữa cháy	Cái	2	69.000.000	
	Bộ dựng phát thanh phi tuyến	Bộ	2	95.000.000	
XV.8	Nhà máy nước - Dịch vụ công				
	Hệ thống máy bơm	Hệ thống	2	250.000.000	
	Máy bơm nước 33,7KW	Hệ thống	2	400.000.000	
	Hệ thống châm Clo	Hệ thống	2	40.000.000	
XV.9	Phòng Văn hóa - Thông tin (bộ phận Văn hóa)				

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Máy chiếu đa năng	Cái	2	50.000.000	
	Máy ồn áp	Cái	2	20.000.000	
	Loa SPE AC 118B (SP-115BA)	Cái	4	150.000.000	
	Loa SPE AC 115B (SP-115A)	Cái	6	170.000.000	
	Mixer ES - 1604 FX	Cái	2	40.000.000	
	GQX 3102 Professional Equaliser	Cái	2	30.000.000	
	Phụ kiện (dây tín hiệu loa, chống nhiễu, jack canon...)	Bộ	2	30.000.000	
	Micro không dây	Cái	4	15.000.000	
	Đèn sân khấu	Cái	16	70.000.000	
	Equalizer	Cái	2	20.000.000	
	Bộ xử lý Effect rời	Cái	2	40.000.000	
	Micro cài áo Shennhiser	Cái	8	33.400.000	
	Ampli	Cái	2	35.000.000	
	Đàn Organ	Cái	2	340.000.000	
XV.10	Phòng Tài nguyên - Môi trường	Cái			
	Máy định vị	Cái	2	50.000.000	
	Máy đo đa chức năng	Cái	2	50.000.000	
	Thiết bị đo khí độc	Cái	2	70.000.000	
	Máy đo độ ồn	Cái	2	50.000.000	
XV.11	Trung tâm Giáo dục thường xuyên				
	Máy chấm thi trắc nghiệm	Cái	2	70.000.000	
	Máy In bằng, chứng chỉ	Cái	2	30.000.000	
	Máy chiếu	Cái	2	50.000.000	
XV.12	Phòng Nông nghiệp và PTNT				
	Bộ đàm không dây	Bộ	2	40.000.000	
	Máy GPS	Cái	2	20.000.000	
	Máy ảnh KTS	Cái	2	20.000.000	
	Máy phân tích mẫu đất	Cái	2	100.000.000	
XV.13	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng				
	Máy toàn đạc điện tử	Cái	2	200.000.000	
XV.14	UBND xã Pờ tó				
	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	1	120.000.000	
XV.15	UBND xã Chư răng				

	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	1	120.000.000	
XV.16	UBND xã Kim Tân				
	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	1	120.000.000	
XV.17	UBND xã Ia Mron				
	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	1	120.000.000	
XV.18	UBND xã Ia Trók				
	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	1	120.000.000	
XV.19	UBND xã Ia Broãi				
	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	1	120.000.000	
XV.20	UBND xã Ia Tul				
	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	1	120.000.000	
XV.21	UBND xã Chư mố				
	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	1	120.000.000	
XV.22	UBND xã Ia Kdăm				
	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	1	120.000.000	
XV.23	Trung tâm bồi dưỡng chính trị				
	Máy chiếu	Bộ	2	50.000.000	
XVII	Các đơn vị trực thuộc huyện Chư Păh				
XVII.1	Trung tâm GDTX				
	Bộ máy chấm điểm trắc nghiệm				
	+ Máy tính xách tay	Cái	1	30.000.000	
	+ Máy in đa năng	Cái	1	6.000.000	
	Hệ thống âm thanh				
	+ Loa cặp 4 tắc Nanomax	Cặp	1	2.500.000	
	+ Cục đẩy amply - ev 2400	Cặp	1	8.000.000	
	+ Mixer Nanomax	Cặp	1	5.000.000	
	+Bàn Micro không dây	Cặp	1	2.000.000	
	+ Đầu DVD	Cặp	1	5.000.000	
	+ Micro hội nghị để bàn	Cặp	1	1.000.000	
	+ Đầu Karaoke 5 số	Cặp	1	4.000.000	
	+ Tivi 32 inch	Cặp	1	7.200.000	
	+ Micro Shupus có dây	Cặp	2	1.000.000	
	+ Dây mắc loa	mét	150	20.000	
	+ Loa 2.5 tắc	Cặp	1	1.500.000	
	+ Giá treo loa 2.5 tắc	Cặp	1	500.000	
	+ Giá đặt loa 4 tắc	Cặp	1	700.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
XVII.2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng				
	Thiết bị quay phim trên không Flycam	cái	1	20.000.000	
XVII.3	Phòng Văn hóa - Thông tin				
	Máy chiếu	Cái	1	60.000.000	
	Bộ dụng cụ TDDT	Bộ	1	400.000.000	
	Loa dải		2	80.000.000	
	Loa siêu trầm		2	85.000.000	
	Bàn trộn tín hiệu âm thanh		2	30.000.000	
	Thiết bị hiệu chỉnh tần số Equalizer		1	10.000.000	
	Micro không dây cầm tay		3	17.000.000	
	Micro có dây cầm tay		3	3.000.000	
	Tủ rack		2	10.000.000	
	Dây tín hiệu âm thanh		100	100.000	
	Rắc tín hiệu âm thanh		20	500.000	
	Chi phí chuyển giao		1	10.000.000	
	Bộ đèn màu chiếu sáng phục vụ văn nghệ		1	100.000.000	
	Hệ thống đèn chiếu sáng nhà thi đấu		1	50.000.000	
	Hệ thống camera Hội trường chung		2	100.000.000	
	Micro bục phát biểu		3	3.500.000	
XVII.4	Đài Truyền thanh - truyền hình huyện				
	Máy vi tính xách tay phục vụ phát thanh	cái	1	30.000.000	
XVII.5	Trường THCS Dân tộc Nội trú				
	Thiết bị dạy học môn Vật lý				
	+ Bộ thiết bị thí nghiệm dùng riêng từng lớp	Bộ	4	65.000.000	
	Thiết bị dạy môn hóa học				
	+ Tranh ảnh	Bộ	2	2.000.000	
	+ Mô hình	Bộ	2	5.000.000	
	+ Dụng cụ	Bộ	2	15.000.000	
	+ Hóa chất	Bộ	2	30.000.000	
	+ Bảng đĩa	Bộ	2	1.000.000	
	Thiết bị dạy môn sinh học				
	+ Tranh ảnh	Bộ	4	900.000	
	+ Mô hình	Bộ	4	5.000.000	
	+ Dụng cụ	Bộ	4	5.500.000	
	+ Hóa chất	Bộ	4	3.500.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Bảng đĩa	Bộ	4	400.000	
	Thiết bị dạy môn công nghệ				
	+ Tranh ảnh	Bộ	4	600.000	
	+ Mẫu vật	Bộ	4	6.500.000	
	+ Dụng cụ	Bộ	4	7.500.000	
	Thiết bị dạy môn địa lý				
	+ Tranh ảnh	Bộ	4	800.000	
	+ Bản đồ	Bộ	4	400.000	
	+ Mô hình	Bộ	4	600.000	
	+ Bảng đĩa	Bộ	4	250.000	
	Thiết bị dạy môn GDCD				
	+ Tranh ảnh	Bộ	4	500.000	
	+ Bảng đĩa	Bộ	4	250.000	
	Thiết bị dạy môn hoạt động ngoài giờ lên lớp				
	+ Tranh ảnh		4	1.000.000	
	+ Bảng đĩa		4	250.000	
	Thiết bị dạy môn lịch sử				
	+ Tranh ảnh	Bộ	4	1.000.000	
	+ Bản đồ	Bộ	4	2.500.000	
	+ Bảng đĩa	Bộ	4	1.000.000	
	Thiết bị dạy môn ngữ văn				
	+ Tranh ảnh	Bộ	4	1.500.000	
	+ Bảng đĩa	Bộ	4	250.000	
	Thiết bị dạy môn thể dục				
	+ Dụng cụ	Bộ	4	50.000.000	
	+ Tranh ảnh	Bộ	4	250.000	
	Thiết bị dạy môn toán				
	+ Tranh ảnh	Bộ	4	250.000	
	+ Dụng cụ	Bộ	4	20.000.000	
	Dụng cụ dạy môn âm nhạc				
	+ Dụng cụ	Bộ	4	15.000.000	
	+ Tranh ảnh	Bộ	4	250.000	
	Dụng cụ dạy môn mỹ thuật				
	+ Dụng cụ	Bộ	4	10.000.000	
	+ Tranh ảnh	Bộ	4	500.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Phòng Tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	Bộ	39	13.000.000	
	+ Cable AMP	Bộ	1	1.850.000	
	+ Tủ mạng 9U	cái	1	2.500.000	
	+ UPS	Cái	1	6.770.000	
	+ Ổn áp	Cái	1	8.450.000	
	+ Vật tư lắp đặt	Bộ	1	10.000.000	
XVII.7	UBND xã Chư Jôr				
	Hệ thống ăng ten phát thanh FM	Bộ	1	17.900.000	
	Loa truyền thanh không dây FM	Cụm	11	3.400.000	
	Loa nén phóng thanh	Cái	22	400.000	
	Cột sóng phát thanh FM	Bộ	1	51.900.000	
	Cáp phát thanh 8U	mét	44	260.000	
	Đầu đĩa DVD	cái	1	1.200.000	
	Bàn trộn âm 4 line	Cái	1	9.200.000	
	Bộ Micro + chân đế	Bộ	2	1.600.000	
	Bộ đèn báo độ cao	Bộ	1	5.300.000	
	Ổn áp Lioa 3KVA	Cái	1	2.455.000	
	Các phụ kiện lắp đặt, dây điện	Bộ	1	8.015.000	
XVII.8	UBND thị trấn Phú Hòa				
	Máy bơm nước chữa cháy	Cái	1	150.000.000	
XVII.9	Trường MN Ia Ka				
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.10	Trường MN Ia Ly				
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.11	Trường MN Ia Phí				
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.12	Trường MN Nghĩa Hưng				
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.13	Trường MN Phú Hòa				
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.14	Trường MN Ia Kreng				

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.15	Trường MN Ia Kreng				
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.16	Trường MN Hà Tây				
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.17	Trường MN Đắk Tô Ver				
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.18	Trường MN Nghĩa Hòa				
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.19	Trường MN Ia Mơ Nông				
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.20	Trường MN Ia Khro'1				
	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	2	120.000.000	
	Ti vi phục vụ dạy học	Cái	5	20.000.000	
	Bộ Kidmax cho mầm non	Bộ	5	22.000.000	
XVII.21	Trường TH Chư Đăng Ya				
	- Màn hình thông minh+Máy tính tích hợp	Bộ	2	300.000.000	
XVII.22	Trường TH Chư Jô'r				
	- Màn hình thông minh+Máy tính tích hợp	Bộ	2	300.000.000	
XVII.23	Trường TH Ia Ka				
	- Màn hình thông minh+Máy tính tích hợp	Bộ	2	300.000.000	
XVII.24	Trường TH Ia Khro'1				
	- Màn hình thông minh+Máy tính tích hợp	Bộ	2	300.000.000	
XVII.25	Trường TH Hà Tây				
	- Màn hình thông minh+Máy tính tích hợp	Bộ	2	300.000.000	
XVII.26	Trường TH Đắk Tô Ver				
	- Màn hình thông minh+Máy tính tích hợp	Bộ	2	300.000.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
XVII.27	Trường TH Ia Mơ Nông				
	- Màn hình thông minh+Máy tính tích hợp	Bộ	4	300.000.000	
XVII.28	Trường TH Nghĩa Hòa				
	- Màn hình thông minh+Máy tính tích hợp	Bộ	4	300.000.000	
XVII.29	Trường TH số 1 Nghĩa Hưng				
	- Màn hình thông minh+Máy tính tích hợp	Bộ	4	300.000.000	
XVII.30	Trường TH số 2 Hòa Phú				
	- Màn hình thông minh+Máy tính tích hợp	Bộ	4	300.000.000	
XVII.31	Trường THCS Chư Đang ya				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.32	Trường THCS Chư Jôr				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.33	Trường THCS Đăk Tơ ver				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.34	Trường THCS Hà Tây				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.35	Trường THCS Ia Kreng				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.36	Trường THCS Ia Nhin				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.37	Trường THCS Ia Ka				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.38	Trường THCS Ia Khuol				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.39	Trường THCS Ia Mơ Nông				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.40	Trường THCS Nghĩa Hòa				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.41	Trường THCS Ia Phí				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.42	Trường THCS Ia Ly				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.43	Trường THCS số 2 Ia Phí				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.44	Trường THCS Nghĩa Hưng				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	

STT	 Chung loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
XVII.45	Trường THCS Hòa Phú				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVII.46	Trường THCS Thị trấn Phú Hòa				
	Dụng cụ cho phòng thí nghiệm	Bộ	3	350.000.000	
XVIII	Các đơn vị thuộc thành phố Pleiku				
XVIII.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch				
	Máy in Canon A3	Cái	1	39.900.000	
XVIII.2	Văn phòng Thành ủy				
	Máy Scan Hp (Scanjet pro 3000 S3)	Cái	1	13.790.000	
	Hệ thống chống sét lan truyền	Hệ thống	1	60.048.950	
	Lắp đặt hệ thống mạng Camera	Hệ thống	1	35.112.000	
	Lắp đường truyền cáp quang	Hệ thống	1	23.325.504	
	Lắp ráp Camera HT 19/5	Hệ thống	1	55.950.000	
	Máy bơm nước	Cái	1	9.313.000	
	Ti vi	Cái	1	12.700.000	
	Máy điều hoà carrier tủ đứng phòng Hội Thảo	Cái	1	64.656.130	
	Máy lạnh Carreir phòng máy	Cái	1	8.355.000	
	Máy cắt cỏ xe đẩy	Cái	1	12.300.000	
	Hệ thống máy thành viên phục vụ phòng họp (11 máy)	Hệ thống	1	79.200.000	
	Máy điều hòa	Cái	4	50.090.000	
	Ti vi ban BVCSSK	Cái	1	7.300.000	
	Tivi LCD Hội trường 19/5	Cái	2	56.700.000	
	Máy hút âm Edison ED 12B	Cái	2	11.800.000	
	Máy Scan văn thư	Cái	1	10.470.000	
	Máy chụp hình	Cái	1	6.500.000	
	Bảng điện tử chạy chữ công trụ sở	Hệ thống	1	240.000.000	
	Máy chiếu	Cái	2	70.000.000	
XVIII.3	Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố				
	Máy lạnh tủ đứng phục vụ cho bộ phận "Một cửa hiện đại"	Cái	2	79.700.000	
	Màn hình cảm ứng (máy tính bảng tối thiểu 7 inches) để khảo sát mức độ hài lòng của công dân phục vụ bộ phận "Một cửa hiện đại"	Cái	5	65.000.000	
	Bảng điện tử Led phục vụ bộ phận "Một cửa hiện đại"	Cái	1	65.000.000	
	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	1	25.000.000	
	Máy ghi âm	Cái	1	5.000.000	
	Loa di động	Cái	1	10.000.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
XVIII.4	UBND phường Trà Bá				
	Hệ thống camera an ninh	Hệ thống	1	15.000.000	
XVIII.5	UBND phường Tây Sơn				
	Máy Server	Cái	1	30.000.000	
	Bộ lưu điện cho Server	Cái	1	10.000.000	
	Smart tivi màn hình lớn	Cái	1	18.000.000	
	Màn hình Touch	Cái	1	40.000.000	
XVIII.6	UBND phường Hội Phú				
	Đầu ghi hình IP 4 kênh cao cấp H264	Cái	1	8.700.000	
	Màn hình Led	Cái	1	24.000.000	
	Hệ thống camera an ninh	Hệ thống	1	15.000.000	
	Ti vi	Cái	1	10.000.000	
XVIII.7	UBND phường Yên Thế				
	Hệ thống camera an ninh	Hệ thống	1	15.000.000	
	Đầu ghi hình IP	Cái	1	5.000.000	
XVIII.8	UBND phường Chi Lăng				
	Hệ thống camera an ninh	Hệ thống	1	15.000.000	
XVIII.9	UBND phường Thông Nhất				
	Hệ thống camera an ninh	Hệ thống	1	15.000.000	
XIX	Các đơn vị thuộc huyện Đắk Pơ				
XIX.1	Văn phòng Huyện ủy				
	Máy chụp hình	Cái	1	21.500.000	
XIX.2	Phòng Tư pháp				
	Máy chiếu	Bộ	1	16.100.000	
XX	Các đơn vị trực thuộc huyện Krông Pa				
	Phòng Giáo dục - Đào tạo và các đơn vị trực thuộc				
	Bộ vận động đa năng				
XX.1	Mẫu giáo xã Chư Răm				
	Bộ vận động đa năng	Bộ	1	95.000.000	
XX.2	Mẫu giáo xã Phú Cần				
	Bộ vận động đa năng	Bộ	1	95.000.000	
XX.3	Mâm non Bán trú Phú túc				
	Bộ vận động đa năng	Bộ	1	95.000.000	
XIX.4	Mẫu giáo xã Uar				
	Bộ vận động đa năng	Bộ	2	95.000.000	
XX.5	Mẫu giáo xã Chư Drăng				

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Bộ vận động đa năng	Bộ	1	95.000.000	
XX.6	Mẫu giáo xã Ia Rmok				
	Bộ vận động đa năng	Bộ	1	95.000.000	
XX.7	Mẫu giáo xã Ia Mlah				
	Bộ vận động đa năng	Bộ	2	95.000.000	
XX.8	Mẫu giáo Krông Năng				
	Bộ vận động đa năng	Bộ	1	95.000.000	
XX.9	Trường THCS Nguyễn Trãi				
	Máy chiếu đa năng + màn chiếu	Bộ	1	24.000.000	
XX.10	Trường THCS Lê Lợi				
	Máy chiếu đa năng + màn chiếu	Bộ	1	24.000.000	
XX.11	Trường THCS Ngô Quyền				
	Máy chiếu đa năng + màn chiếu	Bộ	1	24.000.000	
XX.12	Trường THCS Kpă Klong				
	Máy chiếu đa năng + màn chiếu	Bộ	1	24.000.000	
XX.13	Phòng Giáo dục - Đào tạo				
	Máy chiếu đa năng + màn chiếu	Bộ	1	24.000.000	
	Máy Scan văn bản	Cái	1	4.000.000	
	Thiết bị phòng học nghệ thuật				
XX.14	Mẫu giáo xã Ia Siom				
	Guơng, giá múa cho học sinh	Bộ	1	20.000.000	
XX.15	Mẫu giáo xã Chư Răm				
	Guơng, giá múa cho học sinh	Bộ	1	20.000.000	
XX.16	Mẫu giáo xã Phú Cản				
	Guơng, giá múa cho học sinh	Bộ	1	20.000.000	
XX.17	Mẫu giáo xã Uar				
	Máy vi tính học sinh + Phần mềm kidsmart + Bàn ghế vi tính	Bộ	1	20.000.000	
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	7.700.000	
XX.18	Mẫu giáo xã Chư Drăng				
	Máy vi tính học sinh + Phần mềm kidsmart + Bàn ghế vi tính	Bộ	1	20.000.000	
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	7.700.000	
XX.19	Mẫu giáo xã Ia Rmok				
	Máy vi tính học sinh + Phần mềm kidsmart + Bàn ghế vi tính	Bộ	1	20.000.000	
XX.20	Mẫu giáo xã Ia Mlah				
	Máy vi tính học sinh + Phần mềm kidsmart + Bàn ghế vi tính	Bộ	1	20.000.000	
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	7.700.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
XX.21	Mẫu giáo Krông Năng				
	Máy vi tính học sinh + Phần mềm kidsmart + Bàn ghế vi tính	Bộ	1	20.000.000	
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	7.700.000	
XX.22	Mẫu giáo Chư Gu				
	Máy vi tính học sinh + Phần mềm kidsmart + Bàn ghế vi tính	Bộ	1	20.000.000	
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	7.700.000	
XX.23	Mẫu giáo Ia Rсай				
	Máy vi tính học sinh + Phần mềm kidsmart + Bàn ghế vi tính	Bộ	1	20.000.000	
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	7.700.000	
XX.24	Mẫu giáo Ia H' Dreh				
	Máy vi tính học sinh + Phần mềm kidsmart + Bàn ghế vi tính	Bộ	1	20.000.000	
XX.25	Mẫu giáo TT Phú túc				
	Máy vi tính học sinh + Phần mềm kidsmart + Bàn ghế vi tính	Bộ	1	20.000.000	
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	7.700.000	
XX.26	Mẫu giáo Đất Bằng				
	Máy vi tính học sinh + Phần mềm kidsmart + Bàn ghế vi tính	Bộ	1	20.000.000	
XX.27	Mẫu giáo Chư Ngọc				
	Máy vi tính học sinh + Phần mềm kidsmart + Bàn ghế vi tính	Bộ	1	20.000.000	
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	7.700.000	
	Bậc học Tiểu học				
XX.28	Tiểu học Số 2 TT Phú túc				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
	Kệ sách	Cái	2	6.000.000	
XX.29	Tiểu học Phú cần				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
XX.30	Tiểu học Chư Drăng				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
XX.31	Tiểu học Nay Der				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
XX.32	Tiểu học Ia H' Dreh				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
	Kệ sách	Cái	1	6.000.000	
	Kệ thiết bị	Cái	1	5.000.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
XX.33	Tiểu học Số 2 Ia H' Dreh				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
	Kệ sách	Cái	2	6.000.000	
XX.34	Tiểu học Tô Na				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
	Kệ sách	Cái	1	6.000.000	
XX.35	Tiểu học Số 3 TT Phú túc				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
	Kệ sách	Cái	2	6.000.000	
	Kệ thiết bị	Cái	2	5.000.000	
XX.36	Tiểu học Số 2 Ia Rсай				
	Kệ sách	Cái	2	6.000.000	
	Bậc học THCS				
XX.37	THCS Kpă Klong				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
XX.38	THCS Lê Lợi				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
	Kệ sách	Cái	1	6.000.000	
XX.39	THCS Phan Bội Châu				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
XX.40	THCS Lê Hồng Phong				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
	Kệ sách	Cái	2	6.000.000	
XX.41	THCS Lê Quý Đôn				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
XX.42	THCS Lý Tự Trọng				
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
	Kệ sách	Cái	2	6.000.000	
	Kệ thiết bị	Cái	2	5.000.000	
XX.43	THCS Lương Thế Vinh				
	Máy vi tính học sinh	Bộ	4	12.000.000	
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
	Kệ sách	Cái	2	6.000.000	
XX.44	THCS Đất Bằng				
	Kệ sách	Cái	2	6.000.000	
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
XX.45	THCS Ngô Quyền				
	Kệ sách	Cái	2	6.000.000	
	Đàn óc gan Yamaha	Cái	1	10.000.000	
XX.46	Tiểu học số 3 Thị trấn Phú túc				
	Bàn ghế học sinh Tiểu học	Bộ	30	1.700.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
XX.47	Tiểu học số 2 Ia H' Dreh				
	Bàn ghế học sinh Tiểu học	Bộ	30	1.700.000	
XX.48	Tiểu học xã Chư Gu				
	Bàn ghế học sinh Tiểu học	Bộ	34	1.700.000	
XX.49	Tiểu học Chư Rcăm				
	Bàn ghế học sinh Tiểu học	Bộ	40	1.700.000	
XX.50	Tiểu học xã Ia Rmok				
	Bàn ghế học sinh Tiểu học	Bộ	35	1.700.000	
XX.51	THCS Lê Quý Đôn				
	Bàn ghế học sinh THCS	Bộ	54	1.900.000	
XX.52	THCS Lương Thế Vinh				
	Bàn ghế học sinh THCS	Bộ	105	1.900.000	

Đ



Các đơn vị trực thuộc Phòng Giáo dục huyện Krông Pa

Stt	 Tên thiết bị dạy học	Đ V T	ĐƠN VỊ TRƯỞNG												Mức giá tối đn/01 đơn vị tài sản	Ghi chú	
			THCS Đất Bằng	THCS L.T.Vinh	THCS P.B Châu	THCS L.H.phong	THCS N.Trãi	THCS L.Lợi	THCS Ngõ Quyển	THCS L.Q.Đôn	THCS L.T.Trọng	THCS Kpã Klông					
			Số lượng														
I	MÔN TOÁN																
1	Bộ thước đo thực hành Toán 6	Bộ		1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1.984.000	
2	Bộ thước đo thực hành Toán 7	Bộ	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1.984.000	
II	MÔN THỂ DỤC																
1	Bóng chuyền số 3	Quả		10	3	6	5	4	4	2	10	4	10	2	10	169.000	
2	Bóng ném lớp 9	Quả	10						10	10		10				24.000	
3	Bóng đá số 4		2	2	4	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	169.000	
4	Dây nhảy ngắn thể dục lớp 6	Cái	10			15	10	20	10	10		10				25.000	
5	Đế nhảy	Bộ	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1				845.000	
6	Đồng hồ bấm dây	Cái	2	2	2	1	1	2	2	1	1	2	1	2	1	302.000	
7	Lưới bóng chuyền	Bộ	1	1	2	2	1		1	1	2	2				174.000	
8	Nệm mút	Cái	1	1		1	2		1	1	2	2	1	2	1	7.300.000	
9	Thước dây 30 m	Cái	1		2	1	1	2	1	1	1	2	1	2	1	184.000	
10	Xà nhảy cao	Cái	2	2	2	1	1		2	2	4	2	2	2	2	382.000	
III	MÔN ĐỊA LÝ																
1	Mô hình trái đất lớp 6	Bộ			1	1				1	1	1		1		290.000	
2	M.hình t.đất q.quanh m.trời lớp 6	Bộ	1	1	1		1	1		1	1	1	1	1	1	1.534.000	
3	Quả địa cầu lớp 6	Bộ		1	1	1				1	1	1		1		290.000	
IV	MÔN CÔNG NGHỆ																
1	Bộ ĐD v.liệu k. thêu HS C.nghe 6	Bộ					2		1	1		2	1	2	1	220.000	
2	Dao ghép cây, cắt tia cảnh 6	Cái	5	2		5	2	1	1	1	2	3	1	3	1	230.000	
3	Dụng cụ cắm hoa Công nghệ 6	Cái					2		1	1	3	2	1	2	1	339.000	
4	Dụng cụ cắt may thêu C. nghệ 6	Bộ					2		1	1		2	1	2	1	220.000	
V	MÔN SINH HỌC																
1	Hoá chất Sinh 7	Lít		1		1	1	1	1	1		1	1	1	1	820.000	
2	Mô hình cá chép Sinh 7	Bộ					1			1		1		1		1.295.000	
3	Mô hình thằn lằn Sinh 7	Bộ					1			1		1		1		1.804.000	
VI	MÔN LỊCH SỬ																
1	Lược đồ các nước phương Đông	Tờ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	168.000	
2	Lược đồ các nước phương Tây	Tờ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	168.000	
VII	MÔN MỸ THUẬT																
1	Giá bảng vẽ Mỹ thuật 6	Bộ	1	1				9	1	1				2		387.000	

Các đơn vị trực thuộc Phòng Giáo dục huyện Krông Pa

TT	Đơn vị trường	Đệm nhảy	Bóng đá	Bóng rổ	Đồng hồ bấm giây	Ghế băng ghế dực	Cờ đuôi nhèo	Dây nhảy tập thể	Dây nhảy cá nhân	Quả cầu đá	Bóng ném	Cột bóng rổ	Bóng chuyền hơi	Coi	Thước dây
1	TH số 2 Phú Túc		2	5	1	1,0	4	5	10	5	4	1	5	5	1
2	TH số 3 Phú Túc	6	4	2	1	1	20	10	40	50	20	1	2	10	1
3	TH xã Ia Hêreh	6	3	2	2	1	35	20	35	35	30	1	6	5	1
4	TH số 2 xã Ia Hêreh	6	4		1	2	20	50	50	50	50			5	1
5	TH Nay Dêr xã Ia Siom	6	4	4	2	1	15	15	30	50	10	1	5	5	1
6	TH Tô Na xã Ia Siom	6	5	2	1	1	20	5	10	20	20	1	5	5	1
7	TH xã Chư Drăng		10		1		10	10	140	150	5		10	5	1
8	TH xã Chư Gu	6	5	1	2	1	15	10	20	50	10	1	5	5	1
9	TH xã Chư Rêlôm	6	4	4	1	1	11		60	100	20	1	2	5	1
10	TH xã Rmôk	6	4	3	1	1	10	5	10	10	10	1	5		1
11	TH xã Phú Cản		6			1			40	40			6		
12	TH xã Ia Rsaì	6	4	4	1	1	20	10	50	20	20	1	2	10	2
13	TH số 2 xã Ia Rsaì	6	5	5	2	2	10	5	30	60	5	1	2	5	2
14	TH xã Ia Mlâh		15	5	2	1	15	10	10	7	7	1	20	5	1
15	TH xã Chư Ngoc		5	5	2			20	20	30		2	2	5	5
16	TH xã Uar		5		1	1	12	10	20	20	5	1	5	7	2
17	TH số 2 xã C. Drăng		10	10	1	1		5	20	20	20	1	5	10	2
18	TH số 3 xã C. Drăng		3	3	1	1	40	5	40	40	10	1	5	10	3
19	TH xã Đất Bàng		10					5	30	20			20		
20	TH xã Krông Nang	6	6	4	2	2	50	20	50	50	20	2	2	10	2
	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản	714.000	254.000	212.000	300.000	2.760.000	14.000	57.000	25.000	19.000	24.000	6.249.000	170.000	10.000	182.000



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
XXI	Các đơn vị trực thuộc huyện Ia Grai				
XXI.1	Trường THCS Dân tộc nội trú				
	Thiết bị dạy học lớp 6	Bộ	2	21.500.000	
	Thiết bị dạy học lớp 7	Bộ	2	22.178.000	
	Thiết bị dạy học lớp 8	Bộ	2	28.837.000	
	Thiết bị dạy học lớp 9	Bộ	2	38.587.000	
	Máy vi tính phòng tin học	Bộ	2	13.000.000	
	Máy vi tính phòng tin học	Bộ	2	13.000.000	
	Máy vi tính phòng tin học	Bộ	12	13.000.000	
XVI.2	Phòng Tài chính - kế hoạch				
	Máy quay phim	Cái	1	17.000.000	
	Máy chụp hình	Cái	1	13.000.000	
	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	1	70.000.000	
	Máy tính xách tay	Cái	2	17.000.000	
XXI.3	Huyện Ủy				
	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống	1	123.126.000	
XXI.4	Trường Tiểu học Ngô Mây				
	Máy vi tính dùng cho hs	Cái	26	12.000.000	
	Dàn âm ly	Bộ	2	15.000.000	
	Máy lọc nước (dùng cho hs)	Cái	4	11.000.000	
	Tivi	Cái	2	9.000.000	
XXI.5	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi				
	<i>Thiết bị phòng tin học</i>				
	Máy vi tính dùng cho học sinh	Bộ	18	12.200.000	
	Máy vi tính dùng cho giáo viên	Bộ	01	13.500.000	
	Máy in	Cái	01	7.300.000	
	Bàn ghế vi tính học sinh	Bộ	18	4.400.000	
	Bàn ghế vi tính giáo viên	Bộ	01	4.700.000	
	Ổn áp	Cái	01	9.600.000	
	UPS San tak	Cái	01	8.200.000	
	Tủ mạng	Cái	01	3.800.000	
	Switch TP-Link 24 Port	Cái	01	1.820.000	
	Cable AMP Cat 6 STP	Thùng	02	2.640.000	
	Phụ kiện + nhân công lắp đặt	Hệ thống	01	17.000.000	
	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi				
	Bộ bàn ghế phòng học tiếng Anh	Bộ	35	6.000.000	
	Máy in đa năng	Cái	1	5.000.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Máy Scan	Cái	1	7.000.000	
	Hệ thống Camera giám sát	Hệ thống	1	73.343.000	
	Máy tính xách tay dùng cho giảng dạy	Bộ	1	15.000.000	
	Máy chiếu	Bộ	1	24.500.000	
	Trường THCS Hùng Vương				
	Máy chiếu	Bộ	1	26.500.000	
	Máy photocopy	Cái	1	70.000.000	
	Trường Mẫu giáo 19/5				
	Máy chiếu	Bộ	1	39.000.000	
	Tivi	Cái	10	4.100.000	
	Đầu đĩa	Cái	10	1.930.000	
	Máy tính phần mềm Kidmart	Bộ	5	14.400.000	
	Trường THCS Phan Đình Phùng				
	Hệ thống Bình nước lọc cho học sinh	Hệ thống	1	13.800.000	
	Máy PhoToCopy	Cái	2	60.000.000	
	Máy in đa năng	Cái	1	5.000.000	
	Máy Scan	Cái	1	7.000.000	
	Máy Chụp ảnh	Cái	1	7.000.000	
	Tủ đựng hồ sơ học sinh	Cái	15	3.000.000	
	Hệ thống Camera giám sát	Hệ thống	1	73.343.000	
	Máy tính xách tay dùng cho công tác giảng dạy	Bộ	1	15.000.000	
	Trường TH Võ Thị Sáu				
	Máy vi tính học sinh	Bộ	23	10.600.000	
	Trường TH Bùi Thị Xuân				
	Hệ thống Bình nước lọc cho học sinh	Hệ thống	1	13.800.000	
	Máy PhoToCopy	Cái	2	60.000.000	
	Máy in đa năng	Cái	1	5.000.000	
	Máy Scan	Cái	1	7.000.000	
	Máy Chụp ảnh	Cái	1	7.000.000	
	Tủ Hồ sơ dành cho học sinh	Cái	15	15.000.000	
	Hệ thống Camera	Hệ thống	1	73.343.000	
	Máy tính xách tay dùng cho công tác giảng dạy	Bộ	1	15.000.000	
	Loa	Bộ	2	33.400.000	
	Máy tăng âm (ampli)	Cái	1	100.000.000	
	Cặp loa	Bộ	1	600.000	
	Tủ lạnh	Cái	1	13.400.000	
	Trường TH Lê Quý Đôn				
	Máy chiếu phòng tin học + màn chiếu	Bộ	2	26.800.000	
	Bảng tương tác anh văn	Cái	1	220.213.000	
	Hệ thống Bình nước lọc cho học sinh	Hệ thống	1	13.800.000	
	Máy PhoToCopy	Cái	2	60.000.000	
	Máy in đa năng	Cái	2	5.000.000	
	Máy Scan	Cái	1	7.000.000	
	Máy Chụp ảnh	Cái	1	7.000.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Tủ đựng hồ sơ học sinh	Cái	15	15.000.000	
	Hệ thống Camera	Hệ thống	1	73.343.000	
	Máy tính xách tay	Cái	1	15.000.000	
	Máy bơm chìm	Cái	3	11.000.000	
	Máy ảnh	Cái	1	29.920.000	
	Loa	Bộ	2	33.400.000	
	Máy tăng âm (ampli)	Cái	1	100.000.000	
	Cặp loa	Bộ	1	600.000	
	Trường THCS THCS HOÀNG HOA THÁM				
	Bàn ghế học sinh	Bộ	40	1.350.000	
	Hệ thống bình nước lọc cho học sinh	Hệ thống	1	13.800.000	
	Máy chụp ảnh	Cái	1	15.000.000	
	Máy in đa năng	Cái	1	5.000.000	
	Máy Scan	Cái	1	7.000.000	
	Máy tính xách tay dùng cho công tác giảng dạy	Cái	1	15.000.000	
	Tủ đựng hồ sơ học sinh	Cái	6	11.000.000	
	Tủ lạnh	Cái	1	14.000.000	
	TRƯỜNG TH LÊ VĂN TÁM				
	Máy PhoToCopy	Cái	1	60.000.000	
	Bộ thiết bị giảng dạy thông minh	Bộ	1	169.015.000	
	Máy chiếu đa năng phòng tin học	Cái	1	24.000.000	
	Hệ thống Camera giám sát	Hệ thống	1	73.343.000	
	Máy tính xách tay dùng cho giảng dạy	Cái	1	15.000.000	
	Trường TH Cù Chính Lan				
	Máy tính để bàn học sinh	Cái	28	13.000.000	
	Bàn ghế vi tính cho học sinh	Cái	28	1.400.000	
	TRƯỜNG MẦM NON 17/3				
	Máy photocopy	Cái	1	60.000.000	
	Máy tính dùng cho công tác giảng dạy	Cái	2	1.300.000	
	Tủ đựng hồ sơ học sinh	Cái	3	3.000.000	

65



Các đơn vị thuộc huyện Ia Grai

STT	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường Mẫu giáo 1/6	Trường Mẫu non 20/11	Trường Mẫu giáo 30/4	Trường Mẫu giáo 26/3	Trường Mẫu giáo 2/9	Trường Mẫu giáo 22/12	Trường Mẫu non 19/8	Trường Mẫu giáo 10/3	Trường Mẫu giáo 15/5	Trường Mẫu giáo 8/3	Trường Mẫu giáo 20/10	Ghi chú
Bác học mầm non: Thiết bị dùng chung tối thiểu áp dụng cho 11 trường Mầm non, Mẫu giáo trực thuộc KP phòng:														
Số lượng														
I	Thiết bị dùng chung cho nhà trường													
-	Máy vi tính HS	Cái	12.200.000						10					
-	Máy in	Cái	7.300.000	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Máy chiếu	Cái	24.000.000	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Ti vi	Cái	8.000.000	03	01	03	03	04	02	03	03	03	03	
-	Bàn ghế vi tính giáo viên	Bộ	4.700.000	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Giá sách, kệ thư viện	Cái	3.400.000	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	
-	Ôn áp	Cái	9.600.000						01					
-	UPS San tak	Cái	8.200.000	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Loa	Cái	3.800.000	02				02						
-	Amply	Cái	3.400.000	01				01					01	
-	Micro	Cái	3.400.000	02				02					02	
-	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	175.000.000	01		01	01	01	01		01	01	01	
2	BỘ DÙNG/ lớp học 35 cháu MG 5-6 tuổi													
-	Giấy phoi khăn	Cái	700.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Cốc uống nước	Cái	28.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Tủ (giá) đựng ca cốc	Cái	2.471.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bình ủ nước	Cái	3.257.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Bộ	23.286.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Tủ đựng chăn, màn, chiếu.	Cái	4.769.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Phân	Cái	729.000	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	
-	Giấy để giày dép	Cái	2.857.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Thùng đựng rác	Cái	786.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1.214.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	

Handwritten signature

STT	Chủng loại	Đơn vị (cái, hệ bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường Mẫu giáo 1/6	Trường Mầm non 20/11	Trường Mẫu giáo 26/3	Trường Mẫu giáo 2/9	Trường Mẫu giáo 22/12	Trường Mầm non 19/8	Trường Mẫu giáo 10/3	Trường Mẫu giáo 15/5	Trường Mẫu giáo 8/3	Trường Mẫu giáo 20/10	Ghi chú
-	Xô	Cái	100.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Chậu nhựa	Cái	257.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bàn cho trẻ	Cái	714.000	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	
-	Ghế cho trẻ	Cái	221.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Bàn giáo viên	Cái	686.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Ghế giáo viên	Cái	371.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	1.429.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
-	Đàn organ	Cái	9.450.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Đàn organ	Cái	19.860.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
3	THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU/ lớp học 35 cháu MG 5-6 tuổi													
-	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	14.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Mô hình hàm răng	Cái	83.000	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
-	Vòng thể dục to	Cái	36.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Vòng thể dục nhỏ	Cái	46.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Gậy thể dục nhỏ	Cái	4.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Gậy thể dục to	Cái	6.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Xắc xô	Cái	24.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Cồng chui	Cái	171.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
-	Cột ném bóng	Cái	497.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bóng các loại	Quả	13.000	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	
-	Đồ chơi Bowling	Bộ	84.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
-	Dây thùng	Cái	57.000	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
-	Nguyên liệu để đan tết	kg	671.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	



STT	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường Mẫu giáo 1/6	Trường Mầm non 20/11	Trường Mẫu giáo 30/4	Trường Mẫu giáo 26/3	Trường Mẫu giáo 2/9	Trường Mẫu giáo 22/12	Trường Mầm non 19/8	Trường Mẫu giáo 10/3	Trường Mẫu giáo 15/5	Trường Mầm non 8/3	Trường Mẫu giáo 20/10	Ghi chú
-	Kéo thủ sàng	Cái 13.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Kéo văn phòng	Cái 36.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bút chì đen	Cái 5.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp 47.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ 71.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ 71.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ 71.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ 57.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ 57.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ lắp ráp kỹ thuật	Bộ 643.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ xếp hình xây dựng (51 Chi tiết)	Bộ 485.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ luân hạt	Bộ 442.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
-	Bộ lắp ghép (Khối chữ X)	Bộ 329.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ 200.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ lắp ráp xe lửa	Bộ 286.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ sa bàn giao thông	Bộ 1.257.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ động vật sống dưới nước	Bộ 137.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ 200.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ 137.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ côn trùng	Bộ 137.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Cân chia vạch	Cái 110.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Nam châm thẳng	Cái 16.000	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	

✓

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường Mẫu giáo 1/6	Trường Mầm non 20/11	Trường Mẫu giáo 30/4	Trường Mẫu giáo 26/3	Trường Mẫu giáo 2/9	Trường Mẫu giáo 22/12	Trường Mầm non 19/8	Trường Mẫu giáo 10/3	Trường Mẫu giáo 15/5	Trường Mẫu giáo 8/3	Trường Mẫu giáo 20/10	Ghi chú
-	Kính lúp	Cái	21.000	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
-	Phiếu nhựa	Cái	9.000	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
-	Bể chơi với cát và nước	Bộ	1.029.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Ghép nút lớn	Bộ	94.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
-	Bộ ghép hình hoa	Bộ	136.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
-	Bảng chun học toán	Bộ	47.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
-	Đồng hồ học số, học hình	Cái	186.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bàn tính học đếm	Cái	200.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ làm quen với toán (MG 5-6 tuổi)	Bộ	47.000	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	
-	Bộ hình khối	Bộ	157.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
-	Bộ nhận biết hình phẳng	Túi	36.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Bộ que tính	Bộ	4.000	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	
-	Lô tô động vật	Bộ	10.000	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	
-	Lô tô thực vật	Bộ	10.000	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	
-	Lô tô phương tiện giao thông	Bộ	9.000	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	
-	Lô tô đồ vật	Bộ	10.000	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	
-	Domino chữ cái và số	Hộp	53.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Bảng quay 2 mặt	Cái	1.714.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ chữ cái	Bộ	10.000	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	
-	Lô tô lắp ghép các khái niệm tương phản	Bộ	26.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
-	Lịch của trẻ	Bộ	464.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Tranh ảnh về Bác Hồ	Bộ	30.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	



STT	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng Mẫu giáo 1/6	Trưởng Mẫu non 20/11	Trưởng Mẫu giáo 30/4	Trưởng Mẫu giáo 26/3	Trưởng Mẫu giáo 2/9	Trưởng Mẫu giáo 22/12	Trưởng Mẫu non 19/8	Trưởng Mẫu giáo 10/3	Trưởng Mẫu giáo 15/5	Trưởng Mẫu giáo 8/3	Trưởng Mẫu giáo 20/10	Ghi chú
-	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ 31.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Tranh ảnh một số nghề phổ biến	Bộ 31.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ tranh truyền mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Bộ 250.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ tranh minh họa thơ MG 5 - 6 tuổi	Bộ 250.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ Tranh MG 5-6 tuổi theo chủ đề	Bộ 250.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ dụng cụ lao động	Bộ 179.000	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
-	Bộ đồ chơi nhà bếp	Bộ 399.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	Bộ 400.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ đồ chơi đồ dùng ăn uống	Bộ 87.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ 50.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Búp bê bé trai	Con 229.000	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
-	Búp bê bé gái	Con 286.000	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
-	Bộ trang phục công an	Bộ 387.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Doanh trại Bộ đội	Bộ 79.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ trang phục Bộ đội	Bộ 314.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ trang phục công nhân	Bộ 171.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ 457.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ trang phục bác sỹ	Bộ 79.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Gạch xây dựng	Thùng 886.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ xếp hình xây dựng (44 Chi tiết)	Bộ 257.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi 54.000	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
-	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Cái 41.000	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường Mẫu giáo 1/6	Trường Mầm non 20/11	Trường Mẫu giáo 30/4	Trường Mẫu giáo 26/3	Trường Mẫu giáo 2/9	Trường Mẫu giáo 22/12	Trường Mầm non 19/8	Trường Mẫu giáo 10/3	Trường Mẫu giáo 15/5	Trường Mẫu giáo 8/3	Trường Mẫu giáo 20/10	Ghi chú
-	Đất nện	Hộp	13.000	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	
-	Màu nước	Hộp	63.000	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	
4	SÁCH-TÀI LIỆU-BẢNG ĐĨA/ lớp học 35 cháu MG 5-6 tuổi														
-	Truyện tranh các loại	Cuốn	22.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Vở tập tạo hình	Cuốn	19.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Vở làm quen với toán	Cuốn	21.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Tập tô chữ cái	Cuốn	16.000	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	
-	Chương trình giáo dục mầm non	Cuốn	30.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình GD MN (MG lớn)	Cuốn	64.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Đồ chơi và trò chơi cho trẻ dưới 6 tuổi	Cuốn	31.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Tuyển tập thơ ca, truyện kể, trò chơi, câu đố	Cuốn	79.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Hướng dẫn bảo vệ môi trường trong trường MN	Cuốn	17.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả	Bộ	11.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bảng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru	Bộ	121.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bảng/đĩa thơ ca, truyện kể	Bộ	63.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bảng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể"	Bộ	121.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bảng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh"	Bộ	121.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bảng/đĩa hình về Bác Hồ	Bộ	63.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bảng/đĩa hình các hoạt động GD theo chủ đề	Bộ	543.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	



Các đơn vị thuộc huyện Ia Grai

STT		Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường Mẫu giáo 7/5	Trường Mầm non 3/2	Trường Mầm non 17/3	Trường Mầm non 1/5	Trường Mẫu giáo 19/5	Ghi chú
	Bậc học mầm non: Thiết bị dùng chung tối thiểu áp dụng cho trường Mầm non, Mẫu giáo không trực thuộc phòng Giáo dục			<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	
1	Thiết bị dùng chung cho nhà trường			Số lượng					
-	Máy vi tính HS	Cái	12.200.000						
-	Máy in	Cái	7.300.000	01	01	01	01	01	
-	Máy chiếu	Cái	24.000.000	01	01	01	01	01	
-	Ti vi	Cái	8.000.000	4	01	01	01	03	
-	Bàn ghế vi tính giáo viên	Bộ	4.700.000	01	01	01	01	01	
-	Giá sách, kệ thư viện	Cái	3.400.000	02	02	02	02	02	
-	Ôn áp	Cái	9.600.000						
-	UPS San tak	Cái	8.200.000	01	01	01	01	01	
-	Loa	Cái	3.800.000	02					
-	Amplify	Cái	3.400.000	01					
-	Micro	Cái	3.400.000	02					
-	Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	175.000.000	01	01	01	01	01	
2	BỘ DÙNG/lớp học các cháu MG 5-6 tuổi								
-	Giá phơi khăn	Cái	700.000	1	1	1	1	1	
-	Cốc uống nước	Cái	28.000	35	35	35	35	35	
-	Tủ (giá) đựng ca cốc	Cái	2.471.000	1	1	1	1	1	
-	Bình ủ nước	Cái	3.257.000	1	1	1	1	1	
-	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Bộ	23.286.000	1	1	1	1	1	
-	Tủ đựng chăn, màn, chiếu.	Cái	4.769.000	2	2	2	2	2	
-	Phân	Cái	729.000	18	18	18	18	18	
-	Giá để giày dép	Cái	2.857.000	2	2	2	2	2	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường Mẫu giáo 7/5	Trường Mầm non 3/2	Trường Mầm non 17/3	Trường Mầm non 1/5	Trường Mẫu giáo 19/5	Ghi chú
-	Thùng đựng rác	Cái	786.000	2	2	2	2	2	
-	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1.214.000	1	1	1	1	1	
-	Xô	Cái	100.000	2	2	2	2	2	
-	Chậu nhựa	Cái	257.000	2	2	2	2	2	
-	Bàn cho trẻ	Cái	714.000	18	18	18	18	18	
-	Ghế cho trẻ	Cái	221.000	35	35	35	35	35	
-	Bàn giáo viên	Cái	686.000	1	1	1	1	1	
-	Ghế giáo viên	Cái	371.000	2	2	2	2	2	
-	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	1.429.000	5	5	5	5	5	
-	Đàn organ	Cái	9.450.000	1	1	1	1	1	
-	Đàn organ	Cái	19.860.000	1	1	1	1	1	
3 THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU/ lớp học cho cháu MG 5-6 tuổi									
-	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	14.000	6	6	6	6	6	
-	Mô hình hàm răng	Cái	83.000	3	3	3	3	3	
-	Vòng thẻ đục to	Cái	36.000	2	2	2	2	2	
-	Vòng thẻ đục nhỏ	Cái	46.000	35	35	35	35	35	
-	Gậy thẻ đục nhỏ	Cái	4.000	35	35	35	35	35	
-	Gậy thẻ đục to	Cái	6.000	2	2	2	2	2	
-	Xắc xô	Cái	24.000	2	2	2	2	2	
-	Cồng chui	Cái	171.000	5	5	5	5	5	
-	Cột ném bóng	Cái	497.000	2	2	2	2	2	
-	Bóng các loại	Quả	13.000	16	16	16	16	16	
-	Đồ chơi Bowling	Bộ	84.000	5	5	5	5	5	
-	Dây thừng	Cái	57.000	3	3	3	3	3	
-	Nguyên liệu để đan tết	kg	671.000	1	1	1	1	1	
-	Kéo thủ công	Cái	13.000	35	35	35	35	35	
-	Kéo văn phòng	Cái	36.000	1	1	1	1	1	
-	Bút chì đen	Cái	5.000	35	35	35	35	35	
-	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	47.000	35	35	35	35	35	
-	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	71.000	1	1	1	1	1	



STT		Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường Mẫu giáo 7/5	Trường Mầm non 3/2	Trường Mầm non 17/3	Trường Mầm non 1/5	Trường Mẫu giáo 19/5	Ghi chú
-	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	71.000	1	1	1	1	1	
-	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	71.000	1	1	1	1	1	
-	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	57.000	1	1	1	1	1	
-	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	57.000	1	1	1	1	1	
-	Bộ lắp ráp kỹ thuật	Bộ	643.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ xếp hình xây dựng (51 Chi tiết)	Bộ	485.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ luân hạt	Bộ	442.000	5	5	5	5	5	
-	Bộ lắp ghép (Khối chữ X)	Bộ	329.000	2	2	2	2	2	
-	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	200.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ lắp ráp xe lửa	Bộ	286.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ sa bàn giao thông	Bộ	1.257.000	1	1	1	1	1	
-	Bộ động vật sống dưới nước	Bộ	137.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	200.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	137.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ côn trùng	Bộ	137.000	2	2	2	2	2	
-	Cân chia vạch	Cái	110.000	1	1	1	1	1	
-	Nam châm thẳng	Cái	16.000	3	3	3	3	3	
-	Kính lúp	Cái	21.000	3	3	3	3	3	
-	Phếu nhựa	Cái	9.000	3	3	3	3	3	
-	Bể chơi với cát và nước	Bộ	1.029.000	1	1	1	1	1	
-	Ghép nút lớn	Bộ	94.000	5	5	5	5	5	
-	Bộ ghép hình hoa	Bộ	136.000	5	5	5	5	5	
-	Bảng chun học toán	Bộ	47.000	5	5	5	5	5	
-	Đồng hồ học số, học hình	Cái	186.000	2	2	2	2	2	
-	Bàn tính học đếm	Cái	200.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ làm quen với toán (MG 5-6 tuổi)	Bộ	47.000	15	15	15	15	15	
-	Bộ hình khối	Bộ	157.000	5	5	5	5	5	
-	Bộ nhận biết hình phẳng	Túi	36.000	35	35	35	35	35	
-	Bộ que tính	Bộ	4.000	15	15	15	15	15	
-	Lô tô động vật	Bộ	10.000	15	15	15	15	15	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường Mẫu giáo 7/5	Trường Mầm non 3/2	Trường Mầm non 17/3	Trường Mầm non 1/5	Trường Mẫu giáo 19/5	Ghi chú
-	Lô tô thực vật	Bộ	10.000	15	15	15	15	15	
-	Lô tô phương tiện giao thông	Bộ	9.000	15	15	15	15	15	
-	Lô tô đồ vật	Bộ	10.000	15	15	15	15	15	
-	Domino chữ cái và số	Hộp	53.000	10	10	10	10	10	
-	Bảng quay 2 mặt	Cái	1.714.000	1	1	1	1	1	
-	Bộ chữ cái	Bộ	10.000	15	15	15	15	15	
-	Lô tô lắp ghép các khái niệm tương phản	Bộ	26.000	5	5	5	5	5	
-	Lịch của trẻ	Bộ	464.000	1	1	1	1	1	
-	Tranh ảnh về Bác Hồ	Bộ	30.000	1	1	1	1	1	
-	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ	31.000	1	1	1	1	1	
-	Tranh ảnh một số nghề phổ biến	Bộ	31.000	1	1	1	1	1	
-	Bộ tranh truyền mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Bộ	250.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ tranh minh họa thơ MG 5 - 6 tuổi	Bộ	250.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ Tranh MG 5-6 tuổi theo chủ đề	Bộ	179.000	3	3	3	3	3	
-	Bộ dụng cụ lao động	Bộ	399.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ đồ chơi nhà bếp	Bộ	400.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	Bộ	87.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ đồ chơi đồ dùng ăn uống	Bộ	50.000	1	1	1	1	1	
-	Bộ trang phục nấu ăn	Con	229.000	3	3	3	3	3	
-	Búp bê bé trai	Con	286.000	3	3	3	3	3	
-	Búp bê bé gái	Bộ	387.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ trang phục công an	Bộ	79.000	2	2	2	2	2	
-	Doanh trại Bộ đội	Bộ	314.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ trang phục công nhân	Bộ	171.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	457.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ trang phục bác sỹ	Bộ	79.000	2	2	2	2	2	
-	Gạch xây dựng	Thùng	886.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ xếp hình xây dựng (44 Chi tiết)	Bộ	257.000	2	2	2	2	2	
-	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	54.000	3	3	3	3	3	

STT		Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường Mẫu giáo 7/5	Trường Mầm non 3/2	Trường Mầm non 17/3	Trường Mầm non 1/5	Trường Mẫu giáo 19/5	Ghi chú
-	Dùng cụ gỗ để dạy theo phách nhịp	Cái	41.000	12	12	12	12	12	
-	Đất nặn	Hộp	13.000	30	30	30	30	30	
-	Màu nước	Hộp	63.000	25	25	25	25	25	
4	SÁCH-TÀI LIỆU-BĂNG Đĩa/ lớp học cho cháu MG 5-6 tuổi								
-	Truyện tranh các loại	Cuốn	22.000	35	35	35	35	35	
-	Vở tập tạo hình	Cuốn	19.000	35	35	35	35	35	
-	Vở làm quen với toán	Cuốn	21.000	35	35	35	35	35	
-	Tập tô chữ cái	Cuốn	16.000	35	35	35	35	35	
-	Chương trình giáo dục mầm non	Cuốn	30.000	1	1	1	1	1	
-	Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình GD MN (MG lớn)	Cuốn	64.000	1	1	1	1	1	
-	Đồ chơi và trò chơi cho trẻ dưới 6 tuổi	Cuốn	31.000	1	1	1	1	1	
-	Tuyển tập thơ ca, truyện kể, trò chơi, câu đố	Cuốn	79.000	1	1	1	1	1	
-	Hướng dẫn bảo vệ môi trường trong trường MN	Cuốn	17.000	1	1	1	1	1	
-	Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả	Bộ	11.000	1	1	1	1	1	
-	Băng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru	Bộ	121.000	1	1	1	1	1	
-	Băng/đĩa thơ ca, truyền kể	Bộ	63.000	1	1	1	1	1	
-	Băng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyền kể"	Bộ	121.000	1	1	1	1	1	
-	Băng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh"	Bộ	121.000	1	1	1	1	1	
-	Băng/đĩa hình về Bác Hồ	Bộ	63.000	1	1	1	1	1	
-	Băng/đĩa hình các hoạt động GD theo chủ đề	Bộ	543.000	1	1	1	1	1	

2

Các đơn vị thuộc huyện Ia Grai

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Trường TH Lê Lợi	Trường TH Hà Huy Tập	Trường TH Phan Chu Trinh	Ghi chú
	Bậc tiểu học: Thiết bị dùng chung tối thiểu áp dụng cho 05 trường tiểu học trực thuộc KP phòng:								
1	Thiết bị dùng chung cho nhà trường								
-	Máy vi tính HS	Cái	12.200.000	05	18	05	18	05	
-	Máy in	Cái	7.300.000	01	01	01	01	01	
-	Máy chiếu	Cái	24.000.000	01	01	01	01	01	
-	Ti vi	Cái	8.000.000	01	01	01	01	01	
-	Bàn ghế vi tính học sinh	Bộ	4.400.000	05	18	05	18	05	
-	Bàn ghế vi tính giáo viên	Bộ	4.700.000	01	01	01	01	01	
-	Giá sách, kệ thư viện	Cái	3.400.000	02	02	02	02	02	
-	Bảng chống lóa	Cái	3.200.000	02	02	02	02	02	
-	Ôn áp	Cái	9.600.000		01		01		
-	UPS San tak	Cái	8.200.000	01	01	01	01	01	
-	Loa	Cái	3.800.000		02		02		
-	Amplify	Cái	3.400.000		01		01		
-	Micro	Cái	3.400.000		02		02		
2	Thiết bị cho từng khối lớp								
2.1	LỚP 1								
2.1.1	MÔN TIẾNG VIỆT - TOÁN								
-	Bộ TH Toán - TViệt L1(GV) không ni	Bộ	1.127.000	2	2	2	2	2	
-	Bảng ni từ (0,7x1)m - 5 thanh cài	Cái	642.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ TH Toán - Tiếng Việt L1 (HS)	Bộ	93.000	80	80	80	80	80	



STT	Chiung loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng TH Nguyễn Bá Ngọc	Trưởng TH Nguyễn Văn Trỗi	Trưởng TH Lê Lợi	Trưởng TH Hà Huy Tập	Trưởng TH Phan Chu Trình	Ghi chú
-	Bộ Toán - TV lớp 1 (HS) theo chương trình sách Cộng Nghệ	Bộ	112.000	80	80	80	80	80	
2.1.2	MÔN ĐẠO ĐỨC								
-	Đĩa các bài hát đạo đức L1	Cái	60.000	2	2	2	2	2	
-	Đĩa hình hoạt cảnh đạo đức L1 (bộ 4 đĩa)	Cái	242.000	2	2	2	2	2	
2.1.3	MÔN ÂM NHẠC								
-	Đĩa CD ghi các bài hát L1	Cái	60.000	2	2	2	2	2	
-	Song loan	Cái	27.000	10	10	10	10	10	
-	Thanh phách	Cặp	20.000	22	22	22	22	22	
-	Mỏ	Cái	33.000	10	10	10	10	10	
-	Trống nhỏ nhựa 2 mặt + dùi	Cái	68.000	6	6	6	6	6	
2.1.4	MÔN THỦ CÔNG								
-	Đĩa hình môn thủ công L1 (bộ/5)	Bộ	302.000	2	2	2	2	2	
2.1.5	MÔN THỂ DỤC								
-	Còi TDTT	Cái	10.000	4	4	4	4	4	
-	Đệm nhảy	Cái	713.000	12	12	12	12	12	
-	Bóng chuyền số 3	Quả	170.000	10	10	10	10	10	
2.2	LỚP 2								
2.2.1	MÔN TOÁN								
-	Bộ Toán lớp 2 (GV) - không ni	Bộ	768.000	2	2	2	2	2	
-	Bảng ni từ (0,7x1)m - 5 thanh cài	Cái	642.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ TH Tồn 2 (HS)	Bộ	95.000	80	80	80	80	80	
-	Cân Roberval Toán 2	Bộ	552.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ quả cân 6kg	Bộ	758.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ quả cân 8kg	Bộ	1.137.000	2	2	2	2	2	
-	Ca 1 lít	Cái	13.000	2	2	2	2	2	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Trường TH Lê Lợi	Trường TH Hà Huy Tập	Trường TH Phan Chu Trinh	Ghi chú
-	Chai 1 lít	Cái	13.000	2	2	2	2	2	
-	Thước nhôm 1m	Cây	80.000	4	4	4	4	4	
-	Thước nhôm 0,5m	Cây	40.000	2	2	2	2	2	
2.2.2	MÔN ÂM NHẠC								
-	Kèn phím (Hàn Quốc)	Cái	1.327.000	6	6	6	6	6	
-	Đĩa âm nhạc lớp 2	Cái	60.000	2	2	2	2	2	
-	Song loan	Cái	27.000	10	10	10	10	10	
-	Trống nhỏ nhựa 2 mặt + dùi	Cái	68.000	10	10	10	10	10	
-	Mũ	Cái	33.000	10	10	10	10	10	
-	Thanh phách	Cặp	20.000	22	22	22	22	22	
2.2.3	MÔN THỂ DỤC								
-	Còi TDTT nhựa	Cái	10.000	4	4	4	4	4	
-	Cờ nhỏ	Cái	13.000	20	20	20	20	20	
-	Đệm nhảy (1x0,25)m	Cái	713.000	8	8	8	8	8	
-	Bóng đá số 4	Quả	253.000	20	20	20	20	20	
-	Đồng hồ bấm giây	Cái	300.000	2	2	2	2	2	
-	Ghế băng thẻ dục	Cái	2.760.000	2	2	2	2	2	
-	Bóng chuyền số 3	Quả	170.000	10	10	10	10	10	
-	Quả cầu chính	Cái	17.000	10	10	10	10	10	
-	Vợt đánh cầu chính	Cái	38.000	10	10	10	10	10	
2.3	LỚP 3								
2.3.1	MÔN TOÁN								
-	Bộ Toán Lớp 3 (GV) - không ni	Bộ	697.000	2	2	2	2	2	
-	Ê-ke nhựa 30-40-50	Cái	33.000	2	2	2	2	2	
-	Compa dùng cho GV	Cái	47.000	2	2	2	2	2	
-	Thước nhôm 0,5m	Cái	40.000	2	2	2	2	2	
-	Thước nhôm 1m	Cái	80.000	2	2	2	2	2	
-	Bảng ni từ (0,7x1)m - 5 thanh cái	Cái	642.000	2	2	2	2	2	



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng TH Nguyễn Bá Ngọc	Trưởng TH Nguyễn Văn Trỗi	Trưởng TH Lê Lợi	Trưởng TH Hà Huy Tập	Trưởng TH Phan Chu Trinh	Ghi chú
-	Bộ Toán Lớp 3 (HS)	Bộ	93.000	80	80	80	80	80	
2.3.2	MÔN TỰ NHIÊN XH								
-	MH trái đất..., mặt trăng quay quanh... (có	Bộ	1.642.000	2	2	2	2	2	
2.3.3	MÔN ÂM NHẠC								
-	Kèn phim (Hàn Quốc)	Cái	1.327.000	6	6	6	6	6	
-	Song loan	Cái	27.000	10	10	10	10	10	
-	Trống nhỏ nhựa 2 mặt + dùi	Cái	68.000	10	10	10	10	10	
-	Mô	Cái	33.000	10	10	10	10	10	
-	Thanh phách	Cặp	20.000	22	22	22	22	22	
-	CD-Âm nhạc 3 : các bài hát	Đĩa	60.000	2	2	2	2	2	
2.3.4	MÔN THỂ DỤC								
-	Thước dây 20m	Sợi	170.000	2	2	2	2	2	
-	Còi Thể dục	Cái	10.000	4	4	4	4	4	
-	Bóng đá số 4	Quả	253.000	10	10	10	10	10	
-	Bóng chuyền số 3	Quả	170.000	10	10	10	10	10	
-	Bóng rổ số 5	Quả	212.000	10	10	10	10	10	
-	Dây nhảy cá nhân	Sợi	25.000	40	40	40	40	40	
-	Dây nhảy dài tập thể	Sợi	60.000	8	8	8	8	8	
-	Bộ cột bâng ném bóng rổ (bộ 2 cột)	Bộ	6.778.000	2	2	2	2	2	
-	Đệm nhảy (1x0,25)m	Cái	713.000	8	8	8	8	8	
-	Đồng hồ bấm giây	Cái	300.000	2	2	2	2	2	
-	Ghế băng thể dục	Cái	2.760.000	2	2	2	2	2	
-	Cờ nhỏ	Cái	13.000	20	20	20	20	20	
-	Quả cầu chính	Cái	17.000	10	10	10	10	10	
-	Vợt đánh cầu chính	Cái	37.000	10	10	10	10	10	
2.4	LỚP 4								
2.4.1	MÔN TOÁN								
-	Bộ hình học nhựa Toán 4 (GV)	Bộ	467.000	2	2	2	2	2	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Trường TH Lê Lợi	Trường TH Hà Huy Tập	Trường TH Phan Chu Trinh	Ghi chú
-	Bảng Mét vuông - kẻ ô vuông	Cái	343.000	2	2	2	2	2	
-	Bảng ni từ (0,7x1)m - 5 thanh cài	Cái	642.000	2	2	2	2	2	
-	Ế-ke nhựa 30-40-50	Cái	33.000	2	2	2	2	2	
-	Compa dùng cho GV	Cái	47.000	2	2	2	2	2	
-	Thước nhôm 0,5m	Cái	40.000	2	2	2	2	2	
-	Thước nhôm 1m đẹp	Cái	80.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ Toán TH Lớp 4 (HS)	Bộ	28.000	80	80	80	80	80	
2.4.2	MÔN KHOA HỌC								
-	Bộ DC Khoa học Lớp 4	Bộ	2.128.000	2	2	2	2	2	
2.4.3	MÔN KỸ THUẬT								
-	Bộ lắp ghép MH kỹ thuật (GV) L4+L5	Bộ	1.082.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ lắp ghép MH kỹ thuật 4 (HS)	Bộ	90.000	80	80	80	80	80	
-	Bộ DC, VL cắt, khâu, thêu 4 (GV)	Bộ	533.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ DC, VL cắt, khâu, thêu 4 (HS)	Bộ	145.000	80	80	80	80	80	
2.4.4	MÔN ÂM NHẠC								
-	Audio CD Âm nhạc 4	Cái	60.000	2	2	2	2	2	
-	Kèn phím (Hàn Quốc)	Cái	1.327.000	6	6	6	6	6	
-	Song loan	Cái	27.000	10	10	10	10	10	
-	Trống nhỏ nhựa 2 mặt + dùi	Cái	68.000	10	10	10	10	10	
-	Mõ	Cái	33.000	10	10	10	10	10	
-	Thanh phách	Cặp	20.000	22	22	22	22	22	
2.4.5	MÔN THỂ DỤC								
-	Bóng rổ số 5	Quả	212.000	10	10	10	10	10	
-	Bóng đá số 4	Quả	253.000	20	20	20	20	20	
-	Bóng ném	Quả	23.000	40	40	40	40	40	
-	Ghế băng ghế dục	Cái	2.760.000	2	2	2	2	2	
-	Đệm nhảy (1x0,25)m	Cái	713.000	8	8	8	8	8	
-	Đồng hồ bấm giây	Cái	300.000	2	2	2	2	2	



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng TH Nguyễn Bá Ngọc	Trưởng TH Nguyễn Văn Trỗi	Trưởng TH Lê Lợi	Trưởng TH Hà Huy Tập	Trưởng TH Phan Chu Trinh	Ghi chú
-	Cờ nhỏ	Cái	13.000	20	20	20	20	20	
-	Dây nhảy cá nhân	Cái	25.000	40	40	40	40	40	
-	Dây nhảy tập thể	Cái	60.000	4	4	4	4	4	
-	Thước dây 30m	Cái	182.000	2	2	2	2	2	
-	Quả cầu đá	Quả	18.000	40	40	40	40	40	
-	Còi Thè dục	Cái	10.000	4	4	4	4	4	
-	Bóng chuyền số 3	Quả	170.000	10	10	10	10	10	
-	Quả cầu chính	Cái	17.000	10	10	10	10	10	
-	Vợt đánh cầu chính	Cái	37.000	10	10	10	10	10	
2.5	LỚP 5								
2.5.1	MÔN TOÁN								
-	Hình tròn L.5 (bộ 6 hình)	Bộ	250.000	2	2	2	2	2	
-	Hình thang L.5 (bộ 2 hình)	Bộ	88.000	2	2	2	2	2	
-	Hình tam giác L.5 (bộ 2 hình)	Bộ	70.000	2	2	2	2	2	
-	Hình chữ nhật biểu diễn tính thể tích L.5	Cái	103.000	2	2	2	2	2	
-	Hình chữ nhật (200x160x100) mm L.5	Cái	182.000	2	2	2	2	2	
-	Hình lập phương biểu diễn tính thể tích	Cái	60.000	2	2	2	2	2	
-	Hình lập phương cạnh 40mm L.5	Bộ	88.000	2	2	2	2	2	
-	Hình lập phương cạnh 200mm L.5	Cái	285.000	2	2	2	2	2	
-	Hình trụ cao 150mm L.5	Cái	98.000	2	2	2	2	2	
-	Hình cầu d=200mm L.5	Cái	118.000	2	2	2	2	2	
-	Ê-ke nhựa	Cái	33.000	2	2	2	2	2	
-	Compa (M)	Cái	47.000	2	2	2	2	2	
-	Thước nhôm 0,5m	Cái	40.000	2	2	2	2	2	
-	Thước nhôm 1m đẹp	Cái	80.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ Toán thực hành Lớp 5 (HS)	Bộ	28.000	80	80	80	80	80	
2.5.2	MÔN ĐẠO ĐỨC								
-	CD-AudioĐạo Đức Lớp 5	Cái	60.000	2	2	2	2	2	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Trường TH Lê Lợi	Trường TH Hà Huy Tập	Trường TH Phan Chu Trinh	Ghi chú
2.5.3	MÔN KHOA HỌC								
-	Bộ mẫu tư sợi Lớp 5	Bộ	93.000	14	14	14	14	14	
-	Mô hình " Bánh xe nước" Lớp 5	Bộ	388.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ lắp ráp mạch điện đơn giản (HS)	Bộ	65.000	80	80	80	80	80	
2.5.4	MÔN KỸ THUẬT								
-	Bộ DC, VL cắt, khâu, thêu Lớp 5 (GV)	Bộ	533.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ lắp ghép MH kỹ thuật (GV) L4+L5	Bộ	1.082.000	2	2	2	2	2	
-	Bộ lắp ghép MH kỹ thuật Lớp 5 (HS)	Bộ	98.000	80	80	80	80	80	
2.5.5	MÔN MỸ THUẬT								
-	Hộp màu vẽ dùng cho GV (L5)	Bộ	697.000	2	2	2	2	2	
-	Cặp vẽ KT (45x60)cm	Cái	208.000	2	2	2	2	2	
2.5.6	MÔN ÂM NHẠC								
-	Đĩa CD-Audio Am Nhạc Lớp 5	Cái	60.000	2	2	2	2	2	
-	Kèn phím (Hàn Quốc)	Cái	1.327.000	6	6	6	6	6	
-	Song loan	Cái	27.000	10	10	10	10	10	
-	Trống nhỏ nhựa 2 mặt + dùi	Cái	68.000	10	10	10	10	10	
-	Mõ	Cái	33.000	10	10	10	10	10	
-	Thanh phách	Cặp	20.000	22	22	22	22	22	
2.5.7	MÔN THỂ DỤC								
-	CD-Audio Thể Dục Lớp 5	Cái	60.000	2	2	2	2	2	
-	Bóng rổ số 5	Quả	212.000	2	2	2	2	2	
-	Bóng đá số 4	Quả	253.000	2	2	2	2	2	
-	Bóng ném 150gr	Quả	23.000	8	8	8	8	8	
-	Ghế băng thể dục	Cái	2.760.000	2	2	2	2	2	
-	Đệm nhảy	Cái	713.000	8	8	8	8	8	
-	Đồng hồ bấm giây	Cái	300.000	2	2	2	2	2	
-	Cờ nhỏ	Cái	13.000	20	20	20	20	20	
-	Dây nhảy cá nhân	Cái	25.000	40	40	40	40	40	



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng TH Nguyễn Bá Ngọc	Trưởng TH Nguyễn Văn Trỗi	Trưởng TH Lê Lợi	Trưởng TH Hà Huy Tập	Trưởng TH Phan Chu Trinh	Ghi chú
-	Dây nhảy tập thể	Cái	60.000	4	4	4	4	4	
-	Thuốc dây 30m	Cái	182.000	2	2	2	2	2	
-	Quả cầu đá	Quả	18.000	40	40	40	40	40	
-	Còi Thét dục	Cái	10.000	4	4	4	4	4	
-	Bóng chuyền số 3	Quả	170.000	10	10	10	10	10	
-	Quả cầu chính	Cái	17.000	10	10	10	10	10	
-	Vợt đánh cầu chính	Cái	37.000	10	10	10	10	10	
B.D.D.H DỪNG CHUNG									
-	Bàn nhóm bằng nhựa (0,4x0,6)m	Cái	47.000	10	10	10	10	10	
-	Bàn phụ bằng nhựa (700x900x0,5)mm	Cái	93.000	5	5	5	5	5	
-	Nam châm bọc sắt d=32	Viên	7.000	20	20	20	20	20	
-	Thanh cài nhôm gắn nam châm 66cm	Cái	55.000	20	20	20	20	20	
-	Nẹp treo tranh 60cm	Cây	12.000	20	20	20	20	20	
-	Nẹp treo tranh 78cm	Cây	13.000	20	20	20	20	20	
-	Nẹp treo tranh 85cm	Cây	13.000	20	20	20	20	20	
-	Nẹp treo tranh 108cm	Cây	17.000	20	20	20	20	20	
-	Nẹp treo tranh 115cm	Cây	18.000	20	20	20	20	20	
-	Giá treo tranh 15 móc	Cái	758.000	2	2	2	2	2	
-	Trống trường + chân chất liệu bằng gỗ, mặt trống bọc da trâu, chân sắt sơn tĩnh điện, đường kính 50cm, cao 70cm	Cái	4.875.000	1	1	1	1	1	
-	Bộ trống đội inox nhỏ	Bộ	2.250.000	1	1	1	1	1	
-	Bàn đồ hành chính VN có viền khung nhôm treo tường - ép phastic	Cái	443.000	1	1	1	1	1	
-	Ảnh Bác Hồ có khung treo tường (36X27)	Cái	155.000	1	1	1	1	1	
-	Bộ biển báo giao thông đường bộ	Bộ	343.000	1	1	1	1	1	
-	Quả địa cầu d11	Quả	147.000	1	1	1	1	1	
-	Quả địa cầu d22 đế gỗ	Quả	233.000	1	1	1	1	1	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Trường TH Lê Lợi	Trường TH Hà Huy Tập	Trường TH Phan Chu Trình	Ghi chú
-	Quả địa cầu d30 đế gỗ	Quả	370.000	1	1	1	1	1	
	TRANH ANH								
-	Tranh T/V L1_P1(B1->B41) - HK1 - tranh nhựa	Bộ	1 927 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh T/V L1_P1(B42->B83) - HK1 - tranh	Bộ	2 110 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh T/V L1_P2(B84->B103) - HK2 - tranh nhựa	Bộ	1 029 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Tập đọc L1(42tr) - HK2 - tranh nhựa	Bộ	566 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh TN XH 1 (66 tranh) - tranh nhựa	Bộ	841 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh T/V L2 (tập 1) - HK1 - tranh nhựa	Bộ	2 176 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh T/V L2 (tập 2) - HK2- tranh nhựa	Bộ	1 727 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Tự nhiên XH 2-tranh nhựa	Bộ	764 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Đạo Đức 2 -tranh nhựa	Bộ	276 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh T/V L3 (tập 1) - HK1 - tranh nhựa	Bộ	1 807 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh T/V L3 (tập 2) - HK2- tranh nhựa	Bộ	1 824 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh TNXH L3 (52tr)-tranh nhựa	Bộ	1 296 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Đạo Đức L3 - tranh nhựa	Bộ	230 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Thủ Công L3 -tranh nhựa	Bộ	773 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Tiếng Việt L4 - tranh nhựa	Bộ	2 553 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Đạo đức 4 (17tr) - nhựa	Bộ	223 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Khoa học L4 - tranh nhựa	Bộ	1 147 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh lịch sử - địa lý 4 - tranh nhựa	Bộ	871 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Tiếng Việt L5 -tranh nhựa	Bộ	2 344 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Đạo Đức L5 -tranh nhựa	Bộ	184 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Lịch Sử L5 -tranh nhựa	Bộ	269 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Địa lý 5 - tranh nhựa	Bộ	549 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Kỹ Thuật L5 -tranh nhựa	Bộ	677 000	2	2	2	2	2	
-	Tranh Khoa Học L5 - tranh nhựa	Bộ	2 217 000	2	2	2	2	2	

85

Các đơn vị thuộc huyện Ia Grai

STT		Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa(01 đơn vị tài sản (đồng))	Trưởng TH Kim Đồng	Trưởng TH Nguyễn Việt Xuân	Trưởng TH Nguyễn Huệ	Trưởng TH Võ Thị Sáu	Trưởng TH Lê Văn Tâm	Trưởng TH Nguyễn Trái	Trưởng TH Ch Chính Lan	Trưởng TH Bùi Thị Xuân	Trưởng TH Lương Thế Vinh	Trưởng THCS Hoàng Văn Thư (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Phan Đình Phùng (c cấp tiểu học)	Trưởng THCS Hoàng Hoa Thắm (cấp tiểu học)	Trưởng TH Trần Quốc Toàn	Trưởng TH Lý Tùng	Trưởng TH Ngô Mây	Trưởng TH Nguyễn Thị Minh Khải	Trưởng TH Lê Quý Đôn	Ghi chú
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Bậc tiến học: Thiết bị dùng chung tối thiểu áp dụng cho trường tiến học không trực thuộc phòng Giáo dục:			Số lượng																	
1	Thiết bị dùng chung cho nhà trường																				
-	Máy vi tính HS	Cái	12.200.000	05	18	05	18	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	
-	Máy in	Cái	7.300.000	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Máy chiếu	Cái	24.000.000	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Ti vi	Cái	8.000.000	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Bàn ghế vi tính học sinh	Bộ	4.400.000	05	18	05	18	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	
-	Bàn ghế vi tính giáo viên	Bộ	4.700.000	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Giấy sách, kệ thư viện	Cái	3.400.000	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	
-	Bàngh chống lóa	Cái	3.200.000	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	
-	Ôn áp	Cái	9.600.000		01																
-	UPS San tak	Cái	8.200.000	01	01	01	01	01	01	01	01		01		01	01	01	01	01	01	
-	Loa	Cái	3.800.000		02		02														
-	Amplify	Cái	3.400.000		01		01														
-	Micro	Cái	3.400.000		02		02														
2	Thiết bị cho từng khối lớp																				
2.1	LỚP 1																				
2.1.1	MÔN TIẾNG VIỆT - TOÁN																				
-	Bộ TH Toán - TV tập L1(GV) không nĩ	Bộ	1.127.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bảng nĩ từ (0,7x1)m - 5 thành cái	Cái	642.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ TH Toán - Tiếng Việt L1 (HS)	Bộ	93.000	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	
-	Bộ Toán - TV tập 1 (HS) theo chương trình sách Công Nghệ	Bộ	112.000	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	
2.1.2	MÔN ĐẠO ĐỨC																				
-	Địa các bài hát đạo đức L1	Cái	60.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Địa hình hoạt cảnh đạo đức L1(bộ 4 đĩa)	Cái	242.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
2.1.3	MÔN ÂM NHẠC																				
-	Đĩa CD ghi các bài hát L1	Cái	60.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	

STT	Chung loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng TH Kim Đồng	Trưởng TH Nguyễn Viết Xuân	Trưởng TH Nguyễn Huệ	Trưởng TH Võ Thị Sáu	Trưởng TH Lê Văn Tám	Trưởng TH Nguyễn Trãi	Trưởng TH Chu Chinh Lan	Trưởng TH Bùi Thị Xuân	Trưởng TH Lương Thế Vinh	Trưởng THCS Hoàng Văn Thụ (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Phan Đình Phùng (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Hoàng Hoa Thám (cấp tiểu học)	Trưởng TH Trần Quốc Toản	Trưởng TH Lý Tự Trọng	Trưởng TH Ngô Máy	Trưởng TH Nguyễn Thị Minh Khai	Trưởng TH Lê Quý Đôn	Ghi chú
-	Song loan	Cái	27.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Thanh phách	Cặp	20.000	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	
-	Mũ	Cái	33.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Trống nhỏ nhựa 2 mặt + dùi	Cái	68.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
2.1.4	MÔN THỦ CÔNG																				
-	Địa hình môn thủ công L1 (bộ/5)	Bộ	302.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
2.1.5	MÔN THỂ DỤC																				
-	Còi TDĐT	Cái	10.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Đệm nhảy	Cái	713.000	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	
-	Bóng chuyền số 3	Quả	170.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
2.2	LỚP 2																				
2.2.1	MÔN TOÁN																				
-	Bộ Toán lớp 2 (GV) - không ni	Bộ	768.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bảng ni từ (0,7x1)m - 5 thanh cái	Cái	642.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ TH Tổn 2 (HS)	Bộ	95.000	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	
-	Cán Roberval Toán 2	Bộ	552.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ quả cân 6kg	Bộ	758.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ quả cân 8kg	Bộ	1.137.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Ca 1 lít	Cái	13.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Chai 1 lít	Cái	13.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Thuốc nhộm 1m	Cây	80.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Thuốc nhộm 0,5m	Cây	40.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
2.2.2	MÔN ÂM NHẠC																				
-	Kèn phlím (Hàn Quốc)	Cái	1.327.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Đĩa âm nhạc lớp 2	Cái	60.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Song loan	Cái	27.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Trống nhỏ nhựa 2 mặt + dùi	Cái	68.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Mũ	Cái	33.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Thanh phách	Cặp	20.000	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	
2.2.3	MÔN THỂ DỤC																				
-	Còi TDĐT nhựa	Cái	10.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Cờ nhỏ	Cái	13.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Đệm nhảy (1x0,25)m	Cái	713.000	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	
-	Bóng đá số 4	Quả	253.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Đồng hồ bấm giây	Cái	300.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Ghế băng thiê dục	Cái	2.760.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	

STT	ĐƠN VỊ	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng TH Kim Đồng	Trưởng TH Nguyễn Xuân	Trưởng TH Nguyễn Huệ	Trưởng TH Võ Thị Sáu	Trưởng TH Lê Văn Tâm	Trưởng TH Nguyễn Trãi	Trưởng TH Cù Chính Lan	Trưởng TH Bùi Thị Xuân	Trưởng TH Lương Thế Vinh	Trưởng THCS Hoàng Văn Thụ (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Phan Đình Phụng (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Hoàng Hoa Thám (cấp tiểu học)	Trưởng TH Trần Quốc Toản	Trưởng TH Lý Tự Trọng	Trưởng TH Ngô Mỹ	Trưởng TH Nguyễn Thị Minh Khai	Trưởng TH Lê Quý Đôn	Ghi chú
-	Bóng chuyền số 4	170.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Quả cầu chui	17.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Vợt đánh cầu chui	38.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
2,3	LỚP 3																			
2.3.1	MÔN TOÁN																			
-	Bộ Toán Lớp 3 (GV) - không ni	697.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Ê-kê nhựa 30-40-50	33.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Compa dùng cho GV	47.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Thuộc nhôm 0,5m	40.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Thuộc nhôm 1m	80.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bảng ni từ (0,7x1)m - 5 thanh cái	642.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ Toán Lớp 3 (HS)	93.000	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	
2.3.2	MÔN TỰ NHIÊN XH																			
-	MH trái đất..... mặt trăng quay quanh... (có motor chạy bằng điện)	1.642.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
2.3.3	MÔN ÂM NHẠC																			
-	Kèn phin (Hàn Quốc)	1.327.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Song loan	27.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Trống nhỏ nhựa 2 mặt + đùi	68.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Mỏ	33.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Thanh phách	20.000	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	
-	CD-Âm nhạc 3 : các bài hát	60.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
2.3.4	MÔN THỂ DỤC																			
-	Thuộc dây 20m	170.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Còi Thè dục	10.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Bóng đá số 4	253.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Bóng chuyền số 3	170.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Bóng rổ số 5	212.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Dây nhảy cá nhân	25.000	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	
-	Dây nhảy dài tập thể	60.000	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	
-	Bộ cột bóng ném bóng rổ (bộ 2 cột)	6.778.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Đệm nhảy (1x0,25)m	713.000	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	
-	Đồng hồ bấm giây	300.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Giẻ lau thể dục	2.760.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Cờ nhỏ	13.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Quả cầu chính	17.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	



STT	Chung loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng TH Kim Đồng	Trưởng TH Nguyễn Việt Xuân	Trưởng TH Nguyễn Huệ	Trưởng TH Võ Thị Sáu	Trưởng TH Lê Văn Tâm	Trưởng TH Nguyễn Trãi	Trưởng TH Cửu Chinh Lan	Trưởng TH Bùi Thị Xuân	Trưởng TH Lương Thế Vinh	Trưởng THCS Hoàng Văn Thụ (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Phan Đình Phụng (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Hoàng Thám (cấp tiểu học)	Trưởng TH Trần Quốc Toàn	Trưởng TH Lý Tự Trọng	Trưởng TH Ngô Mỹ	Trưởng TH Nguyễn Thị Minh Khai	Trưởng TH Lê Quý Đôn	Ghi chú
-	Vợt đánh cầu chính	Cái	37.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
2.4	LỚP 4																				
2.4.1	MÔN TOÁN																				
-	Bộ hình học nhựa Toán 4 (GV)	Bộ	467.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bảng Mét vuông - kẻ ô vuông	Cái	343.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bảng ni tơ (0,7x1)m - 5 thanh cái	Cái	642.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Ê-ke nhựa 30-40-50	Cái	33.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Compa dùng cho GV	Cái	47.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Thuốc nhôm 0,5m	Cái	40.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Thuốc nhôm 1m đẹp	Cái	80.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ Toán TH Lớp 4 (HS)	Bộ	28.000	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	
2.4.2	MÔN KHOA HỌC																				
-	Bộ DC Khoa học Lớp 4	Bộ	2.128.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
2.4.3	MÔN KỸ THUẬT																				
-	Bộ lắp ghép MH kỹ thuật (GV) L4+L5	Bộ	1.082.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ lắp ghép MH kỹ thuật 4 (HS)	Bộ	90.000	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	
-	Bộ DC, VL cắt, khâu, thêu 4 (GV)	Bộ	533.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ DC, VL cắt, khâu, thêu 4 (HS)	Bộ	145.000	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	
2.4.4	MÔN ÂM NHẠC																				
-	Audio CD Âm nhạc 4	Cái	60.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Kèn phin (Hàn Quốc)	Cái	1.327.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Song loan	Cái	27.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Trống nhỏ nhựa 2 mặt + dùi	Cái	68.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Mũ	Cái	33.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Thanh phách	Cặp	20.000	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	
2.4.5	MÔN THỂ DỤC																				
-	Bóng rổ số 5	Quả	212.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Bóng đá số 4	Quả	253.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Bóng ném	Quả	23.000	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	
-	Giẻ băng thẻ dục	Cái	2.760.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Đệm nhảy (1x0,25)m	Cái	713.000	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	
-	Đồng hồ bấm giây	Cái	300.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Cờ nhỏ	Cái	13.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Dây nhảy cá nhân	Cái	25.000	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	
-	Dây nhảy tập thể	Cái	60.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Thuốc dầy 30m	Cái	182.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	



STT	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng TH Kim Đồng	Trưởng TH Nguyễn Viết Xuân	Trưởng TH Nguyễn Huệ	Trưởng TH Võ Thị Sáu	Trưởng TH Lê Văn Tám	Trưởng TH Nguyễn Trãi	Trưởng TH Cù Chánh Lai	Trưởng TH Bùi Thị Xuân	Trưởng TH Lương Thế Vinh	Trưởng THCS Hoàng Văn Thụ (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Phan Đình Phùng (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Hoàng Thân Hoa (cấp tiểu học)	Trưởng TH Trần Quốc Toàn	Trưởng TH Lý Tự Trọng	Trưởng TH Ngô Mây	Trưởng TH Nguyễn Thị Minh Khải	Trưởng TH Lê Quý Đôn	Ghi chú
-	Quả cầu đá	18.000	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	
-	Còi Thẻ đục	10.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Bóng chuyền số 3	170.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Quả cầu chính	17.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Vợt đánh cầu chính	37.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
2.5	LỚP 5																			
2.5.1	MÔN TOÁN																			
-	Hình tròn L5 (bộ 6 hình)	250.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Hình thang L5 (bộ 2 hình)	88.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Hình tam giác L5 (bộ 2 hình)	70.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Hình chữ nhật biểu diễn tính thể tích L5	103.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Hình chữ nhật (200x160x100) mm L5	182.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Hình lập phương biểu diễn tính thể tích	60.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Hình lập phương cạnh 40mm L5	88.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Hình lập phương cạnh 200mm L5	285.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Hình trụ cao 150mm L5	98.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Hình cầu d=200mm L5	118.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Ê-kê nhựa	33.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Compa (M)	47.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Thước nhôm 0,5m	40.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Thước nhôm 1m đẹp	80.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ Toán thực hành Lớp 5 (HS)	28.000	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	
2.5.2	MÔN ĐẠO ĐỨC																			
-	CD-AudioĐạo Đức Lớp 5	60.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
2.5.3	MÔN KHOA HỌC																			
-	Bộ mẫu tư sợi Lớp 5	93.000	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	
-	Mô hình "Bánh xe nước" Lớp 5	388.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ lắp ráp mạch điện đơn giản (HS)	65.000	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	
2.5.4	MÔN KỸ THUẬT																			
-	Bộ DC, VL, cắt, khâu, thêu Lớp 5 (GV)	533.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ lắp ghép MH kỹ thuật (GV) L4+L5	1.082.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ lắp ghép MH kỹ thuật Lớp 5 (HS)	98.000	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	
2.5.5	MÔN MỸ THUẬT																			
-	Hộp màu vẽ dùng cho GV (L5)	697.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Cặp vẽ KT (45x60)cm	208.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
2.5.6	MÔN ÂM NHẠC																			

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng TH Kim Đồng	Trưởng TH Nguyễn Viết Xuân	Trưởng TH Nguyễn Huệ	Trưởng TH Võ Thị Sáu	Trưởng TH Lê Văn Tâm	Trưởng TH Nguyễn Trãi	Trưởng TH Chu Chinh Lan	Trưởng TH Bùi Thị Xuân	Trưởng TH Lương Thế Vinh	Trưởng THCS Hoàng Văn Thụ (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Phan Đình Phùng (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Hoàng Thám (cấp tiểu học)	Trưởng TH Trần Quốc Toản	Trưởng TH Lý Tự Trọng	Trưởng TH Ngô Máy	Trưởng TH Nguyễn Thị Minh Khai	Trưởng TH Lê Quý Đôn	Ghi chú
-	Đĩa CD-Audio Am Nhạc Lớp 5	Cái	60.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Kèn phim (Hân Quốc)	Cái	1.327.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Song loan	Cái	27.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Trống nhỏ nhựa 2 mặt + đùi	Cái	68.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Mô	Cái	33.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Thanh phách	Cặp	20.000	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	
2.5.7 MÓN THÈ DỤC																					
-	CD-Audio Thể Dục Lớp 5	Cái	60.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bóng rổ số 5	Quả	212.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bóng đá số 4	Quả	253.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bóng ném 150gr	Quả	23.000	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	
-	Ghế băng thể dục	Cái	2.760.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Đệm nhảy	Cái	713.000	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	
-	Đồng hồ bấm giây	Cái	300.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Cờ nhỏ	Cái	13.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Dây nhảy cá nhân	Cái	25.000	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	
-	Dây nhảy tập thể	Cái	60.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Thuốc dầy 30m	Cái	182.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Quả cầu đá	Quả	18.000	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	
-	Còi Thể dục	Cái	10.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Bóng chuyền số 3	Quả	170.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Quả cầu chính	Cái	17.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Vợt đánh cầu chính	Cái	37.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
B.D.D.H DÙNG CHUNG																					
-	Bảng nhóm bằng nhựa (0,4x0,6)m	Cái	47.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Bảng phụ bằng nhựa (700x900x0,5)mm	Cái	93.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
-	Nam châm bọc sắt d=32	Viên	7.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Thanh cái nhôm gắn nam châm 66cm	Cái	55.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Nẹp treo tranh 60cm	Cây	12.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Nẹp treo tranh 78cm	Cây	13.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Nẹp treo tranh 85cm	Cây	13.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Nẹp treo tranh 108cm	Cây	17.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Nẹp treo tranh 115cm	Cây	18.000	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Giá treo tranh 15 móc	Cái	758.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Trống trường + chân chất liệu bằng gỗ, mặt trống bọc da trâu, chân sắt sơn tĩnh điện, đường kính 50cm, cao 70cm	Cái	4.875.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	

STT		Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá trị đạo/1 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng TH Kim Đồng	Trưởng TH Nguyễn Việt Xuân	Trưởng TH Nguyễn Huê	Trưởng TH Võ Thị Sáu	Trưởng TH Lê Văn Tâm	Trưởng TH Nguyễn Trái	Trưởng TH Cù Chỉnh Lai	Trưởng TH Bùi Thị Xuân	Trưởng TH Lương Thế Vinh	Trưởng THCS Hoàng Văn Thụ (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Phan Đình Phùng (cấp tiểu học)	Trưởng THCS Hoàng Hoa Thắm (cấp tiểu học)	Trưởng TH Trần Quốc Toàn	Trưởng TH Lý Tư Trọng	Trưởng TH Ngô Mây	Trưởng TH Nguyễn Thị Minh Khải	Trưởng TH Lê Quý Đôn	Ghi chú
-	Bộ trống đôi inox nhỏ	Bộ	2.250.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bàn đồ hành chính VN-có viền khung nhôm treo tường - ép phastic	Cái	443.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Ảnh Bác Hồ có khung treo tường (36X27)	Cái	155.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ biển báo giao thông đường bộ	Bộ	343.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Quả đĩa cầu d11	Quả	147.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Quả đĩa cầu d22 đế gỗ	Quả	233.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Quả đĩa cầu d30 đế gỗ	Quả	370.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
TRANG ANH																					
-	Tranh T/V L1_P1(B1->B41) - HK1 - tranh nhua	Bộ	1.927.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh I/V L1_P1(B42->B85) - HK1 - tranh nhua	Bộ	2.110.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh I/V L1_P2(B84->B103) - HK2 - tranh nhua	Bộ	1.029.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	TranhTáp dọc L1(42tr) - HK2 - tranh nhua	Bộ	566.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh TN XH1 (66 tranh) - tranh nhua	Bộ	841.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh T/V L2 (tập 1) - HK1 - tranh nhua	Bộ	2.176.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh T/V L2 (tập 2) - HK2- tranh nhua	Bộ	1.727.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Tư nhiên XH 2-tranh nhua	Bộ	764.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Đạo Đức 2 -tranh nhua	Bộ	276.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh T/V L3 (tập 1) - HK1 - tranh nhua	Bộ	1.807.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh T/V L3 (tập 2) - HK2- tranh nhua	Bộ	1.824.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh TNXH L3 (52tr)-tranh nhua	Bộ	1.296.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Đạo Đức L3 - tranh nhua	Bộ	230.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Thủ Công L3 -tranh nhua	Bộ	773.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Tiếng Việt L4 - tranh nhua	Bộ	2.553.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Đạo đức 4 (17tr) - nhua	Bộ	223.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Khoa học L4 - tranh nhua	Bộ	1.147.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh lịch sử - địa lý 4 - tranh nhua	Bộ	871.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Tiếng Việt L5 -tranh nhua	Bộ	2.344.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Đạo Đức L5 -tranh nhua	Bộ	184.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Lịch Sử L5 -tranh nhua	Bộ	269.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Địa lý 5 - tranh nhua	Bộ	549.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Kĩ Thuật L5 -tranh nhua	Bộ	677.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Tranh Khoa Học L5 - tranh nhua	Bộ	2.217.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	

Các đơn vị thuộc huyện Ia Grai

STT	Chung loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Trường THCS Nguyễn Dư	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Trường THCS Chu Văn An	Trường THCS Trần Phú	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Trường THCS Lê Hong Phong	Ghi chú
	Bậc THCS: Thiết bị dùng chung tối thiểu áp dụng cho 08 trường THCS trực thuộc KP phòng:											
1	<i>Thiết bị dùng chung cho nhà trường</i>											
-	Máy vi tính HS	Cái	12.200.000	25	15	10	10	10	10	10		
-	Máy in	Cái	7.300.000	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Máy chiếu	Cái	24.000.000		01	01		01	01	01		
-	Ti vi	Cái	8.000.000	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Bàn ghế vi tính học sinh	Bộ	4.400.000	25	15	10	10	10	10	10		
-	Bàn ghế vi tính giáo viên	Bộ	4.700.000	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Giá sách, kệ thư viện	Cái	3.400.000	02	02	02	02	02	02	02	02	
-	Bảng chống lóa	Cái	3.200.000		01	01		02		02	01	
-	Ôn áp	Cái	9.600.000	01								
-	UPS San tak	Cái	8.200.000	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Loa	Cái	3.800.000		02		02	02			02	
-	Amplify	Cái	3.400.000		01		01	01			01	
-	Micro	Cái	3.400.000		02		02	02			02	
2	<i>Thiết bị cho từng khối lớp</i>											
2.1	LỚP 6											
2.1.1	MÔN TOÁN											
-	Bộ thước đo đặc TH	Bộ	2.128.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Bộ 50 kí tự Toán 6	Bộ	137.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bảng từ trắng (0,4x0,6)+chân đế	Cái	515.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Compa nhôm	Cái	47.000	2	2	2	2	2	2	2	2	



STL Chứng loại

- Thuốc đo độ nhựa	Cái	32.000	2	2	2	2	2	2	2	
- EKE 45 nhựa	Cái	30.000	2	2	2	2	2	2	2	
- EKE 60 nhựa	Cái	30.000	2	2	2	2	2	2	2	
- Thước nhôm 1m	Cái	80.000	2	2	2	2	2	2	2	
- Mh.T.giác,H.tròn,các loại góc,đối đỉnh,tia	Bộ	343.000	3	3	3	3	3	3	3	
2.1.2 MÔN VẬT LÝ										
- DC TN dân nở dài Lý 6 GV)	Bộ	350.000	1	1	1	1	1	1	1	
- DC TN dân nở khối Lý 6 GV)	Bộ	188.000	1	1	1	1	1	1	1	
- Bộ TH Vật Lý Lớp 6 (HS)	Bộ	2.293.000	6	6	6	6	6	6	6	
- Cân Roberval 200g&hộp quả cân(D.chung)	Bộ	618.000	3	3	3	3	3	3	3	
2.1.3 MÔN SINH										
- Bộ DC thực hành Sinh 6 (GV)	Bộ	2.045.000	1	1	1	1	1	1	1	
- Bộ DC thực hành Sinh 6 (HS)	Bộ	622.000	6	6	6	6	6	6	6	
- Hộp tiêu bản thực vật (10 mẫu)	Hộp	255.000	2	2	2	2	2	2	2	
- Kính hiển vi XSP-640	Cái	2.848.000	1	1	1	1	1	1	1	
- Mô hình cấu tạo hoa Đào	Cái	275.000	1	1	1	1	1	1	1	
- MH cấu tạo thân cây 2 lá	Cái	802.000	1	1	1	1	1	1	1	
- MH cấu tạo lá cây	Cái	1.030.000	1	1	1	1	1	1	1	
- MH cấu tạo rễ cây	Cái	750.000	1	1	1	1	1	1	1	
- Tiêu bản nguyên phân rễ hành	Hộp	1.533.000	1	1	1	1	1	1	1	
- Tiêu bản động vật nguyên sinh & kí sinh	Hộp	1.488.000	1	1	1	1	1	1	1	
- Tiêu bản giảm phân hoa hẹ	Hộp	1.537.000	1	1	1	1	1	1	1	
- Tiêu bản vi khuẩn và vi nấm	Hộp	1.443.000	1	1	1	1	1	1	1	
2.1.4 MÔN CÔNG NGHỆ										
- Hộp mẫu các loại vải sợi th/nhiên, sợi h/h	Bộ	227.000	10	10	10	10	10	10	10	
- Dụng cụ cắm hoa	Bộ	353.000	5	5	5	5	5	5	5	
- Dụng cụ, vật liệu cắt, thêu, may	Bộ	227.000	10	10	10	10	10	10	10	
- Dụng cụ tỉa hoa, trang trí món ăn	Bộ	237.000	5	5	5	5	5	5	5	
2.1.5 MÔN LỊCH SỬ										

8

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng THCS Nguyễn Đình Chiểu	Trưởng THCS Nguyễn Du	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Trưởng THCS Nguyễn Bình Khiêm	Trưởng THCS Chu Văn An	Trưởng THCS Trần Phú	Trưởng THCS Nguyễn Chí Thanh	Trưởng THCS Lê Hồng Phong	Ghi chú
-	Hộp phục chế các hiện vật cổ	Hộp	1.093.000	4	4	4	4	4	4	4	4	
2.1.6	MÔN ĐỊA LÝ											
-	Vũ kế	Cái	97.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Con quay gió	Cái	97.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Nhiệt kế treo tường	Cái	63.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Thước dây 1,5 mét	Cái	12.000	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	La bàn	Cái	28.000	3	3	3	3	3	3	3	3	
-	MH trái đất..., mặt trắng quay quanh... (có motor chạy bằng điện)	Cái	1.642.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH trái đất..., mặt trắng quay quanh... (quay tay sử dụng bằng pin)	Bộ	768.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Hộp quặng và khoáng sản VN	Hộp	380.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Quả địa cầu d30 tự nhiên - đế gỗ	Quả	312.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.1.7	MÔN NGOẠI NGỮ											
-	Đĩa CD Tiếng Anh L6/1	Cái	25.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Đĩa CD Tiếng Anh L6/2	Cái	25.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.1.8	MÔN MỸ THUẬT											
-	Giá vẽ chân Inox (1 mặt)	Cái	413.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Giấy vẽ	Tờ	13.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Màu vẽ các loại	Hộp	55.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bút vẽ các loại	Bộ	52.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.1.9	MÔN ÂM NHẠC											
-	Đàn Ghita gỗ hồng đào	cây	2.038.000	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Audio CD- Hát Nhạc 6	Cái	58.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.1.10	MÔN THỂ DỤC											
-	Còi TĐTT	Cái	10.000	2	2	2	2	2	2	2	2	



STT	Chương loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng THCS Nguyễn Đình Chiêu	Trưởng THCS Nguyễn Đu	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Trưởng THCS Nguyễn Bình Khiêm	Trưởng THCS Chu Văn An	Trưởng THCS Trần Phú	Trưởng THCS Nguyễn Chí Thanh	Trưởng THCS Lê Hồng Phong	Ghi chú
-	Người nhân nếm bông	Cái	1.003.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Đồng hồ TĐTT	Cái	302.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bóng ném	Quả	23.000	30	30	30	30	30	30	30	30	
-	Cầu đá	Quả	18.000	30	30	30	30	30	30	30	30	
-	Đệm mút có vỏ bọc (10x200x120)cm	Cái	6.008.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Dây nhảy ngắn	sợi	25.000	50	50	50	50	50	50	50	50	
-	Dây nhảy dài	sợi	60.000	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Thước cuộn 5 mét	Cái	88.000	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Thước dây 30m	Cái	183.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.2	LỚP 7											
2.2.1	MÔN TOÁN											
-	Bộ thước đồ đạc TH : Chai kẻ, cọc tiêu, thước	Bộ	2.128.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Thước nhôm 1m	Cái	80.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Thước đo góc nhựa	Cái	32.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Compa nhôm	Cái	47.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Que chìăng ten	Cái	65.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Ê ke 45o nhựa	Cái	30.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Ê ke 60o nhựa	Cái	30.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
2.2.2	MÔN VẬT LÝ											
-	Bộ thí nghiệm Quang lớp 7 (HS)	Bộ	960.000	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Bộ thí nghiệm Âm lớp 7 (HS)	Bộ	1.047.000	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Bộ thí nghiệm điện lớp 7 (GV)	Bộ	1.508.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ thí nghiệm điện lớp 7 (HS)	Bộ	1.510.000	6	6	6	6	6	6	6	6	
2.2.3	MÔN SINH											
-	Bộ dụng cụ TN Sinh 7 (GV)	Bộ	2.172.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ dụng cụ TN Sinh 7 (HS)	Bộ	830.000	8	8	8	8	8	8	8	8	

Handwritten signature/initials.

STT	Chung loại	Đơn vị tính (cái, hệ bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng THCS Nguyễn Đình Chiểu	Trưởng THCS Nguyễn Du	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Trưởng THCS Nguyễn Bình Khiêm	Trưởng THCS Chu Văn An	Trưởng THCS Trần Phú	Trưởng THCS Nguyễn Chí Thanh	Trưởng THCS Lê Hồng Phong	Ghi chú
-	Bộ DC ngấm mẫu vật (16 bocan lớn+16 bocan nhỏ)	Bộ	5.625.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Kính hiển vi XSP-640	Cái	2.848.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH con thỏ	Con	1.742.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH chim bồ câu	Con	1.425.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH cá chép	Con	1.295.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH con tôm	Con	1.923.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH con ếch	Con	2.075.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH con thằn lằn	Con	1.803.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH con châu chấu	Con	2.507.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.2.4	MÔN CÔNG NGHỆ											
-	Dụng cụ TN Công Nghệ L7 (HS+GV+HC)	Bộ	3.065.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH con gà	Con	943.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH con heo	Con	1.057.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.2.5	MÔN NGOẠI NGỮ											
-	Đĩa CD Tiếng Anh 7/1	Cái	25.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Đĩa CD Tiếng Anh 7/2	Cái	25.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.2.6	MÔN THỂ DỤC											
-	Đồng hồ bấm giây điện tử	Cái	302.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ cột đa năng	Bộ	1.747.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bóng ném	Quả	23.000	40	40	40	40	40	40	40	40	
-	Đệm thể dục (30 x 180 x 200)cm	Cái	8.500.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
2.2.7	MÔN MỸ THUẬT											
-	Giá vẽ (1800 x 700)mm + bảng bằng gỗ	Cái	957.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Giấy vẽ	Tờ	13.000	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Bút chì 2B	cây	13.000	8	8	8	8	8	8	8	8	
-	Gôm (tẩy)	cục	10.000	4	4	4	4	4	4	4	4	



STT	Chung loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng THCS Nguyễn Đình Chiểu	Trưởng THCS Nguyễn Du	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Trưởng THCS Nguyễn Bình Khiêm	Trưởng THCS Chu Văn An	Trưởng THCS Trần Phú	Trưởng THCS Nguyễn Chí Thanh	Trưởng THCS Lê Hồng Phong	Ghi chú
-	Máy vẽ 12 màu	Hộp	55.000	4	4	4	4	4	4	4	4	
2.2.8	MÔN ÂM NHẠC											
-	Đàn Guitar (gỗ Hồng Đào)	Cái	2.038.000	4	4	4	4	4	4	4	4	
2.3	LỚP 8											
2.3.1	MÔN TOÁN											
-	Bộ hình không gian	Bộ	505.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ triển khai các hình	Bộ	353.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ tứ giác các loại	Bộ	145.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ tứ giác động	Bộ	177.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Thuốc vẽ truyền GV	Cái	372.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Thuốc vẽ truyền HS (2cây/bộ)	Bộ	135.000	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Bộ DC đo đặc K/C, chiều cao	Bộ	2.128.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Thuốc 1m nhôm	Cái	80.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Thuốc 0,5m nhôm	Cái	40.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	457.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.3.2	MÔN VẬT LÝ											
-	Bộ dụng cụ Lý 8 (GV)	Bộ	2.370.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ dụng cụ Lý 8 (HS)	Bộ	2.588.000	6	6	6	6	6	6	6	6	
2.3.3	MÔN HOÁ											
-	Bộ dụng cụ Hóa 8 (GV)-không cần	Bộ	6.093.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ dụng cụ Hóa 8 (HS)	Bộ	650.000	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Cân hiện số 250g (+/-0,1)	Cái	910.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.3.4	MÔN SINH											
-	Bộ dụng cụ Sinh 8 (GV)	Bộ	975.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ dụng cụ Sinh 8 (HS)	Bộ	1.742.000	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Hộp tiêu bản nhân thể (7 miếng/hộp)	Hộp	220.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Kính hiển vi XSP-13A + đèn	Cái	4.147.000	1	1	1	1	1	1	1	1	

6

STT	Chung loại	Đơn vị tính (cái, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng THCS Nguyễn Đình Chiểu	Trưởng THCS Nguyễn Du	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Trưởng THCS Nguyễn Bình Khiêm	Trưởng THCS Chu Văn An	Trưởng THCS Trần Phú	Trưởng THCS Nguyễn Chí Thanh	Trưởng THCS Lê Hồng Phong	Ghi chú
-	MH nửa cơ thể người	Bộ	4.507.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH cấu tạo mắt	Cái	1.783.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH cấu tạo tai người	Cái	1.017.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH xương người	Bộ	2.792.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH Tuỷ sống	Bộ	1.367.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH cấu tạo bán cầu não	Cái	933.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH tim người	Cái	1.682.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.3.5	MÔN CÔNG NGHỆ											
-	Bộ DC Cơ khí (GV+HS) Công nghệ 8	Bộ	5.823.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ Công Nghệ 8 (GV+HS) - CS 7 gồm	Bộ		1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ thiết bị điện - CN8 (thùng 2)	Bộ	497.000	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Bộ DC sửa chữa điện CN8 (thùng 3)	Bộ	922.000	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Máy biến áp 6-12V (CN8)	Cái	473.000	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Mẫu vẽ kỹ thuật (CN8)	Bộ	542.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Mẫu vật liệu cơ khí (CN8)	Bộ	223.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ truyền động (CN8)	Bộ	578.000	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Mô hình máy biến áp (CN8)	Bộ	613.000	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Mô hình động cơ điện 1 pha (CN8)	Bộ	568.000	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	MH mạng điện trong nhà -CN8	Bộ	1.533.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Ampe kế xoay chiều (1-5A)	Cái	238.000	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Vôn kế xoay chiều (12-36V)	Cái	238.000	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Đồng hồ vạn năng DT9205	Cái	547.000	7	7	7	7	7	7	7	7	
2.3.6	MÔN ĐỊA LÝ											
-	Hộp quạt & KS chính của VN	Hộp	380.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.3.7	MÔN ÂM NHẠC											
-	Đĩa VCD các bài hát Âm nhạc 8	Đĩa	58.000	4	4	4	4	4	4	4	4	
2.3.8	MÔN NGOẠI NGỮ											
-	Đĩa CD Tiếng Anh 8	Cái	25.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.3.9	MÔN THỂ DỤC											



STT	Quảng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng THCS Nguyễn Đình Chiểu	Trưởng THCS Nguyễn Du	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Trưởng THCS Nguyễn Bình Khiêm	Trưởng THCS Chu Văn An	Trưởng THCS Trần Phú	Trưởng THCS Nguyễn Chí Thanh	Trưởng THCS Lê Hồng Phong	Ghi chú
-	Bàn đạp xuất phát	Cặp	542.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bóng chày số 3	Quả	168.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bóng đá số 4	Quả	255.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bóng ném	Quả	23.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Ván gậy nhảy xa	Cái	845.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Lưới cầu lông	Cái	155.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Lưới bóng chuyền	Cái	173.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Xà nhảy cao	Cái	382.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Đồng hồ bấm giây	Cái	302.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Đệm nhảy cao (30x180x200)cm	Cái	8.500.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.4	LỚP 9											
2.4.1	MÔN TOÁN											
-	Bộ MH về thể tích hình nón	Bộ	172.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ thước thực hành đo khoảng cách, đo chiều dài	Bộ	2.128.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	457.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.4.2	MÔN LÝ											
-	Danh mục Lý 9 (điện)	Bộ	1.165.000	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Danh mục Lý 9 (quang A)	Bộ	1.498.000	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Danh mục Lý 9 (quang B)	Bộ	2.660.000	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Danh mục Lý 9 (điện từ)	Bộ	1.308.000	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Danh mục Lý 9 (đóng lẻ)	Bộ	4.575.000	6	6	6	6	6	6	6	6	
-	Danh mục Lý 9 (GV)	Bộ	3.100.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.4.3	MÔN HÓA											
-	Bộ DC THTN Hóa 9 (GV+HS) - kg cân	Bộ	14.015.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Cân hiện số 250g (+/-0,1)	Cái	910.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.4.4	Mô hình											
-	Mô hình phân tử dạng đặc	Bộ	275.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Mô hình phân tử dạng lỏng	Bộ	173.000	6	6	6	6	6	6	6	6	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, hệ bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng THCS Nguyễn Đình Chiểu	Trưởng THCS Nguyễn Du	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Trưởng THCS Nguyễn Bình Khiêm	Trưởng THCS Chu Văn An	Trưởng THCS Trần Phú	Trưởng THCS Nguyễn Chí Thanh	Trưởng THCS Lê Hồng Phong	Ghi chú
-	Hộp mẫu các loại sản phẩm cao su	Hộp	227.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Hộp mẫu phân bón hoá học	Hộp	343.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Hộp mẫu các sản phẩm chế biến từ dầu mỏ	Hộp	335.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Hộp mẫu chất dẻo	Hộp	272.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.4.5 MÔN SINH												
-	Đồng kim loại tính xác suất (hộp/20cái)	Hộp	292.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH cấu trúc không gian ADN (L9)	Bộ	275.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH tổng hợp Protein	Bộ	2.200.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH nhân đôi ADN	Bộ	722.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH Tổng hợp ARN	Bộ	1.353.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH phân tử ARN	Bộ	388.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.4.6 MÔN CÔNG NGHỆ												
Phân môn cắt may												
-	Bộ mẫu vật (vải, phụ liệu may, cổ áo)	Bộ	1.785.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Máy may Jannom + chân bàn chữ Z	Cái	12.168.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Dụng cụ đo, vẽ, cắt, là	Bộ	272.000	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Bàn là và cầu là	Bộ	820.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
Phân môn điện nhà												
-	Bảng điện thực hành (thùng 1)	Bộ	300.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Mạch điện chiếu sáng (thùng 2)	Bộ	578.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MĐ 2 công tắc, 2 cực (thùng 3)	Bộ	578.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MĐ đèn huỳnh quang (thùng 4)	Bộ	633.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MĐ 1 công tắc, 3 cực (thùng 5)	Bộ	578.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	DC sửa điện-VLTH (thùng 6)	Bộ	3.930.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Thiết bị điện-VLTH (thùng 7)	Bộ	1.895.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bảng điện+bảng gỗ lắp MĐ (thùng 8)	Bộ	960.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Đồng hồ vạn năng DT9205	Cái	547.000	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Amper kế xoay chiều (10A)	Cái	238.000	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Vôn kế xoay chiều (300V)	Cái	238.000	4	4	4	4	4	4	4	4	

OK



Số 1
Chứng loại

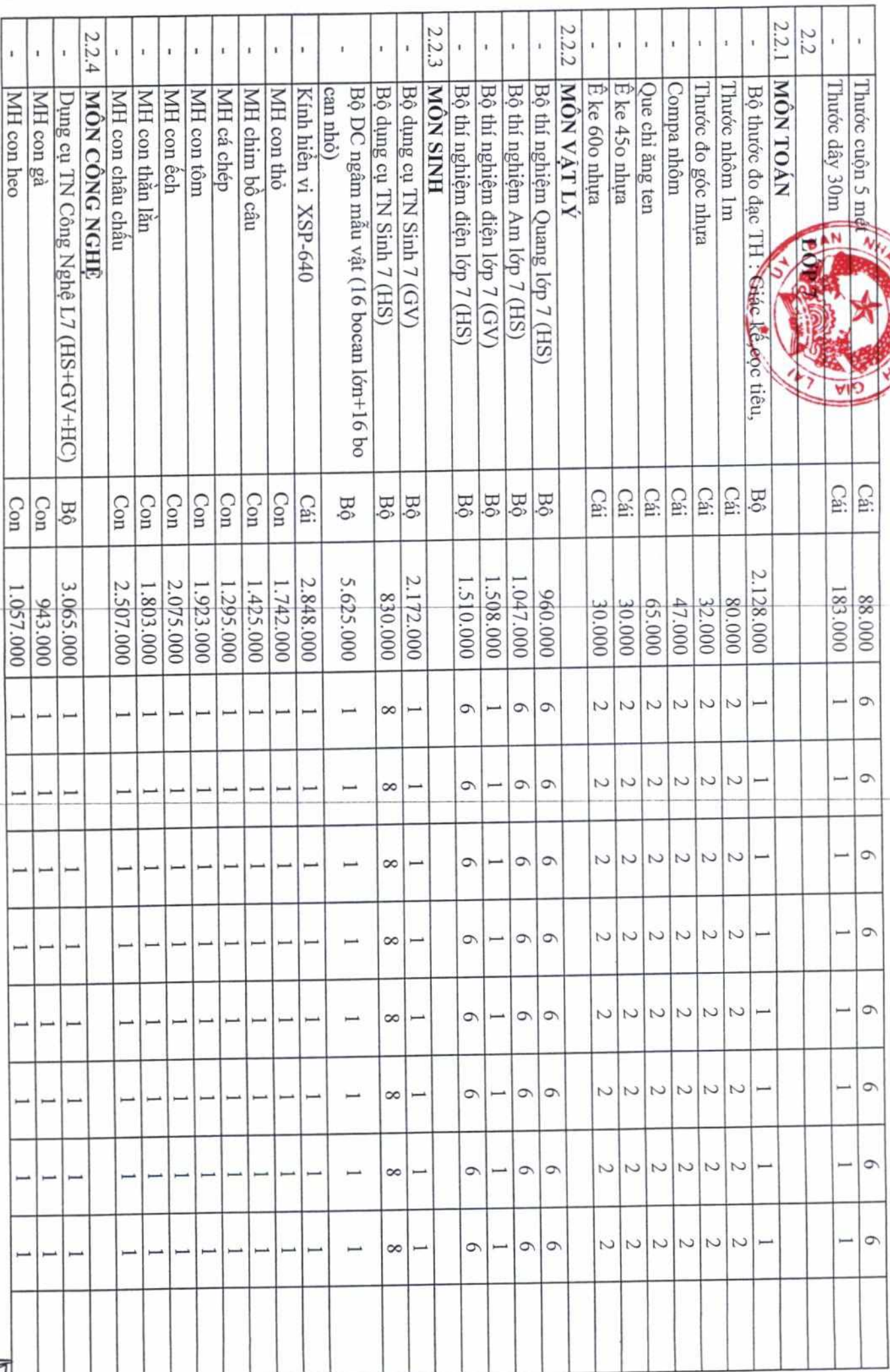
Phân môn sửa chữa xe đạp		Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trưởng THCS Nguyễn Đình Chiểu	Trưởng THCS Nguyễn Du	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Trưởng THCS Nguyễn Bình Khiêm	Trưởng THCS Chu Văn An	Trưởng THCS Trần Phú	Trưởng THCS Nguyễn Chí Thanh	Trưởng THCS Lê Hồng Phong	Ghi chú
-	Động cơ điện	Cái	402.000	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Bộ DC sửa chữa xe đạp	Bộ	4.013.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Phân môn trồng cây											
-	Bộ DC trồng cây ăn quả	Bộ	233.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.4.7	MÔN ÂM NHẠC											
-	Audio CD Âm nhạc 9	Cái	58.000	2	2	2	2	2	2	2	2	
2.4.8	MÔN NGOẠI NGỮ											
-	Audio CD Tiếng Anh 9	Cái	58.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.4.9	MÔN THỂ DỤC											
-	Đồng hồ bấm giây	Cái	302.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bóng chuyền số 3	Quả	168.000	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Bóng đá số 4	Quả	255.000	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Bóng ném	Quả	23.000	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Cột bóng chuyền (bộ/2cột)	Bộ	5.815.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Xà nhảy cao	Cái	382.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
	DÙNG CHUNG											
-	Giá để thiết bị (1,82x0,4x1,77)	Cái	6.068.000	4	4	4	4	4	4	4	4	
	TRANG ANH											
-	Bộ tranh Vật Lý lớp 6 -tranh nhựa(28tr)	Bộ	1.023.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ tranh Sinh học 6 -tranh nhựa (28tr)	Bộ	984.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Tranh nhựa Tiếng Anh Lớp 6 - (90 tranh)	Bộ	841.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ tranh Vật Lý lớp 7 (26tr) - tranh nhựa	Bộ	920.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ tranh Sinh học 7 -tranh nhựa (43tr)	Bộ	1.519.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ tranh Vật Lý 8 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	759.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ tranh Sinh 8 - tranh nhựa (29 tr)	Bộ	1.019.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ tranh Vật Lý 9 - tranh nhựa (38tr)	Bộ	1.339.000	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ tranh Sinh 9 - tranh nhựa	Bộ	1.277.000	1	1	1	1	1	1	1	1	

Các đơn vị thuộc huyện Ia Grai

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	Trường THCS Phan Đình Phùng	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	Trường THCS Phan Bội Châu	Trường THCS Phạm Hồng Thái	Trường THCS Hùng Vương	Trường THCS Nguyễn Tôn Đức Thắng	Trường THCS Nội trú dân tộc	Ghi chú
				1	2	3	4	5	6	7	8	
	Bậc THCS: Thiết bị dùng chung tối thiểu trường THCS không trực thuộc phòng Giáo dục						Số lượng					
1	Thiết bị dùng chung cho nhà trường											
-	Máy vi tính HS	Cái	12.200.000	25	15	10	10	10	10	10		
-	Máy in	Cái	7.300.000	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Máy chiếu	Cái	24.000.000		01	01		01	01	01		
-	Ti vi	Cái	8.000.000	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Bàn ghế vi tính học sinh	Bộ	4.400.000	25	15	10	10	10	10	10		
-	Bàn ghế vi tính giáo viên	Bộ	4.700.000	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Giá sách, kệ thư viện	Cái	3.400.000	02	02	02	02	02	02	02	02	
-	Bảng chống lóa	Cái	3.200.000		01	01		02		02	01	
-	Ổn áp	Cái	9.600.000	01								
-	UPS San tak	Cái	8.200.000	01	01	01	01	01	01	01	01	
-	Loa	Cái	3.800.000		02		02	02			02	
-	Amply	Cái	3.400.000		01		01	01			01	
-	Micro	Cái	3.400.000		02		02	02			02	
2	Thiết bị cho từng khối lớp											
2.1	LỚP 6											
2.1.1	MÔN TOÁN											

[illegible]

-	Hộp phục chế các hiện vật cổ	Hộp	1.093.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
2.1.6	MÓN ĐỊA LÝ																		
-	Vũ kè	Cái	97.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Con quay gió	Cái	97.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Nhiệt kế treo tường	Cái	63.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Thước dây 1,5 mét	Cái	12.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
-	La bàn	Cái	28.000	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
-	MH trái đất..., mặt trắng quay quanh... (có motor chạy bằng điện)	Cái	1.642.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	MH trái đất..., mặt trắng quay quanh... (quay tay sử dụng bằng pin)	Bộ	768.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Hộp quặng và khoáng sản VN	Hộp	380.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Quả địa cầu d30 tự nhiên - đế gỗ	Quả	312.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2.1.7	MÓN NGOẠI NGỮ																		
-	Đĩa CD Tiếng Anh L6/1	Cái	25.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Đĩa CD Tiếng Anh L6/2	Cái	25.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2.1.8	MÓN MỸ THUẬT																		
-	Giá vẽ chân Inox (1 mặt)	Cái	413.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Giấy vẽ	Tờ	13.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
-	Màu vẽ các loại	Hộp	55.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bút vẽ các loại	Bộ	52.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2.1.9	MÓN ÂM NHẠC																		
-	Đàn Ghita gỗ hồng đào	cây	2.038.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
-	Audio CD- Hát Nhạc 6	Cái	58.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2.1.10	MÓN THỂ DỤC																		
-	Còi TDĐT	Cái	10.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
-	Lưới chắn ném bóng	Cái	1.003.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Đồng hồ TDĐT	Cái	302.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bóng ném	Quả	23.000	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
-	Cầu đá	Quả	18.000	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
-	Đệm mút có vỏ bọc (10x200x120)cm	Cái	6.008.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
-	Dây nhảy ngắn	sợi	25.000	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
-	Dây nhảy dài	sợi	60.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10



2.2.5	MÔN NGOẠI NGỮ									
-	Đĩa CD Tiếng Anh 7/1	Cái	25.000	1	1	1	1	1	1	1
-	Đĩa CD Tiếng Anh 7/2	Cái	25.000	1	1	1	1	1	1	1
2.2.6	MÔN THỂ DỤC									
-	Đồng hồ bấm giây điện tử	Cái	302.000	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ cột đa năng	Bộ	1.747.000	1	1	1	1	1	1	1
-	Bóng ném	Quả	23.000	40	40	40	40	40	40	40
-	Đệm thể dục (30 x 180 x 200)cm	Cái	8.500.000	2	2	2	2	2	2	2
2.2.7	MÔN MỸ THUẬT									
-	Giấy vẽ (1800 x 700)mm + bảng bằng gỗ	Cái	957.000	2	2	2	2	2	2	2
-	Giấy vẽ	Tờ	13.000	20	20	20	20	20	20	20
-	Bút chì 2B	cây	13.000	8	8	8	8	8	8	8
-	Gôm (tẩy)	cục	10.000	4	4	4	4	4	4	4
-	Màu vẽ 12 màu	Hộp	55.000	4	4	4	4	4	4	4
2.2.8	MÔN ÂM NHẠC									
-	Đàn Guitar (gỗ Hồng Đào)	Cái	2.038.000	4	4	4	4	4	4	4
2.3	LỚP 8									
2.3.1	MÔN TOÁN									
-	Bộ hình không gian	Bộ	505.000	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ triển khai các hình	Bộ	353.000	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ tứ giác các loại	Bộ	145.000	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ tứ giác động	Bộ	177.000	1	1	1	1	1	1	1
-	Thước vẽ truyền GV	Cái	372.000	2	2	2	2	2	2	2
-	Thước vẽ truyền HS (2cây/bộ)	Bộ	135.000	10	10	10	10	10	10	10
-	Bộ DC đo đặc K/C, chiều cao	Bộ	2.128.000	1	1	1	1	1	1	1
-	Thước 1m nhôm	Cái	80.000	1	1	1	1	1	1	1
-	Thước 0,5m nhôm	Cái	40.000	1	1	1	1	1	1	1
-	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	457.000	1	1	1	1	1	1	1
2.3.2	MÔN VẬT LÝ									
-	Bộ dụng cụ Lý 8 (GV)	Bộ	2.370.000	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ dụng cụ Lý 8 (HS)	Bộ	2.588.000	6	6	6	6	6	6	6
2.3.3	MÔN HOÁ									
-	Bộ dụng cụ Hóa 8 (GV)-không cần	Bộ	6.093.000	1	1	1	1	1	1	1

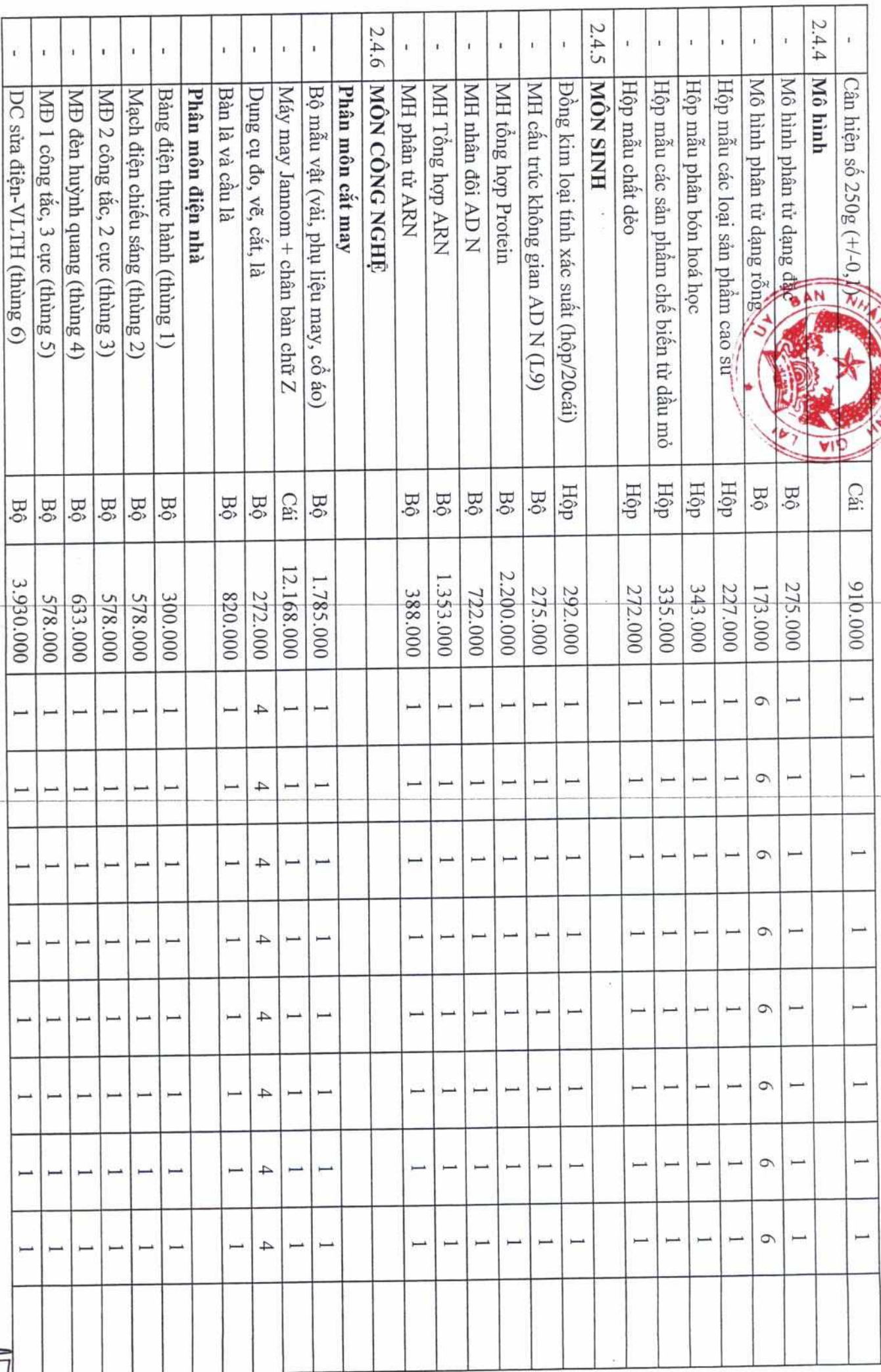


-	Bộ dụng cụ Hóa 8 (HS)	Bộ	650.000	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
-	Cân hiện số 250g (+ 0,1g)	Cái	910.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.3.4	MÔN SINH													
-	Bộ dụng cụ Sinh 8 (GV)	Bộ	975.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ dụng cụ Sinh 8 (HS)	Bộ	1.742.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
-	Hộp tiêu bản nhân thể (7 miếng/hộp)	Hộp	220.000	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
-	Kính hiển vi XSP-13A + đèn	Cái	4.147.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH nửa cơ thể người	Bộ	4.507.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH cấu tạo mắt	Cái	1.783.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH cấu tạo tai người	Cái	1.017.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH xương người	Bộ	2.792.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH Tủy sống	Bộ	1.367.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH cấu tạo bán cầu não	Cái	933.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	MH tim người	Cái	1.682.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.3.5	MÔN CÔNG NGHỆ													
-	Bộ DC Cơ khí (GV+HS) Công nghệ 8	Bộ	5.823.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ Công Nghệ 8 (GV+HS) - CS 7 gồm	Bộ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ thiết bị điện - CN8 (thùng 2)	Bộ	497.000	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Bộ DC sửa chữa điện CN8 (thùng 3)	Bộ	922.000	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Máy biến áp 6-12V (CN8)	Cái	473.000	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Mẫu vẽ kỹ thuật (CN8)	Bộ	542.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Mẫu vật liệu cơ khí (CN8)	Bộ	223.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Bộ truyền động (CN8)	Bộ	578.000	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Mô hình máy biến áp (CN8)	Bộ	613.000	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Mô hình động cơ điện 1 pha (CN8)	Bộ	568.000	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	MH mạng điện trong nhà -CN8	Bộ	1.533.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
-	Ampe kế xoay chiều (1-5A)	Cái	238.000	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Vôn kế xoay chiều (12-36V)	Cái	238.000	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	
-	Đồng hồ vạn năng DT9205	Cái	547.000	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	
2.3.6	MÔN ĐỊA LÝ													
-	Hộp quặng & KS chính của VN	Hộp	380.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
2.3.7	MÔN ÂM NHẠC													
-	Đĩa VCD các bài hát Âm nhạc 8	Đĩa	58.000	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	

8

2.3.8	MÔN NGOẠI NGỮ																			
-	Đĩa CD Tiếng Anh 8	Cái	25.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2.3.9	MÔN THỂ DỤC																			
-	Bàn đập xuất phát	Cặp	542.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bóng chuyền số 3	Quả	168.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bóng đá số 4	Quả	255.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bóng ném	Quả	23.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Ván giậm nhảy xa	Cái	845.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Lưới cầu lông	Cái	155.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Lưới bóng chuyền	Cái	173.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Xà nhảy cao	Cái	382.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Đồng hồ bấm giây	Cái	302.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Đệm nhảy cao (30x180x200)cm	Cái	8.500.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2.4	LỚP 9																			
2.4.1	MÔN TOÁN																			
-	Bộ MH về thể tích hình nón	Bộ	172.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ thước mực nam có khoảng cách, có chiều dài	Bộ	2.128.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	457.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2.4.2	MÔN LÝ																			
-	Danh mục Lý 9 (điện)	Bộ	1.165.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
-	Danh mục Lý 9 (quang A)	Bộ	1.498.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
-	Danh mục Lý 9 (quang B)	Bộ	2.660.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
-	Danh mục Lý 9 (điện từ)	Bộ	1.308.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
-	Danh mục Lý 9 (đóng lẻ)	Bộ	4.575.000	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
-	Danh mục Lý 9 (GV)	Bộ	3.100.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2.4.3	MÔN HÓA																			
-	Bộ DC THPTN Hóa 9 (GV+HS) - kg cân	Bộ	14.015.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

98



-	Thiết bị điện-VLTH (thùng7)	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bảng điện+bảng gỗ lắp MĐ (thùng8)	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Đồng hồ vạn năng DT9205	Cái	4	4	4	4	4	4	4	4
-	Amper kế xoay chiều (10A)	Cái	4	4	4	4	4	4	4	4
-	Vônkế xoay chiều (300V)	Cái	4	4	4	4	4	4	4	4
-	Công tơ điện	Cái	4	4	4	4	4	4	4	4
-	Phân môn sửa chữa xe đạp									
-	Bộ DC sữa chữa xe đạp	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Phân môn trồng cây									
-	Bộ DC trồng cây ăn quả	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
2.4.7	MÔN ÂM NHẠC									
-	Audio CD Âm nhạc 9	Cái	2	2	2	2	2	2	2	2
2.4.8	MÔN NGOẠI NGỮ									
-	Audio CD Tiếng Anh 9	Cái	1	1	1	1	1	1	1	1
2.4.9	MÔN THỂ DỤC									
-	Đồng hồ bấm giây	Cái	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bóng chuyền số 3	Quả	10	10	10	10	10	10	10	10
-	Bóng đá số 4	Quả	10	10	10	10	10	10	10	10
-	Bóng ném	Quả	20	20	20	20	20	20	20	20
-	Cột bóng chuyền (bộ/2cột)	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Xà nhảy cao	Cái	1	1	1	1	1	1	1	1
-	DỪNG CHUNG									
-	Giá để thiết bị (1,82x0,4x1,77)	Cái	4	4	4	4	4	4	4	4
-	TRANH ẢNH									
-	Bộ tranh Vật Lý lớp 6 -tranh nhựa(28tr)	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ tranh Sinh học 6 -tranh nhựa (28tr)	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Tranh nhựa Tiếng Anh Lớp 6 - (90 tranh)	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ tranh Vật Lý lớp 7 (26tr) - tranh nhựa	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ tranh Sinh học 7 -tranh nhựa (43tr)	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ tranh Vật Lý 8 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ tranh Sinh 8- tranh nhựa (29 tr)	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ tranh Vật Lý 9 - tranh nhựa (38tr)	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Bộ tranh Sinh 9 - tranh nhựa	Bộ	1	1	1	1	1	1	1	1



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
XXII	Các đơn vị trực thuộc huyện Kong Chro				
	Văn phòng Huyện uỷ				
	Hệ thống camera an ninh	HT	1	100.000.000	
	Văn phòng HĐND-UBND				
	Hệ thống camera an ninh	HT	1	100.000.000	
	Máy scan HP Scan Jet Flow 7000S2	Cái	1	30.000.000	
	Máy scan HP Scan Jet N9120 (A3)	Cái	1	110.000.000	
	Hệ thống camera an ninh (01 cửa ĐT)	HT	1	100.000.000	
	Hệ thống gửi tin nhắn tự động	HT	1	100.000.000	
	Ủy ban Mặt trận TQ				
	Hệ thống camera an ninh	HT	1	100.000.000	
	Phòng Kinh tế - Hạ tầng				
	Máy khoan rút lõi bê tông	Cái	1	30.000.000	
	Phòng Văn hóa - Thông tin				
	Loa full đôi 4 tất	Cặp	1	35.000.000	
	Loa SUBWOOFER (5 tất)	Cặp	1	30.000.000	
	Cục Đẩy Công Suất	Cái	2	12.500.000	
	Mixer (Bàn trộn)	Cái	1	30.000.000	
	Xử lý tín hiệu	Cái	1	20.000.000	
	Micro	Bộ	5	3.000.000	
	Ổn áp dòng điện	Cái	1	5.000.000	
	Đèn moving LED	Cái	4	7.500.000	
	Đèn led chiếu phông	Cái	8	2.000.000	
	Bàn điều khiển ánh sáng	Cái	2	2.500.000	
	Máy Chiếu	Cái	1	30.000.000	
	Máy phát điện	Cái	1	31.400.000	
	Phòng Tài chính - Kế hoạch				
	Máy quay phim	Cái	1	17.000.000	
	Máy chụp hình	Cái	1	10.000.000	
	Đài Truyền thanh - truyền hình huyện				
	Cụm FM	Cụm	112	6.000.000	
	Thiết bị dựng phim phi tuyến	Bộ	2	150.000.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Máy ghi âm	Cái	4	10.000.000	
	Microphone Azzen SGM-2X	Cái	2	20.000.000	
	- Máy quay phim Sony XDCAM EX PM1W-320K	Cái	1	300.000.000	
	- Máy quay phim HDV-HVR HD 1000i	Cái	1	110.000.000	
	- Máy quay phim KTS Sony HDR - FX1E	Cái	1	100.000.000	
	- Máy quay phim Sony HXR MC2500 pal	Cái	1	90.000.000	
	Tăng âm 1.200 w	Cái	1	100.000.000	
	Đầu ghi âm Supe Drive (NS huyện)	Cái	1	20.000.000	
	Đầu JVC SR - VS30 VHS VCR	Cái	1	100.000.000	
	Máy phát FM 500W	HT	1	480.000.000	
	Bộ Máy phát hình 150W (CT mục tiêu)	HT	1	450.000.000	
	Phòng Tài nguyên - Môi trường				
	Máy định vị	Cái	1	35.000.000	
	Máy đo đa chức năng	Cái	1	50.000.000	
	Máy đo độ ồn	Cái	1	30.000.000	
	Thiết bị đo khí độc	Cái	1	70.000.000	
	Máy toàn đạc điện tử	Cái	1	200.000.000	
	Hội chữ thập đỏ				
	Máy chiếu (đầu chiếu, màn hình chiếu, máy tính xách tay)	Bộ	1	30.000.000	
	Phòng Giáo dục				
	Bảng tương tác thông minh panaboard (hãng Panasonic)	Cái	32	80.000.000	
	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn				
	Máy ảnh	Cái	1	15.000.000	
	Máy định vị	Cái	1	15.000.000	
	Thị trấn Kông Chro				
	Hệ thống camera an ninh trụ sở thị trấn và chốt an ninh trật tự cầu Yang Trung, trung tâm thương mại, ngã ba YaMa, trung tâm Y tế	HT	1	250.000.000	
	UBND Xã Chợ Glong				
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã và chốt an ninh trật tự làng Brul	HT	1	150.000.000	
	UBND xã An Trung				
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã và chốt an ninh trật tự Thôn 13	HT	1	150.000.000	
	UBND xã Chư Krey				

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã UBND Xã Đắk Trạng	HT	1	100.000.000	
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã UBND Xã Đắk Sông	HT	1	100.000.000	
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã UBND Xã Sơ Ró	HT	1	100.000.000	
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã UBND Xã Đắk Pơ Pho	HT	1	100.000.000	
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã UBND xã Ya Ma	HT	1	150.000.000	
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã và chốt an ninh trật tự cầu Pơ Kor UBND Xã Yang Nam	HT	1	150.000.000	
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã và chốt an ninh trật tự UBND Xã Yang Trung	HT	1	150.000.000	
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã và khu vực ngã ba Yang Trung UBND Xã Đắk Pling	HT	1	100.000.000	
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã UBND Xã Kông Yang	HT	1	150.000.000	
	Hệ thống camera an ninh trụ sở xã và chốt an ninh trật tự Trạm kiểm lâm số 1 UBND Xã Đắk Kơ Ning	HT	1	100.000.000	
	TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI				
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	21	5.005.000	
	Tủ hấp khăn	cái	1	39.000.000	
	Máy hấp chén -RTP-800A	cái	1	7.500.000	
	Tủ nấu cơm điện cơ 25 khay	cái	1	25.000.000	
	Tủ tiết trùng bát đĩa , đĩa	cái	1	10.600.000	
	Bình ủ nước uống	cái	21	500.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	4	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micrô + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	TRƯỜNG MẦM NON 17/3				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	3	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	11	5.005.000	
	Bộ máy tính cho trẻ làm quen	bộ	1	14.000.000	
	Bình ủ nước uống	cái	11	500.000	
	TRƯỜNG MẦM NON HÒA BÌNH				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	6	5.005.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	3	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Đàn organ (có phần mềm)	cái	2	25.000.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	8	5.005.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	3	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MẦM NON AN TRUNG				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Đàn organ (có phần mềm)	cái	2	25.000.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	18	5.005.000	
	Tủ hấp khăn	cái	1	39.000.000	
	Máy hấp chén -RTP-800A	cái	1	7.500.000	
	Tủ nấu cơm điện cơ 25 khay	cái	1	25.000.000	
	Tủ tiệt trùng bát đĩa , đĩa	cái	1	10.600.000	
	Bình ủ nước uống	cái	18	500.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	4	8.500.000	
	Đầu đĩa	cái	4	5.050.000	



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MẦM NON 1/6				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Đàn organ (có phần mềm)	cái	2	25.000.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	6	5.005.000	
	Tủ hấp khăn	cái	1	39.000.000	
	Máy hấp chén -RTP-800A	cái	1	7.500.000	
	Tủ nấu cơm điện cơ 25 khay	cái	1	25.000.000	
	Tủ tiết trùng bát đĩa , đĩa	cái	1	10.600.000	
	Bình ủ nước uống	cái	6	500.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	2	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Đàn organ (có phần mềm)	cái	2	25.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	11	5.005.000	
	Tủ hấp khăn	cái	1	39.000.000	
	Máy hấp chén -RTP-800A	cái	1	7.500.000	
	Tủ nấu cơm điện cơ 25 khay	cái	1	25.000.000	
	Tủ tiết trùng bát đĩa , đĩa	cái	1	10.600.000	
	Bình ủ nước uống	cái	11	500.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	4	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Đàn organ (có phần mềm)	cái	2	25.000.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	7	5.005.000	
	Bình ủ nước uống	cái	3	500.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	2	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MẦM NON 30/4				

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Đàn organ (có phần mềm)	cái	2	25.000.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	7	5.005.000	
	Bình ủ nước uống	cái	3	500.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	3	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MẦM NON BÔNG SEN				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	6	5.005.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	2	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MẦM NON HỌA MI				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Đàn Organ (có phần mềm)	cái	1	25.000.000	
	Bồn nước Inox 3000lít	cái	2	9.790.000	
	Đàn organ (có phần mềm)	cái	2	25.000.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	6	5.005.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	4	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MẦM NON PHONG LAN				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Đàn organ (có phần mềm)	cái	1	25.000.000	
	Bồn nước Inox 3000lít	cái	2	9.790.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	3	5.005.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	2	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	

STT	 Chung loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	9	5.005.000	
	Đàn organ (có phần mềm)	cái	2	25.000.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	2	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MÂM NÓN 19/5				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Đàn organ (có phần mềm)	cái	1	25.000.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	7	5.005.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	2	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG MÂM NÓN PHONG LAN				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Đàn organ (có phần mềm)	cái	1	25.000.000	
	Bộ máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	6	5.005.000	
	Ti vi tinh thể lỏng 42 in dạy học sinh	cái	2	8.500.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG TH&THCS CAO BÁ QUÁT				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Máy chiếu	cái	4	35.000.000	
	Trồng đội TH Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trồng đội THCS Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	21	3.410.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	2	14.190.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG TH&THCS LÊ HỒNG PHONG				
	Trồng đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Máy chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	2	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	19	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG TH&THCS LÊ VĂN TÁM				
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Máy chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	2	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	19	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG TH&THCS LÊ LỢI				
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trống trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Máy chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	2	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	15	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG TH&THCS LÊ QUÝ ĐÔN				
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trống trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Máy chiếu	bộ	1	35.000.000	



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	2	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	15	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT				
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trống trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Máy chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	23	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN NHẠC				
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trống trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Máy chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	29	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN				
	Máy chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng tương tác	cái	1	80.693.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Bảng chống lóa	cái	13	3.410.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG TIỂU HỌC ANH HÙNG NÚP				
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trống trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Máy chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	35	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	20	13.000.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG				
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trống trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Máy chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	23	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG TIỂU HỌC BÙI THỊ XUÂN				
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trống trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Máy chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	15	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Âm ly + loa + Micrô + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG PTDTBT THCS LÝ TỰ TRỌNG				
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Máy chiếu	cái	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	5	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Bếp ga công nghiệp	cái	1	30.000.000	
	Tủ nấu cơm điện cơ 25 khay	cái	1	25.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trống trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	5	5.005.000	
	Âm ly + loa + Micrô + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG PTDTBT THCS TRẦN QUANG DIỆU				
	Máy chiếu	cái	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	6	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Bếp ga công nghiệp	cái	1	30.000.000	
	Tủ nấu cơm điện cơ 25 khay	cái	1	25.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	2	13.000.000	
	Trống trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	6	5.005.000	
	Âm ly + loa + Micrô + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Giường tầng chất liệu sắt V4, có đợt giường. Kt(c1.8xd2xr1)m	cái	10	2.420.000	
	TRƯỜNG PTDTBT THCS NGUYỄN TRÃI				
	Máy chiếu	cái	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	5	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Bếp ga công nghiệp	cái	1	30.000.000	
	Tủ nấu cơm điện cơ 25 khay	cái	1	25.000.000	
	Phòng học tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Trồng đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trồng trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	5	5.005.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG PTDTBT THCS NGUYỄN DU				
	Máy chiếu	cái	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	6	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Bếp ga công nghiệp	cái	1	30.000.000	
	Tủ nấu cơm điện cơ 25 khay	cái	1	25.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Trồng đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trồng trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	6	5.005.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG PTDTBT TH THCS NGUYỄN KHUYẾN				

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Máy chiếu	cái	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	2	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	27	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Bếp ga công nghiệp	cái	1	30.000.000	
	Tủ nấu cơm điện cơ 25 khay	cái	1	25.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Trồng đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trồng trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	10	5.005.000	
	Âm ly + loa + Micrô + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM				
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	2	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	8	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Trồng đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trồng trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	8	5.005.000	
	Âm ly + loa + Micrô + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG THCS KPA KLÔNG				
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	2	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	8	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Bồn nước Inox 5000lít	cái	1	13.000.000	
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trống trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	
	Bình lọc nước RO Avata(Kangaroo)	cái	8	5.005.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	bộ	1	15.000.000	
	TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG				
	Bàn, ghế Cabin đơn cho học sinh	Bộ	40	1.300.000	
	Tivi dạy học Sony	Cái	14	12.500.000	
	Máy chiếu	Bộ	2	34.500.000	
	Đàn Organ	Cái	2	13.000.000	
	Bình lọc nước lớn	Bộ	1	15.000.000	
	Trống đội Yamaha	Bộ	1	15.600.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	Bộ	40	13.000.000	
	Kim từ điển dạy học tiếng anh	Cái	3	4.200.000	
	Hoá chất	Bộ	1	25.000.000	
	Tranh ảnh dạy học	Bộ	40	2.500.000	
	Nệm thể dục	Bộ	2	15.000.000	
	Bộ đồ dùng dạy học môn công nghệ	Bộ	4	5.000.000	
	TRƯỜNG TH TRẦN PHÚ				
	Tivi	Cái	2	9.000.000	
	Đầu DVD	Cái	2	4.500.000	
	Radio - Catsete	Cái	5	2.500.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	bộ	15	13.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	Bộ	15	13.000.000	
	Máy chiếu	Cái	5	33.650.000	
	Đàn phím điện tử	Cái	1	15.000.000	
	Đệm thể dục	Cái	2	12.075.000	
	TRƯỜNG TH VÕ THỊ SÁU				
	Trống đội Yamaha	bộ	1	3.300.000	
	Trống trường bằng gỗ mặt 70cm da bò	bộ	1	2.475.000	



STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Máy chiếu	bộ	1	35.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha PSR R323	cái	1	25.000.000	
	Nệm thể dục (30*1.6*3.9)m	bộ	1	14.190.000	
	Đàn Organ Yamaha	Cái	1	25.000.000	
	Bảng chống lóa	cái	35	3.410.000	
	Bảng thông minh	cái	1	150.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	Bộ	15	13.000.000	
	Âm ly + loa + Micro + đầu DVD	Bộ	1	15.000.000	
	Trường THCS Dân tộc Nội trú				
	Bàn, ghế Cabin đơn cho học sinh	Bộ	80	4.000.000	
	Phòng tin học				
	+ Máy vi tính để bàn	Bộ	40	13.000.000	
	Máy chiếu	Bộ	1	45.000.000	
	Máy chiếu	bộ	1	45.000.000	
	Đàn Yamaha	Chiếc	1	12.000.000	
	Tivi	Cái	5	8.000.000	
	Hệ thống máy lọc nước RO	HT	1	50.000.000	
	Thiết bị dạy ngoại ngữ	Bộ	1	85.000.000	
	Trung tâm GNNN - GDTX				
	Máy chấm thi trắc nghiệm	Cái	1	50.000.000	
	Máy In bằng, chứng chỉ	Cái	1	15.000.000	
	Máy chiếu	Bộ	1	50.000.000	
	Thiết bị dạy nghề nông nghiệp				
	Máy sỏi đất	Cái	1	15.000.000	
	Máy phun thuốc trừ sâu KSF3501	Cái	2	3.000.000	
	Máy cắt cỏ	Cái	1	4.000.000	
	Máy đo độ ẩm ngũ cốc	Cái	1	2.000.000	
	Dụng cụ đo độ ẩm đất	Cái	1	500.000	
	Máy cày Kubota	Chiếc	1	200.000.000	
	Bình bơm thuốc trừ sâu	Cái	1	1.000.000	
	Găng tay	Đôi	10	20.000	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính (cái, bộ, hệ thống)	Định mức		Ghi chú
			Số lượng tối đa	Mức giá tối đa/01 đơn vị tài sản (đồng)	
	Ủng	Đôi	10	100.000	
	Máy đo PH cầm tay	Cái	1	500.000	
	Máy đo ôxy hòa tan cầm tay điện tử hiện số	Cái	1	2.000.000	
	Máy ấp trứng	Cái	1	3.000.000	
	Đèn soi trứng mini	Cái	1	200.000	
	Máy cắt mổ gà	Cái	2	500.000	
	Đèn sưởi ấm hồng ngoại	Cái	2	500.000	
	Máng uống tự động cho gà	Cái	1	200.000	
	Lồng gà đẻ	Cái	1	100.000	
	Vòi phun sương	Cái	3	200.000	
	Máy khám thai lợn	Cái	1	1.000.000	
	Máy phát hiện động dục	Cái	1	1.000.000	
	Máy phun thuốc sát trùng	Cái	1	500.000	
	Máng ăn tự động cho lợn chứa được 30kg cám	Cái	1	500.000	
	Kim bấm rìa tai lợn	Cái	1	100.000	
	Hộp mực sấm số tai lợn	Cái	3	50.000	
	Kim bấm nanh lợn	Cái	4	50.000	
	Kim bấm lỗ tai lợn	Cái	3	50.000	
	Bút viết thẻ tai	Cái	6	30.000	
	Cán dao mổ Inox	Cái	3	50.000	
	Lưỡi dao mổ	Cái	3	20.000	
	Panh thẳng	Cái	3	20.000	
	Nhiệt kế đo thân nhiệt	Cái	3	40.000	
	Kéo mổ khảo sát	Cái	3	30.000	
	Bơm dung dịch cho lợn con, dung tích 30ml	Cái	3	50.000	
	Tuýp tinh 50ml	Cái	5	50.000	
	Tuýp tinh 100ml	Cái	5	60.000	
	Xy lanh tự động 5ml	Cái	5	60.000	
	Xy lanh thường 50ml	Cái	10	20.000	
	Máy bấm thái cổ	Cái	1	4.000.000	
	Thiết bị trợ sản, phá thai bò	Cái	1	2.000.000	
	Đèn soi phổi tinh bò	Cái	1	200.000	
	Thẻ đeo tai bò	Cái	5	50.000	